

RUDYARD
KIPLING

CHUYỆN RỪNG XANH



Anh em Mowgli

Đêm đến Diều Chil về
Tung cánh bay ra Dơi Mang
Gia súc đã nhốt vào ổ
Vì ta tung hoành đến sáng.
Đây tự hào và sức mạnh,
Đây móng vuốt và răng nanh.
Kìa, tiếng gọi! Chúc sẵn tốt
Cho ai giữ Luật Rừng xanh!
Dạ khúc trong Rừng

Bảy giờ tối, trong dãy đồi Seeonee trời rất âm. Sói Cha thức dậy sau giấc ngủ ngày, gãi, ngáp, rồi duỗi hết chân này tới chân kia để xua đi cảm giác buồn ngủ trong các móng. Sói Mẹ nằm, cái mũi xám lớn vắt qua bốn sói con đang ngủ lộn nhào kêu chí chóe. Trăng rọi vào miệng hang nơi họ sống.

Sói Cha nói: “*A-uu!* Lại đến giờ sẵn rồi.”

Lúc ông sắp phóng xuống đồi thì một cái bóng nhỏ đuôi xù tiến qua cửa hang rên rì: “Chúc may mắn, ôi Sói đầu đàn. Chúc đàn trẻ cao quý may mắn và có hàm răng trắng khỏe, để chúng đừng bao giờ quên nạn đói trên thế gian này.”

Nó là con chó đồng Tabaqui Liếm đĩa. Loài sói ở Ấn Độ khinh bỉ Tabaqui vì nó chạy rong phá phách, bịa chuyện, nhá giẻ rách và mấy miếng da trong đồng rác làng. Nhưng loài sói cũng ngán nó, vì hơn ai hết trong rừng Tabaqui dễ nổi điên, mà hễ đã nổi điên thì nó quên là nó đã từng sợ bất kỳ ai, cứ thế chạy băng rừng cắn mọi thứ nó gặp dọc đường. Ngay cả con cọp cũng chạy trốn lúc Tabaqui nhỏ tẹo lên cơn điên, vì điên khùng là điều nhục nhã nhất xảy đến cho thú rừng. Chúng ta gọi nó là bệnh sợ nước, nhưng họ gọi nó là *dewanee* - chứng điên - và họ bỏ chạy.

Sói Cha nghiêm giọng nói: “Cứ vào mà xem, nhưng ở đây không có thức ăn đâu.”

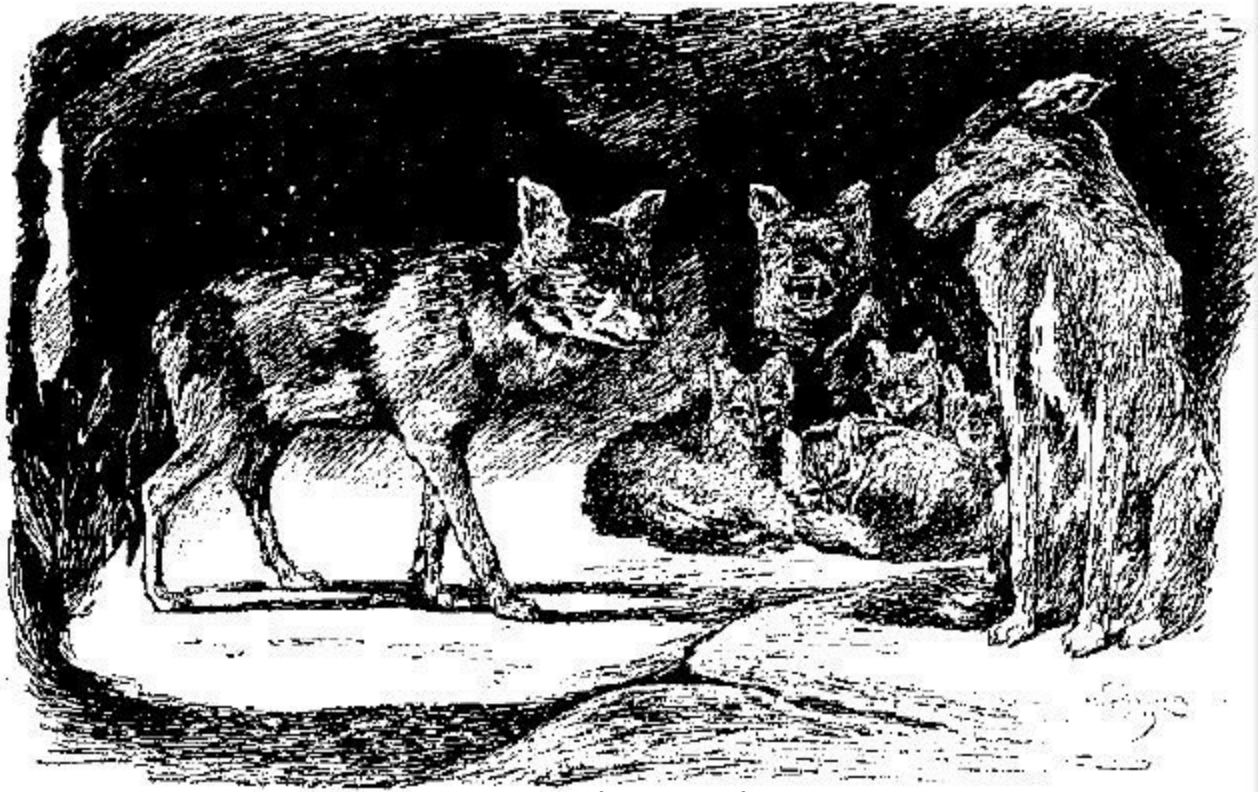
Tabaqui nói: “Không có cho sói, nhưng đối với một kẻ hèn mọn như tôi thì khúc xương khô cũng là bữa tiệc ngon. Tụi tôi, *Gidur-log* [Chó Đồng], tụi tôi là ai mà đòi kén với chọn chứ?” Nó hồi hả tới cuối hang, tìm thấy ở đó khúc xương nai còn dính chút thịt, liền ngồi gặm đầu xương kêu răng rắc đầy vui sướng.

Nó vừa nói vừa liếm môi: “Cám ơn nha, bữa ăn ngon quá. Tụi nhỏ quý phái xinh đẹp quá! Mắt tụi nó lớn ghê! Lại còn trẻ trung nữa! Đúng vậy, đúng vậy, đáng lẽ tôi phải nhớ con vua thì từ lúc sơ sinh đã là nam nhi.”

Ồi dào, Tabaqui biết rõ như bất cứ ai rằng không có gì xui xẻo bằng khen tụng vào mặt con

nít. Nó khoái chí thấy Sói Mẹ và Sói Cha có vẻ khó chịu.

Tabaqui ngồi yên, thích thú về cái điều tai ác nó vừa làm, rồi nó nói đầy ác ý: “Ông bự Shere Khan đã đổi đất săn của ông. Mùa trăng sau ông sẽ săn ở đây đồi này, ông nói với tui vậy đó.”



“Chúc may mắn, ôi Sói đầu đàn”

Shere Khan là con cọp sống gần sông Wainganga cách đây hai mươi dặm.⁽¹⁾

Sói Cha nổi giận: “Nó không có quyền! Theo Luật Rừng nó không có quyền đổi vùng mà không báo trước. Nó sẽ làm hoảng sợ mọi con mồi trong vòng mười dặm, trong khi tôi hồi này phải săn cho cả hai.”

Sói Mẹ khẽ nói: “Mẹ nó không phải vô cớ gọi nó là Lungri [Thọt]. Nó sinh ra đã què một cẳng. Vì vậy nó chỉ giết gia súc. Bây giờ dân làng Wainganga đang tức nó, rồi nó tới đây để chọc giận dân làng *mình*. Họ sẽ lùng sục trong rừng tìm nó khi nó đã trốn xa, còn mình với đàn con phải chạy khi người ta đốt cỏ. Thật là mình biết ơn Shere Khan nhiều lắm!”

Tabaqui nói: “Tui chuyển lời cảm ơn của bà cho ông nhe?”

Sói Cha gắt: “Cút ra! Cút ra săn với chủ của mày. Đêm nay mày phá hại vậy đủ rồi.”

Tabaqui nói nhỏ: “Tui đi. Ông bà nghe Shere Khan trong bụi rậm bên dưới kia. Lẽ ra tui đừng báo tin làm gì mất công.”

Sói Cha lắng tai. Ông nghe thấy, trong thung lũng tối bên dưới đổ xuống dòng sông nhỏ, tiếng khô khốc, giận dữ, gầm gừ, ê a nhai nhai của con cọp chưa bắt được mồi và nếu cả Rừng đều biết chuyện thì nó cũng bất cần.

Sói Cha nói: “Đồ ngu! Lại bắt đầu săn đêm bằng cái tiếng ồn đó! Bộ nó nghĩ con nai đực của đất nhà mình cũng giống mấy con bò thiên mập ở Wainganga của nó hay sao vậy hả?”

Sói Mẹ nói: “Suyt. Tối nay nó không săn bò thiên hay nai đực đâu. Nó săn Người.”

Tiếng nhai nhai đã đổi thành một thứ gừ gừ rền rĩ như đến từ cả bốn góc la bàn. Thứ tiếng làm tiêu phu và dân du mục ngủ ngoài trời ngơ ngác, và đôi khi khiến họ chạy vô đúng miệng cộp.

Sói Cha nói, nhe hết hàm răng trắng của mình ra: “Người! Ghê gớm quá! Bọ cánh cứng với ếch nhái trong bồn nước không đủ hay sao mà nó phải ăn thịt Người, lại còn trên đất nhà mình nữa!”

Luật Rừng bao giờ cũng có lý do, cấm muông thú ăn thịt Người, trừ phi nó giết để dạy con nó cách giết, và trong trường hợp đó nó phải săn ở ngoài khu đất săn của bầy hay đàn mình. Lý do thực sự là nếu giết người thì sớm muộn gì dân da trắng cũng sẽ cười voi đến, mang theo súng, cùng hàng trăm người da nâu đem công chiêng, pháo sáng và thuốc. Khi đó mọi loài trong rừng sẽ chịu nạn. Còn lý do mà loài thú bảo nhau là: Người là sinh vật yếu nhất và thiếu khả năng tự vệ nhất trong mọi loài, vì vậy đừng tới họ chẳng hay hóm gì. Chúng cũng nói - điều này thì đúng - rằng đứa nào ăn thịt Người sẽ bị ghẻ lở và rụng răng.

Tiếng gừ gừ to lên và chấm dứt bằng tiếng “*Aaa!*” sâu trong cổ họng con cộp vồ mồi. Rồi tiếng tru - một tiếng tru không ra dáng cộp - của Shere Khan.

Sói Mẹ nói: “Nó vồ hụt. Chuyện gì vậy?”

Sói Cha chạy ra vài bước thì nghe thấy Shere Khan đang càu nhàu lẩm bẩm đầy hung dữ, vì nó ngã bổ nhào vào trong bụi rậm.

Sói Cha lẩm bẩm: “Cái thằng ngu không nghĩ ngợi gì nhảy luôn vô lửa trại của tiêu phu rồi bị phỏng chân. Tabaqui đi với nó.”

Sói Mẹ nói, vênh một tai: “Có ai đang lên đồi. Sẵn sàng.”

Bụi cây hơi có tiếng xào xạc, Sói Cha ngồi phệt xuống trên hai chân sau, sẵn sàng phóng lên. Khi đó, nếu nhìn kỹ bạn sẽ thấy điều kỳ diệu nhất trên thế gian: con sói sững lại giữa chừng cú nhảy. Nó chồm lên trước khi thấy cái nó đang nhảy tới, nhưng rồi nó cố dừng lại. Kết quả là nó phóng thẳng lên không trung một mét hai hay một mét rưỡi, rồi đáp xuống gần đúng chỗ nó đã rời mặt đất.

Nó kêu lên: “Người! Một đứa nhỏ con của loài người. Nhìn kia!”

Ngay trước mặt nó, một đứa bé da nâu trần truồng mới biết đi đang đứng vịn nhánh cây thấp - một vật nhỏ xíu mềm mại và mũm mĩm như thế có bao giờ đến hang sói ban đêm. Nó nhìn lên mặt Sói Cha, rồi cười.

Sói Mẹ nói: “Đứa nhỏ con của loài người đấy à? Tôi chưa bao giờ thấy đứa nào. Mang nó lại đây.”

Một con sói đã quen đi chuyên con của mình thì có thể ngậm một quả trứng mà không làm vỡ nếu cần, nên mặc dù hàm Sói Cha ngậm ngay lưng đứa bé nhưng không cái răng nào làm

trầy da nó khi ông đặt nó xuống giữa đám sói con.

Sói Mẹ âu yếm nói: “Nhỏ quá! Trơ trụi quá, và... can đảm quá!” Đứa bé chen lấn giữa đám sói con để đến gần làn da ấm. “*Ahai!* Nó bú chung với mấy đứa kia. Vậy ra đây là đứa bé con của người. A, đã bao giờ có sói nào có thể khoe là có đứa bé con của người ở giữa đàn con mình chưa?”

Sói Cha nói: “Tôi thỉnh thoảng có nghe chuyện ấy, nhưng trong Bầy mình hay vào thời của tôi thì chưa bao giờ cả. Nó chẳng có sợi lông nào, và tôi chỉ đụng chân một cái là giết chết nó liền. Nhưng coi kìa, nó ngó lên chẳng sợ gì kìa.”

Ánh trắng bị lấp khỏi miệng hang, vì cái đầu vuông bự và đôi vai của Shere Khan xô vào cửa hang. Tabaqui ở đằng sau nó đang kêu the thé: “Chúa tể ời, chúa tể ời, nó vô đây nè!”

Sói Cha nói: “Hân hạnh đón Shere Khan,” nhưng mắt ông bừng giận, “Shere Khan cần gì?”

Shere Khan nói: “Con mồi của tao. Đứa nhỏ con của người đi lối này. Cha mẹ nó bỏ chạy rồi. Đưa nó cho tao.”

Shere Khan đã nhảy vào đồng lửa trại của tiểu phu, như Sói Cha nói, và điên tiết vì chân bị phỏng đau đớn. Nhưng Sói Cha biết miệng hang quá hẹp cộp không thể chui vào được. Ngay cả ở miệng hang, vai và chân trước của Shere Khan cũng bị ép chặt vì thiếu chỗ, như vai và chân một người định đánh nhau trong thùng vậy.

Sói Cha nói: “Sói là loài tự do. Sói tuân lệnh Bầy Trưởng, chứ không theo lời đứa vằn vện giết gia súc nào hết. Đứa bé người là của chúng tôi, giết nó hay không là tùy chúng tôi.”

“Tùy mày hay không tùy mày! Nói lằng nhằng gì vậy hả? Thề trên con bò đực tao đã giết, tao phải đứng thờ mũi vô ô chó của mày để đòi phần chính đáng của tao hay sao? Ta, Shere Khan, chính ta đang nói đây!”

Tiếng cộp gầm như sấm trong hang. Sói Mẹ gạt đàn con ra phóng tới, mắt bà như hai vàng trắng xanh trong bóng tối, đối diện cặp mắt rực lửa của Shere Khan.

“Còn đây là tao, Raksha [Quý Dữ] trả lời. Đứa bé người là của tao, hồi Lungri - của tao! Nó sẽ không bị giết. Nó sẽ sống để chạy với Bầy và săn với Bầy. Rồi rút cuộc, mày, đồ săn con nít trần truồng, đồ ăn ếch, bắt cá kia, hãy chống mắt mà coi nó săn *mày*! Bây giờ cút ngay, không thì tao thề trên con nai bờm mà tao đã giết (*tao* không ăn thịt gia súc chết đói), thẳng cục súc rừng xanh bị phỏng kia, là mày sẽ về với mẹ mày, què hơn cả cái ngày mày ra đời! Cút đi!”

Sói Cha nhìn theo sừng sốt. Ông hầu như quên những ngày ông chinh phục Sói Mẹ trong cuộc đấu sòng phẳng với năm sói khác, khi bà sống trong Bầy và được cả Bầy gọi là Quý Dữ không phải chỉ để khen suông. Shere Khan có thể đối mặt Sói Cha, nhưng nó không thể chống lại Sói Mẹ, vì nó biết rằng khi nó ở cửa hang thì bà có mọi lợi thế của kẻ ở bên trong, bà sẽ đánh tới chết. Vì thế nó gầm gừ lùi khỏi miệng hang, và khi ra chỗ trống nó gầm lên:

“Chó cậy gần nhà! Rồi xem Bầy sẽ nói sao về việc nuôi người-sói này. Đứa nhỏ là của tao, rút cuộc rồi nó cũng sẽ tới hàm răng của tao, đồ ăn cấp đuôi xù!”

Sói Mẹ hôn hên ngồi bệt xuống giữa đàn con, và Sói Cha nói với bà bằng vẻ nghiêm trọng:

“Điều này Shere Khan nói rất đúng. Đứa nhỏ phải được đưa ra trình với Bầy. Bà có muốn giữ nó không, Mẹ nó?”

Bà hôn hên: “Giữ nó! Nó đến trợ trụ, ban đêm, chỉ một mình và đói lắm, nhưng nó không sợ! Nhìn kìa, nó đã đẩy một bé con của tôi sang bên cạnh rồi. Còn tên đồ tể què đó đã suýt giết nó rồi bỏ chạy tới Wainganga trong khi dân làng ở đây lung sục hết hang ổ của mình để trả thù! Giữ nó hả? Chắc chắn tôi sẽ giữ nó. Nằm yên nào, ếch nhỏ. Ô con Mowgli - ta sẽ gọi con là Ếch Mowgli - sẽ đến lúc con săn Shere Khan như nó đã săn con.”

Sói Cha nói: “Nhưng Bầy của mình sẽ nói sao?”

Luật Rừng đặt ra rất rõ là khi sói lập gia đình thì nó có thể rút khỏi Bầy của mình. Nhưng ngay khi con của nó đủ lớn để tự đứng lên thì nó phải đem con tới Hội đồng Bầy, thường thì Hội đồng họp mỗi tháng một lần lúc trăng rằm, để các sói khác có thể nhận diện chúng. Sau kỳ xem xét đó, sói con tự do muốn chạy chỗ nào thì chạy, và trước khi chúng giết được con nai đầu tiên, không một sói lớn nào trong Bầy được phép giết một đứa trong bọn chúng. Nếu chuyện đó xảy ra vì bất cứ lý do gì hình phạt sẽ là tìm sát thủ rồi giết hẳn ngay tại chỗ; chỉ cần nghĩ một chút bạn sẽ thấy rằng phải như vậy.

Sói Cha đợi đến khi các con có thể chạy chập chững, rồi đến đêm họp Bầy ông đem chúng và Mowgli cùng Sói Mẹ tới Đá Hội đồng, một đỉnh đồi đầy sỏi và đá tảng nơi hàng trăm con sói có thể ẩn nấp. Akela, Sói Cô Độc lông xám to lớn, mạnh mẽ và khôn khéo dẫn dắt Bầy, nằm dài trên phiến đá của mình. Ngồi phía dưới ông có hơn bốn mươi sói đủ cỡ đủ màu, từ những sói kỳ cựu màu chồn có thể một mình bắt nai cho tới mấy con ba tuổi lông đen nghĩ là chúng có thể vồ được. Sói Cô Độc đã dẫn dắt Bầy được một năm. Hồi còn trẻ ông đã hai lần rơi vào bẫy sói, một lần bị đánh rồi bỏ cho chết, vì thế ông biết cách thức và tập quán của loài người. Ở Đá Hội đồng không ai nói nhiều. Mấy sói con ngã nhào lên nhau ở giữa vòng nơi các ông bố bà mẹ của chúng ngồi. Thỉnh thoảng một sói già lặng lẽ đi tới chỗ một sói con, nhìn nó chăm chú, rồi về chỗ của mình không một tiếng chân. Đôi khi một bà mẹ đẩy con mình ra giữa ánh trăng để cho chắc rằng không ai bỏ sót nó.

Khi đó Akela từ phiến đá của mình sẽ gọi: “Các sói biết Luật, các sói biết Luật. Hãy nhìn kỹ, hỡi các sói!”

Và các bà mẹ nôn nóng lặp lại lời kêu: “Nhìn kìa, nhìn kỹ, hỡi các sói!”

Cuối cùng, lông cổ Sói Mẹ dựng đứng khi đến lượt Sói Cha đẩy “Ếch Mowgli” (họ gọi nó như thế) vào giữa. Nó ngồi đó cười nghịch mấy viên sỏi lấp lánh dưới ánh trăng.

Akela không hề ngẩng đầu khỏi chân, nhưng tiếp tục tiếng gọi đơn điệu: “Hãy nhìn kỹ!”

Một tiếng gầm ghen từ phía sau bãi đá, giọng Shere Khan kêu: “Đứa nhỏ của ta. Đưa nó cho ta. Bầy Tự do làm gì với đứa con của loài người?”

Akela thậm chí không vênh tai. Ông chỉ nói: “Hãy nhìn kỹ, hỡi các sói! Bầy Tự do có liên can gì tới lệnh của bất kỳ ai ngoài Bầy Tự do? Hãy nhìn kỹ!”

Nhiều tiếng gầm gừ đồng loạt nổi lên, rồi một sói trẻ bốn tuổi nhắc lại câu hỏi của Shere Khan với Akela: “Bây Tự do làm gì với đứa con của loài người?”

À, Luật Rừng quy định rằng nếu có tranh cãi về việc một sói con có quyền được nhận vào Bầy hay không, thì nó phải được sự ủng hộ của ít nhất hai thành viên không phải là cha mẹ nó trong Bầy.

Akela hỏi: “Ai ủng hộ đứa nhỏ này? Ai trong Bầy Tự do ủng hộ?” Không có tiếng trả lời, và Sói Mẹ đã sẵn sàng đón nhận điều bà biết sẽ là trận đánh cuối cùng của mình, nếu sự việc dẫn tới đánh nhau.

Khi ấy duy nhất một con thú khác loài được phép có mặt ở Hội đồng Bầy - Baloo, gấu nâu ngái ngủ chuyên dạy sói con Luật Rừng, Baloo già có thể đến và đi nơi nào ông thích vì ông chỉ ăn hạt và củ và mật - liền đứng lên trên hai chân sau mà nói ồm ồm.

Ông nói: “Đứa nhỏ con của loài người - đứa nhỏ con của loài người à? Tôi ủng hộ đứa nhỏ con của loài người. Một đứa nhỏ con của loài người chẳng có gì hại. Tôi không giỏi nói năng, nhưng tôi nói sự thật. Hãy để nó chạy với Bầy, để nó được nhập Bầy cùng với các sói khác. Chính tôi sẽ dạy nó.”

Akela lên tiếng: “Chúng ta còn cần một lời ủng hộ nữa. Baloo đã nói, và ông ấy là thầy dạy sói con của chúng ta. Còn ai ủng hộ ngoài Baloo?”

Một bóng đen rơi vào vòng. Báo Đen Bagheera, đen tuyền như mực, nhưng nét họa tiết báo hiện ra dưới ánh sáng giống như vân lụa. Ai cũng biết Bagheera, và không ai dám cản đường ông, vì ông tinh quái như Tabaqui, táo bạo như trâu rừng, liêu lĩnh như voi bị thương. Nhưng giọng ông dịu như mật ong rừng nhỏ giọt từ trên cây xuống, và bộ da ông mềm hơn lông tơ.

Ông gừ gừ: “Hỡi Akela, hỡi các sói Bầy Tự do, tôi không có quyền gì trong buổi hội họp của quý vị, nhưng Luật Rừng nói rằng nếu Bầy còn đang lưỡng lự về một sói con mới, trừ phi là việc án mạng, thì mạng sống của sói con đó có thể được chuộc bằng một giá. Và Luật không nói ai có thể hay ai không thể chuộc. Tôi nói đúng không?”

Bọn sói trẻ nói: “Đúng! Đúng!”, chúng luôn đói bụng. “Hãy lắng nghe Bagheera. Sói con có thể được chuộc. Đó là Luật.”

Bagheera nói: “Biết rằng tôi không có quyền lên tiếng ở đây, nhưng tôi xin phép quý vị.”

Hai chục giọng cất lên: “Cứ nói đi.”

“Giết một đứa nhỏ trơ trụi là điều hèn hạ. Ngoài ra, khi nó lớn lên, nó có thể làm trò vui cho quý vị. Baloo đã nói ủng hộ nó. Bây giờ, tiếp theo lời của Baloo, tôi sẽ góp một con bò đực, một con mập mập, mới giết, cách đây chưa tới nửa dặm, nếu quý vị nhận đứa bé người theo như Luật. Như vậy có trở ngại gì không?”

Nhiều tiếng cất lên âm ỉ: “Trở ngại gì? Nó sẽ chết dưới trận mưa mùa đông. Nó sẽ cháy sém dưới mặt trời. Một con ếch trần trụi làm gì hại được tụi mình? Để nó chạy với Bầy đi. Con bò ở đâu, Bagheera? Hãy nhận nó.”

Và khi đó tiếng Akela gọi trầm trầm: “Hãy nhìn kỹ, hãy nhìn kỹ, hỡi các sói!”

Mowgli vẫn chú tâm vào mấy viên sỏi, nó không để ý khi các sói lần lượt đến nhìn nó. Cuối cùng tất cả chúng xuống đồi tìm con bò chết, chỉ còn lại Akela, Bagheera, Baloo và các sói của Mowgli. Shere Khan vẫn gằm rống trong đêm, nó giận lắm vì họ đã không giao Mowgli cho nó.

Bagheera nói dưới bộ ria: “Áy, cứ rống cho lớn đi, vì sẽ đến lúc cái đũa trần trụi này khiến mày phải rống một điệu khác, nếu không thì tao chẳng biết gì về Người.”

Akela nói: “Tốt lắm. Loài người và con cái của họ rất thông minh. Một ngày nào đó đứa bé có thể giúp một tay.”

Bagheera nói: “Đúng vậy, giúp một tay lúc cần, vì không ai có thể hy vọng dẫn dắt Bầy mãi được.”

Akela không nói gì. Ông đang nghĩ tới cái lúc sẽ xảy đến cho mọi Bầy Trưởng, khi sức khỏe của ông rời bỏ ông và ông ngày càng yếu, tới khi rốt cuộc ông bị các sói giết và một Bầy Trưởng mới xuất hiện - để rồi đến lượt nó bị giết.

Ông nói với Sói Cha: “Đem nó đi, và dạy nó trở thành một sói trong Bầy Tự do.”

Đó là cách Mowgli được nhập vào Bầy Sói Seonee bằng giá một con bò đực và lời ủng hộ của Baloo.

Bây giờ bạn phải bằng lòng bỏ qua mười hay mười một năm, và chỉ phỏng đoán mọi thứ về cuộc sống kỳ diệu của Mowgli trong bầy sói, vì nếu viết cả ra thì không biết bao nhiêu cuốn sách mới đủ. Nó lớn lên với các sói con, mặc dù tất nhiên các sói hầu như đã là sói trưởng thành trong khi Mowgli vẫn còn là đứa trẻ. Sói Cha dạy nó phận sự của nó và ý nghĩa của các thứ trong Rừng, cho đến khi mỗi tiếng xào xạc trong cỏ, mỗi làn hơi của trời đêm ẩm áp, mỗi nốt nhạc của đàn cú trên đầu, mỗi tiếng sột soạt của móng dơi đậu chóc lát trên cây, mỗi tiếng tóe nước của từng con cá nhỏ nhảy trong ao, tất cả đều có nghĩa đối với nó như ý nghĩa của công việc văn phòng đối với một doanh nhân. Những khi không học, nó ngồi dưới nắng mà ngủ, rồi ăn và lại ngủ. Khi nó cảm thấy bẩn hay nóng, nó bơi trong ao rừng. Khi nó thèm mật (Baloo bảo nó rằng mật và hạt ăn cũng ngon như thịt sống) nó liền tự trèo lấy, và Bagheera chỉ nó cách leo. Bagheera hay nằm dài trên cành cây mà gọi: “Đến đây, Em Nhỏ,” và lúc đầu Mowgli chỉ bám cây như con cù lần, nhưng về sau nó sẽ tung mình qua các cành cây, gan dạ gần như đười ươi xám.

Nó cũng ngồi chỗ của nó ở Đá Hội đồng khi Bầy họp, ở đó nó khám phá ra rằng nếu nó nhìn chăm chăm vào bất cứ sói nào thì con sói sẽ phải cụp mắt xuống, vì thế nó thường nhìn chăm chăm cho vui. Lúc khác nó sẽ nhả những cọng gai dài khỏi lòng bàn chân các bạn mình, vì các sói hay bị đâm và quả gai bám trên lông làm chúng đau ghê lắm.

Ban đêm nó hay xuống sườn đồi đến khu đất trống trọt, hiếu kỳ nhìn dân làng trong các căn

chòi của họ. Nhưng nó ngờ vực loài người, vì Bagheera đã chỉ cho nó thấy cái thùng vuông có cửa sập giấu ở trong rừng một cách ranh ma đến nỗi nó suýt bước vào, và bảo nó rằng đó là cái bẫy.

Nó thích nhất là đi với Bagheera vào lòng rừng tối âm, ngủ ngày ngật hết cả ngày, và ban đêm xem Bagheera săn. Bagheera săn khắp nơi khi ông thấy đói, và Mowgli cũng vậy - với một ngoại lệ. Ngay khi nó đủ lớn để hiểu, Bagheera bảo rằng nó không bao giờ được đụng tới trâu bò vì nó được nhận vào Bầy bằng giá mạng sống của một con bò đực. Bagheera nói: “Cả Rừng là của con, con có thể săn mọi thứ mà con đủ sức để săn. Nhưng vì con bò đã mạng con nên con không bao giờ được giết hay ăn bất cứ trâu bò nào, dù già hay non. Đó là Luật Rừng.” Mowgli nhất mực vâng lời.

Và nó ngày càng lớn khỏe như một đứa trẻ phải lớn, mà không biết mình đang học bài học gì, và không nghĩ ngợi đến điều gì trên thế gian ngoại trừ những thứ để ăn.

Một đôi lần Sói Mẹ bảo nó rằng Shere Khan là đứa không tin được, và sẽ tới ngày nó phải giết Shere Khan. Một sói trẻ sẽ nhớ lời khuyên ấy từng giây phút, nhưng Mowgli thì quên vì nó chỉ là đứa bé - tuy nó sẽ tự gọi mình là sói nếu nó biết nói tiếng người.



Nằm dài trên cành cây mà gọi, “Đến đây, Em Nhỏ

Shere Khan luôn cản đường nó trong rừng, vì khi Akela trở nên già yếu, con cọp què đã trở thành bạn thân với bọn sói trẻ trong Bầy, chúng theo nó để ăn đồ thừa, một điều Akela sẽ không bao giờ cho phép nếu ông dám sử dụng quyền lực của mình tới giới hạn thích hợp. Rồi Shere Khan nịnh nọt chúng và hỏi sao những sói săn trẻ giỏi như vậy lại chịu bị dẫn dắt bởi một con sói sắp chết và một đứa bé người. Shere Khan nói: “Họ kể cho tao là ở Hội đồng tụi mày không dám nhìn giữa hai mắt nó.” Nghe vậy mấy con sói trẻ liền gầm gừ xù lông.

Bagheera có tai có mắt khắp nơi, ông biết chuyện này, và một đôi lần ông nói rất nhiều với Mowgli rằng Shere Khan sẽ có ngày giết nó. Mowgli cười đáp: “Con có Bầy và con có ông; và Baloo, dù ông ấy lười lắm, ông ấy vẫn có thể đánh một hai cái giúp con. Tại sao con phải sợ?”

Một hôm trời rất ẩm, Bagheera nảy ra một ý mới từ một điều ông nghe được. Có lẽ Nhím Sahi đã kể cho ông.

Nhưng Bagheera nói với Mowgli khi họ ở sâu trong Rừng, lúc thằng bé gói đầu lên bộ da

đen lộng lẫy của ông: “Nè Em Nhỏ, đã bao nhiêu lần ta nói Shere Khan là kẻ thù của con rồi?”

Mowgli nói: “Nhiều lần như trái trên cây dừa đó,” dĩ nhiên nó đâu biết đếm. “Chuyện gì vậy? Con buồn ngủ, Bagheera à, còn Shere Khan chỉ được cái đuôi dài và to mồm thôi - như Công Mor đó.”

“Nhưng đây không phải lúc để ngủ. Baloo biết, ta biết, Bầy biết, và ngay cả con nai ngu si, khờ khạo cũng biết. Tabaqui cũng đã bảo con.”

Mowgli nói: “Hô hô! Tabaqui mới gặp con không lâu, nói láo lếu rằng con là thằng nhỏ trần trụi con của loài người và không đủ sức đào củ-heo. Nhưng con nắm đuôi Tabaqui quật nó hai lần vào cây dừa để dạy nó lễ phép hơn.”

“Như thế là đại, mặc dù Tabaqui là đứa phá phách, nhưng nó đã kể cho con điều rất quan hệ tới con. Hãy mở cặp mắt ra, Em Nhỏ. Shere Khan không dám giết con trong rừng. Nhưng hãy nhớ là Akela già lắm rồi, chẳng bao lâu sẽ đến ngày ông ấy không giết được con nai, khi đó ông ấy sẽ không là Bầy Trưởng nữa. Những sói đã kiểm tra con khi con được mang tới Hội đồng Bầy lần đầu, bây giờ họ cũng già, còn mấy sói trẻ thì tin lời Shere Khan dạy chúng là trong Bầy không có chỗ cho một người-sói. Chẳng bao lâu con sẽ là người.”

Mowgli nói: “Một người không đi với anh em mình thì là cái gì? Con sinh ra trong rừng. Con tuân theo Luật Rừng, và trong Bầy không có sói nào chưa từng được con nhổ gai dưới chân họ cho. Chắc chắn họ là anh em của con.”

Bagheera đuổi mình hết cỡ và lim dim mắt. Ông nói: “Em Nhỏ, sờ dưới hàm ta xem.”

Mowgli đưa bàn tay nâu khỏe của nó lên, và ngay dưới cái cảm mượt như lụa của Bagheera, nơi bắp thịt lớn cuộn cuộn khuất dưới bộ lông bóng loáng, nó bắt gặp một vết nhỏ trụi lông.

“Không ai trong rừng biết rằng ta, Bagheera, có cái vết đó - vết của vòng đeo cổ. Nhưng, Em Nhỏ à, ta sinh ra giữa loài người, và mẹ ta chết giữa loài người, trong chuồng ở lâu đài của vua xứ Oodeypore. Vì lý do đó ta đã chuộc mạng con ở Hội đồng khi con còn là đứa nhỏ trơ trụi. Ừ, ta cũng sinh ra giữa loài người. Ta không hề thấy rừng. Họ đã cho ta ăn bằng cái đĩa sắt để sau chân song, cho đến một đêm ta cảm thấy ta là Báo Bagheera chứ không phải đồ chơi của người, ta bèn phá vỡ cái khóa vớ vẩn bằng một cú tát rồi bỏ đi. Và do ta đã biết cung cách của loài người nên trong Rừng ta trở nên dễ sợ hơn Shere Khan. Không đúng sao?”

Mowgli nói: “Đúng, cả Rừng sợ Bagheera - trừ Mowgli.”

Báo đen nói rất dịu dàng: “Ồ, con là đứa bé người, và cũng như ta đã trở về rừng của ta, vì thế rốt cuộc con cũng sẽ phải về lại với loài người, với những người là anh em của con, nếu con không bị giết ở Hội đồng Bầy.”

Mowgli hỏi: “Nhưng tại sao... tại sao có ai muốn giết con?”

Bagheera nói: “Hãy nhìn ta,” và Mowgli nhìn ông không chớp. Nửa phút sau con báo lớn quay đầu đi.

Ông nói, chân ông dẫm chỗ trên đám lá: “Lý do là đó. Ngay cả ta cũng không thể nhìn thẳng vào mắt con, dù ta sinh ra giữa loài người, và ta yêu con, Em Nhỏ. Những thú khác ghét con vì mắt họ không thể nhìn mắt con, vì con khôn ngoan, vì con nhỏ gai trên bàn chân họ - vì con là người.”

Mowgli ủ rũ nói: “Con không biết những điều này,” và nó nhú hàng lông mày rậm đen.

“Luật Rừng là gì? Đánh trước rồi nói sau. Vì tính bất cần của con, chúng biết con là người. Nhưng hãy khôn ngoan. Trong thâm tâm, ta biết khi Akela hực con mỗi - mỗi lần săn ông ấy ghi con nài một khó hơn - Bây sẽ chống lại ông ấy và chống lại con. Họ sẽ họp Hội đồng Rừng ở phiến đá, rồi... rồi... ta biết rồi!” Bagheera chồm lên nói. “Con mau xuống đám chòi của người ở trong thung lũng, lấy một ít Hoa Đỏ mà họ trồng nơi đó, để đến lúc cần thì con có thể có đứa bạn mạnh hơn cả ta hay Baloo hay những sói yêu mến con trong Bầy. Đi lấy Hoa Đỏ đi.”

Hoa Đỏ mà Bagheera nói đến là lửa, chỉ vì không sinh vật nào trong rừng gọi lửa bằng đúng tên của nó. Muông thú sống sợ lửa cực độ, và đặt ra hàng trăm cách để tả nó.

Mowgli nói: “Hoa Đỏ à? Nó mọc ngoài chòi của họ vào lúc chạng vạng. Con sẽ lấy nó.”

Bagheera hãnh diện nói: “Đứa nhỏ con loài người nói thế đấy. Nhớ rằng nó mọc trong mây chậu nhỏ. Đi lấy một chậu nhanh lên, rồi giữ nó bên cạnh con cho đến lúc cần.”

Mowgli nói: “Được! Con đi. Nhưng ông có chắc không, ồ Bagheera của con” - nó vòng tay ôm cái cổ lỏng lẻo và nhìn sâu vào cặp mắt lớn của ông - “ông có chắc tất cả chuyện này là do Shere Khan làm không?”

“Thề trên cái khóa vỡ đã trả tự do cho ta, ta chắc chắn, Em Nhỏ à.”

Mowgli nói: “Vậy thì, thề trên con bò đã chuộc mạng con, con sẽ hoàn trả Shere Khan đầy đủ, và có thể trả dư một chút,” rồi nó nhảy vọt đi.

Bagheera tự nhủ: “Đúng là người. Hoàn toàn đúng là người,” rồi ông nằm xuống lại. “Ồ, Shere Khan, chưa bao giờ mày sẵn xui xẻo hơn cuộc săn ếch mười năm trước của mày!”

Mowgli chạy thật nhanh xuyên rừng càng lúc càng xa, và tìm nó hừng hực. Nó về tới hang lúc sương chiều lên cao, rồi hít sâu, nhìn xuống thung lũng. Các sói con đã ra ngoài, nhưng ở cuối hang, Sói Mẹ, qua hơi thở của Mowgli, biết có điều đang làm phiền con ếch của bà.

Bà hỏi: “Chuyện gì vậy con?”

Nó đáp lời: “Shere Khan nó cứ lèm bà lèm bèm hoài. Tối nay con săn ở khu đất cày.” Rồi nó lao xuống qua các bụi cây, đến dòng nước ở đáy thung lũng. Tối đó nó ngập ngừng, vì nó nghe tiếng gọi săn của Bầy, nghe tiếng rống của con nai bồm bị săn đuổi, và tiếng khịt mũi khi con nai đực bị dồn vào đường cùng.

Khi ấy có tiếng tru độc ác, gay gắt của mấy sói trẻ: “Akela! Akela! Hãy để Sói Cô Độc tỏ sức mạnh. Tránh ra cho Bầy Trưởng! Nhảy lên đi, Akela!”

Sói Cô Độc chắc đã nhảy và vồ hực, vì Mowgli nghe hàm răng của ông tấp vào nhau và tiếng ăng, vì con nai bồm dùng cẳng trước đá ngã ông.

Nó không chân chừ nữa mà vút đi. Tiếng ăng ăng nhỏ dần phía sau, khi nó chạy vào khu đất trống nơi dân làng sống.

Nó hớn hên lúc nép xuống đồng cỏ khô cho gia súc bên cạnh cửa sổ một căn chòi. “Bagheera nói đúng. Ngày mai là ngày cho cả Akela và mình.”

Rồi nó áp mặt sát vào cửa sổ nhìn ngọn lửa trên lò sưởi. Trong đêm nó thấy bà vợ ông nông dân thức dậy nuôi lửa bằng mấy cục đen đen. Khi trời sáng và sương mù lạnh trắng bạch, nó thấy đĩa nhỏ nhất cái chậu đan cối bên trong trát đất, đổ vào đó mấy hòn than đỏ rực, ủ chậu vào trong tấm vải khoác, rồi đi ra chăm sóc đàn trâu trong chuồng.

Mowgli nói: “VẬY THÔI SAO? Nếu một đĩa nhỏ làm được thì chẳng có gì để sợ.” Thế là nó sải chân qua góc nhà gặp thằng bé, lấy cái chậu trong tay nó, và biến mất vào sương mù trong khi thằng bé rú lên vì sợ.

Mowgli nói: “Họ rất giống mình,” nó thối vào chậu, như đã thấy người đàn bà làm. “Cái này sẽ chết nếu mình không cho nó ăn.” Rồi nó bỏ mấy cành con và vỏ cây khô lên vật màu đỏ ấy. Tới lưng đồi nó gặp Bagheera với bộ lông đậm sương sớm lấp lánh như nguyệt ngọc.

Báo nói: “Akela vồ hụt mồi. Đáng lẽ chúng đã giết ông ấy tối hôm qua, nhưng chúng cũng muốn gặp con. Chúng đang tìm con trên đồi.”

“Con đã đến khu đất cày. Con sẵn sàng rồi. Xem này!” Mowgli giơ cao chậu lửa.

“Tốt! Nào, ta đã thấy loài người ẩn càn khôn vào vật đó, lập tức Hoa Đỏ nở ở đầu càn. Con không sợ chứ?”

“Không. Tại sao con phải sợ? Bây giờ con nhớ - nếu đó không là giấc mơ - hỡi con chưa là sói thì con đã nằm cạnh Hoa Đỏ, nó ấm và dễ chịu.”

Suốt ngày hôm ấy Mowgli ngồi trong hang chăm sóc chậu lửa của nó và nhúng cành khô vào để xem chúng ra sao. Nó tìm thấy một cành vừa ý nó. Đến tối Tabaqui tới hang và rất cộc cằn bảo nó rằng nó phải có mặt ở Đá Hội đồng, nó bèn cười cho đến khi Tabaqui bỏ chạy. Khi đó Mowgli mới đi tới Hội đồng, vẫn cười.

Sói Cô Độc Akela nằm bên cạnh phiến đá của ông, đó là dấu hiệu rằng vai trò Bầy Trưởng đang bỏ trống, và Shere Khan với bọn sói tùy tùng ăn đồ thừa của hắn đi nghênh ngang, nghe lời nịnh bợ. Bagheera nằm sát Mowgli, và chậu lửa nằm giữa hai đầu gối Mowgli. Khi tất cả đã họp lại, Shere Khan bắt đầu nói - một điều hắn chưa bao giờ dám làm hỡi Akela còn sung sức.

Bagheera thì thầm: “Hắn không có quyền. Nói đi. Hắn là đồ con chó. Hắn sẽ sợ.”

Mowgli đứng vụt dậy. Nó kêu lên: “Hỡi Bầy Tự do, Shere Khan dẫn dắt Bầy hay sao? Con cộp liên can gì đến vai trò lãnh đạo của chúng ta?”

Shere Khan mở lời: “Thấy vai lãnh đạo lúc này bỏ trống, và được yêu cầu lên tiếng...”

Mowgli nói: “Ai yêu cầu? *Tất cả* chúng ta đều là chó đồng bợ đỡ tên đồ tể gia súc này hay sao? Vai trò lãnh đạo Bầy là chuyện riêng của Bầy.”

Có tiếng ăng ăng: “Im đi, đồ nhóc con của người!”

“Hãy để nó nói. Nó tuân theo Luật của chúng ta.”

Cuối cùng các sói kỳ cựu của Bầy rống lên: “Hãy để Sói Chết lên tiếng.” Khi một Bầy Trưởng để mất con mồi, ông bị gọi là Sói Chết ngay khi còn sống, và sống không lâu nữa.

Akela mệt mỏi ngẩng cái đầu già nua lên:

“Hỡi Bầy Tự do, và cả các người nữa, lũ chó đồng của Shere Khan, trong mười hai mùa ta đã dẫn dắt các người săn, và suốt thời gian đó không một sói nào mắc bẫy hay bị thương. Bây giờ ta đã hụt con mồi. Các người biết âm mưu đó dàn xếp ra sao. Các người biết các người đã đưa ta đến một con nai đực chưa bị mệt để làm lộ sự suy yếu của ta. Khá lắm. Quyền của các người là giết ta ở đây trên Đá Hội đồng, ngay bây giờ. Vì vậy, ta hỏi, kẻ nào tới để kết liễu đời Sói Cô Độc? Vì đó là quyền của ta, theo Luật Rừng, các người hãy đến từng đứa.”

Im lặng kéo dài, vì không một con sói nào dám tử chiến với Akela. Khi ấy Shere Khan gầm lên: “*Hừ!* Chúng ta cần gì thằng ngốc rưng rưng này? Hắn tới số rồi! Chính người-sói là mới kẻ đã sống quá lâu. Hỡi Bầy Tự do, từ ban đầu nó đã là miếng thịt của ta. Giao nó cho ta. Ta chán cái trò rồ dại người-sói này rồi. Nó đã quấy rầy rừng mười mùa rồi. Đưa ta đứa người-sói, nếu không ta sẽ săn mãi ở đây và không cho các người một khúc xương. Nó là người, một đứa con của người, ta ghét nó tới tận xương tủy!”

Khi ấy hơn nửa Bầy kêu ăng ẳng: “Người! Người! Người dính dáng gì với chúng ta? Để nó đi tới chỗ của nó.”

Shere Khan la lên: “Và để tất cả dân các làng chống lại chúng ta hay sao? Không! Giao nó cho ta. Nó là người, và không ai trong chúng ta có thể nhìn thẳng vào hai mắt nó.”

Akela lại ngẩng đầu lên nói: “Nó đã ăn thức ăn của chúng ta. Nó đã ngủ với chúng ta. Nó đã lừa con mồi cho chúng ta. Nó đã không vi phạm một chữ nào trong Luật Rừng.”

Bagheera nói bằng giọng hòa nhã nhất của mình: “Còn ta đã chuộc mạng nó bằng con bò đực khi nó được nhận vào Bầy. Một con bò thì không đáng kể, nhưng danh dự của Bagheera có lẽ là thứ ta sẽ chiến đấu để gìn giữ.”

Bầy sói gầm gừ: “Con bò mười năm trước! Chúng ta cần gì mấy khúc xương mười năm trước?”

Bagheera nói, hàm răng trắng của ông nhe ra dưới môi: “Hay cần gì lời cam kết phải không? Ôi dào, thế mà các người được gọi là Bầy Tự do!”

Shere Khan gào lên: “Đứa nhỏ con của người không thể đi với Dân Rừng. Giao nó cho ta!”

Akela nói tiếp: “Nó là anh em của chúng ta trong mọi điều trừ dòng máu, vậy mà các người sẽ giết nó ở đây! Đúng vậy, ta đã sống quá lâu. Một số trong bọn các người là lũ ăn thịt gia súc, và ta đã nghe rằng một số khác tuân lời Shere Khan dạy dỗ, các người mò mẫm trong đêm tối vồ trẻ con ở cửa nhà dân làng. Vì vậy ta biết các người là bọn hèn nhát, và ta nói đây là nói với bọn hèn nhát. Chắc chắn ta phải chết, và mạng ta chẳng đáng giá gì, nếu không ta sẽ đề nghị thế chỗ cho người-sói. Nhưng vì danh dự của Bầy - một vấn đề nhỏ nhưng vì không có

kẻ dẫn dắt nên các người đã quên - ta hứa rằng nếu các người để người-sói đi đến nơi của nó thì khi đến lúc ta chết ta sẽ không nhe răng ra chống các người. Ta sẽ chết mà không chống trả. Như thế sẽ cứu được ít nhất ba mạng sống cho Bầy. Ta không thể làm gì hơn. Nhưng nếu các người chịu, ta có thể cứu các người khỏi nỗi ô nhục vì giết một anh em không phạm lỗi - một anh em đã được lời ủng hộ và được chuộc vào Bầy theo như Luật Rừng.”

Bầy sói gầm gừ: “Nó là người-người-người!” Và hầu hết các sói bắt đầu tụ tập quanh Shere Khan, đuôi nó bắt đầu ve vẩy.

Bagheera nói với Mowgli: “Bây giờ sự việc trong tay con. *Mình* không thể làm gì khác hơn là đánh.”

Mowgli đứng thẳng dậy, chầu lửa trong tay. Nó duỗi thẳng hai cánh tay, và ngáp trước mặt Hội đồng. Nhưng nó thịnh nộ vì tức giận và đau buồn, như sói, vì các sói chưa bao giờ bảo nó là chúng ghét nó.

Nó hét lên: “Nghe đây! Không cần liên thoắng như chó nữa. Tối nay các người đã nói cho ta rất nhiều rằng ta là người (và thật ra ta đáng lẽ sẽ là sói với các người cho tới cuối đời ta), đến nỗi ta cảm thấy lời của các người là đúng. Vì thế ta không gọi các người là anh em của ta nữa, mà là *sag* [chó], như loài người gọi. Các người sẽ làm gì, và các người sẽ không làm gì, cái đó không phải do tự ý các người. Việc đó là tùy ý *ta*. Và như vậy chúng ta có thể thấy vấn đề rõ ràng hơn, ta, người, đã đem đến đây một ít Hoa Đỏ mà bọn chó các người sợ.”

Nó ném chầu lửa xuống đất, một ít than đỏ đốt đám rêu khô cháy bùng, trong khi cả Hội đồng lùi lại vì hoảng sợ trước ngọn lửa nhấp nhô.

Mowgli ấn cành cây khô vào lửa đến khi các nhánh con cháy lách tách rồi khua cành cây trên đầu mình giữa đám sói đang co rúm lại.

Bagheera nói thấp giọng: “Con là chúa tể. Hãy cứu Akela khỏi chết. Ông ấy luôn luôn là bạn con.”

Akela, con sói già dữ tợn chưa bao giờ xin điều gì trong đời mình, thăm thương nhìn Mowgli khi đứa bé đứng đó hoàn toàn trơ trụi. Mái tóc đen dài của nó hất qua vai trong ánh lửa của cành cây cháy rực đang khiến cho các hình bóng giật mình run rẩy.

Mowgli nói: “Tốt!”. Nó chậm rãi nhìn trừng trừng xung quanh. “Ta thấy các người là chó. Ta bỏ các người về với loài của ta - nếu họ là loài của ta. Rừng đã đóng lại với ta, và ta phải quên lời nói và tình bạn của các người. Nhưng ta sẽ khoan dung hơn các người. Vì ta hoàn toàn là anh em của các người ngoại trừ dòng máu, ta hứa rằng khi ta làm người giữa loài người, ta sẽ không vì người mà phản bội các người, như các người đã phản bội ta.” Nó lấy chân đá đông lửa, tàn lửa bay lên. “Sẽ không có chiến tranh giữa bất kỳ ai trong chúng ta với Bầy. Nhưng đây là món nợ phải trả trước khi ta đi.” Nó sải bước tới chỗ Shere Khan đang ngồi chờ dẫn chớp mắt trước ngọn lửa, túm lấy chòm lông cằm của hắn. Bagheera bước theo để phòng có rủi ro. Mowgli hét: “Đứng lên, đồ chó! Đứng lên, khi người nói, nếu không tao sẽ đốt trụi bộ lông của mày.”

Hai tai Shere Khan cụp sát đầu, hắn nhắm mắt vì cành cây cháy rực rất gần.

“Cái thằng giết gia súc này nói hần sẽ giết ta trong Hội đồng vì hần đã không giết ta khi ta còn nhỏ. Toàn nói năng ba láp, như vậy thì chúng ta có đánh lũ chó khi ta là người không. Nhúc nhích một sợi ria mép thôi, Lungri, là tao nhồi Hoa Đỏ xuống cổ họng mày liền!” Nó lấy cành cây đánh lên đầu Shere Khan, con cọp liền rên rĩ khóc lóc, sợ hãi cực độ.

“*Hừ!* Đồ mèo rừng cháy sém, cút đi! Nhưng hãy nhớ là lần sau ta tới Đá Hội đồng, tới như con người, ta sẽ đội bộ da Shere Khan trên đầu ta. Còn các người, Akela tự do sống như ông ấy muốn. Các người sẽ *không* giết ông, vì ta không muốn như vậy. Ta cũng không nghĩ các người sẽ ngồi đây lâu thêm nữa, thè lè lưỡi ra như thể các người là ai khác chứ không phải lũ chó bị ta đuổi đi. Nào! Cút đi!”

Lửa cháy dữ dội ở đầu cành cây, Mowgli tả xung hữu đột khắp vòng, các con sói vừa chạy vừa tru lên vì bị tàn lửa đốt lông. Cuối cùng chỉ còn Akela, Bagheera và có lẽ mười con sói đã đứng về phe Mowgli. Khi ấy có gì đó bắt đầu đau nhói bên trong Mowgli, cả đời nó chưa từng bị đau như thế, rồi nó há miệng thở gấp và thẫn thức, nước mắt chảy ròng ròng xuống mặt.

Nó nói: “Cái gì thế? Cái gì thế? Con không muốn lìa rừng, con không biết đây là cái gì. Con sắp chết phải không, Bagheera?”

Bagheera nói: “Không, Em Nhỏ à. Đó chỉ là nước mắt mà loài người có. Bây giờ ta biết con là người, không là người-sói nữa. Thật vậy, từ nay Rừng đóng lại đối với con. Cứ để nó rơi, Mowgli. Đó chỉ là nước mắt.” Vì thế Mowgli ngồi khóc như thể tim nó vỡ tan, cả đời nó trước đây nó chưa bao giờ khóc.

Nó nói: “Bây giờ con sẽ đến với loài người. Nhưng trước tiên con phải từ biệt mẹ con.” Nó đi tới hang nơi bà sống với Sói Cha, và nó khóc trên bộ lông của bà, trong khi bốn sói con tru lên thảm não.

Mowgli nói: “Các anh sẽ không quên em nhé?”

Các sói con nói: “Không bao giờ, chừng nào các anh còn có thể theo vết. Khi em là người, em hãy đến chân đồi, rồi các anh sẽ trò chuyện với em. Và ban đêm các anh sẽ đến khu đất tròng trọt để chơi với em.”

Sói Cha nói: “Đến sớm nhé! Ồ, ếch nhỏ thông minh, lại đến sớm nhé, vì mẹ con và cha đã già rồi.”

Sói Mẹ nói: “Đến sớm nhé, đưa con trai nhỏ trợ trụ của mẹ, vì hãy nghe đây, đứa bé người, mẹ yêu con hơn cả mẹ yêu các sói con của mẹ.”

Mowgli nói: “Chắc chắn con sẽ đến, và khi đến con sẽ trải bộ da của Shere Khan trên Đá Hội đồng. Đừng quên con! Bảo họ trong Rừng là đừng bao giờ quên con!”

Bình minh bắt đầu ló rạng khi Mowgli xuống sườn đồi một mình, để gặp cái loài bí ẩn gọi là Người.

Bài hát săn của Bầy Seeonee

Bình minh ló rạng, nai bờm rỗng

Một lần, hai lần, rồi lần nữa!
Nai phóng bước, kìa nai phóng bước
Từ ao rừng nơi nai uống nước.
Một mình đi trước rình, ta thấy
Một lần, hai lần, rồi lần nữa!
Bình minh ló rạng, nai bờm rống
Một lần, hai lần, rồi lần nữa!
Một sói về, một sói về kìa
Đem tin đến Bầy đang chờ kìa,
Chúng ta thấy, tru theo dấu nó
Một lần, hai lần, rồi lần nữa!
Bình minh ló rạng, Bầy Sói tru
Một lần, hai lần, rồi lần nữa!
Trong Rừng, chân không để lại dấu!
Trong tối, mắt có thể nhìn soi thấu!
Tru lên - tru lên! Nghe đây! Ồ nghe đây!
Một lần, hai lần, rồi lần nữa!

Kaa săn mồi



Đốm là niềm vui của báo, sừng là kiêu hãnh của trâu.

Hãy giữ sạch sẽ, sức mạnh thú săn là bộ da mượt chứ đâu.

Nếu thấy trâu đực có thể đâm, hay nai bồm có thể húc,

Đừng ngừng lại báo tin, ta đã biết từ mười mùa trước.

Đừng bắt nạt con kẻ lạ, hãy gọi chúng là anh chị em,

Tuy nhỏ và mập, có thể gấu là mẹ chúng đấy cho xem.

Sói con khoe con mồi đầu tiên: “Không ai bằng ta!”

Nhưng Rừng lớn, Sói thì nhỏ. Hãy yên để nó nghĩ ra.

Châm ngôn của Baloo

Mọi chuyện sắp kể ở đây đều xảy ra trước khi Mowgli bị đuổi khỏi Bầy Seeonee, và trước khi nó trả thù Cọp Shere Khan. Đạo thầy Baloo đang dạy nó Luật Rừng. Gấu nâu già to lớn, nghiêm nghị, vui mừng có đứa học trò nhanh nhẹn, vì các sói trẻ xưa nay chỉ học Luật Rừng đủ để áp dụng trong bầy và đàn của chúng, rồi bỏ đi ngay khi chúng có thể lập lại Câu Săn: “Chân không gây tiếng động, mắt nhìn được trong tối, tai nghe được gió trong hang, hàm răng trắng sắc bén. Đó là dấu hiệu của anh em ta, trừ chó đồng Tabaqui và bọn chó ngao mà chúng ta ghét.” Nhưng Mowgli là người-sói nên phải học hơn như vậy rất nhiều.

Đôi khi Báo Đen Bagheera lang thang qua Rừng, để đến xem con thú cưng của ông xoay

xở ra sao, và sẽ gù gù dựa đầu vào cây trong khi Mowgli đọc lại bài học trong ngày cho Baloo nghe. Thằng bé có thể leo giỏi gần như bơi giỏi, và bơi giỏi gần như chạy giỏi. Vì thế Baloo, thầy dạy Luật, dạy nó Luật Cây và Luật Nước: làm sao phân biệt một cành mục với một cành cứng; làm sao thừa gửi lịch sự với ong rừng khi nó chột thấy tổ của họ cách mặt đất mười lăm mét; nói sao với Dơi Mang khi nó quấy rầy ông ấy trên cành giữa ban ngày; và cách loan báo cho rắn nước trong ao hồ trước khi nó lội lồm bồm xuống giữa đám họ. Dân Rừng không thích bị làm phiền, và tất cả đều sẵn sàng tấn công kẻ xâm nhập. Mowgli cũng được dạy Câu Săn của Kẻ Lạ, câu mà bất cứ Dân Rừng nào khi đi săn ngoài vùng đất của mình cũng phải lớn tiếng lặp lại cho đến khi nghe trả lời. Nghĩa của câu đó được dịch thành: “Hãy cho phép tôi săn ở đây vì tôi đói”. Và câu trả lời: “Hãy săn để ăn, chứ đừng để chơi.”

Những điều này cho các bạn thấy Mowgli phải học thuộc lòng nhiều thứ, và nó phát chán khi cứ phải lặp lại cùng một điều hàng trăm lần. Nhưng một hôm sau khi Mowgli bị tát và câu kinh bỏ chạy, Baloo nói với Bagheera: “Đứa nhỏ người-sói là đứa nhỏ người-sói, nó phải học *tất cả* Luật Rừng.”

Báo đen nói: “Nhưng cứ nghĩ xem, nó đang còn nhỏ như thế,” nếu được tự ý thì ông đã nuông chiều Mowgli hết mực rồi. “Làm sao cái đầu bé tí của nó chứa hết bài học dài dòng của ông được chứ?”

“Trong Rừng có cái gì quá nhỏ khiến cho không ai buồn giết hay không? Không. Đó là lý do tôi dạy nó những điều này, và đó là lý do tôi đánh nó nhẹ hều, khi nó quên.”

Bagheera càu nhàu: “Nhẹ! Ông có biết nhẹ là gì không, hả ông già chân sắt? Mặt nó hôm nay bầm hết vì... cái nhẹ của ông. *Ôi.*”

Baloo trả lời rất chân tình: “Thà nó bầm từ đầu đến chân vì tôi yêu mến nó, còn hơn nó bị hại vì ngu dốt. Bây giờ tôi đang dạy nó Câu Toàn Năng của Rừng để phòng thân khi gặp chim và rắn, và mọi loài săn bằng bốn chân, ngoại trừ bầy của nó. Bây giờ nó có thể yêu cầu mọi loài trong Rừng che chở, chỉ cần nó nhớ câu đó. Chẳng phải như vậy thì có bị đánh chút xiu cũng đáng hay sao?”

“Ôi dào, vậy thì ông liệu sao cho đừng giết chết đứa người-sói. Nó đâu phải là thân cây để cho ông mài bộ móng cùn. Nhưng Câu Toàn Năng đó là gì? Tôi thường giúp kẻ khác nhiều hơn là xin giúp, nhưng tôi vẫn muốn biết,” Bagheera duỗi một chân ra để ngắm nhía bộ móng xanh như thép, sắc như cái đục ở cuối chân.

“Tôi sẽ gọi Mowgli tới để nó đọc, nếu nó muốn. Đến đây, Em Nhỏ!”

Một giọng nhỏ giận dỗi nói trên đầu họ: “Đầu con kêu o o như tổ ong,” và Mowgli tuột xuống thân cây, giận và cáu lăm, xuống tới mặt đất nó nói thêm: “Con đền vì Bagheera chứ không phải vì *ông* đâu, ông già Baloo mập à!”

Baloo nói, dù bị tổn thương và buồn: “Sao cũng được. Vậy thì nói cho Bagheera nghe Câu Toàn Năng của Rừng mà ta mới dạy con hôm nay đi.”

Mowgli thích thú khoe: “Câu Toàn Năng của loài nào? Rừng có nhiều thứ tiếng. *Con* biết hết mọi tiếng.”

“Con biết tầm tạm, nhưng chưa nhiều. Coi kìa, ô Bagheera, chúng chẳng bao giờ cảm ơn thầy. Chưa một sói con nào trở lại cảm ơn Baloo già về những lời dạy của ông. Nào, học giả vĩ đại, nói câu của Thú Săn đi xem nào.”

“Chúng ta cùng một dòng máu, bạn và tôi,” Mowgli nói, bằng giọng gấu mà tất cả Thú Săn đều dùng.

“Giỏi. Bây giờ câu của loài chim.”

Mowgli lặp lại, với tiếng hót của con diều ở cuối câu.

Bagheera nói: “Bây giờ câu của loài rắn.”

Câu trả lời là tiếng rít hoàn toàn không thể diễn tả, và Mowgli đá chân ra sau, vỗ tay tự khen mình, rồi nhảy lên lưng Bagheera, ngồi nghiêng một bên, gót chân nó gõ như nện trống lên bộ da báo óng mượt và nhẵn mặt lêu lêu Baloo.

Gấu nâu âu yếm nói: “Đó, đó! Cái đó đáng một vết bầm nhỏ đó. Sẽ có ngày con nhớ đến ta.” Rồi ông quay sang kể cho Bagheera cách ông năn nỉ xin Câu Toàn Năng từ Voi Rừng Hathi, ông voi biết hết những câu này, và Hathi đã dẫn Mowgli xuống ao để học Lời Rắn từ một con rắn nước, vì Baloo không thể phát âm câu ấy. Bây giờ Mowgli khá an toàn trước mọi rủi ro trong Rừng, vì rắn, chim hay muông thú sẽ không làm hại nó.

Baloo kết thúc: “Vậy thì chẳng còn ai để sợ nữa,” ông hãnh diện vỗ cái bụng bự rậm lông của ông.

Bagheera nhủ thầm: “Ngoại trừ bầy của nó,” rồi nói lớn với Mowgli: “Cẩn thận giùm cho cái bộ xương sườn của ta một chút, Em Nhỏ! Nhảy nhót xập xình gì thế này?”

Mowgli đang cố gây chú ý bằng cách kéo lông vai Bagheera và đá mạnh. Khi cả hai lắng nghe, nó hét lớn hết sức: “Rồi con sẽ có một đàn của riêng con, con sẽ dắt tụi nó trên cây suốt cả ngày.”

Bagheera nói: “Trò điên mới gì thế này, đứa nhỏ mơ mộng kia?”

Mowgli nói tiếp: “Ừ, rồi ném cành cây và đất vào Baloo già. Bọn nó đã hứa với con rồi. A!”

Hấp! Bộ móng lớn của Baloo xúc Mowgli khỏi lưng Bagheera, và khi thẳng bé nằm giữa hai cái móng trước to lớn, nó thấy gấu đang tức giận.

Baloo nói: “Mowgli, con có nói chuyện với bọn Bandar-log, loài khỉ hả?”

Mowgli nhìn Bagheera để xem báo có tức giận như vậy không, và thấy mắt Bagheera rần rần như ngọc bích.

“Con đã chơi với loài khỉ - tụi khỉ xám - bọn không luật lệ - tụi ăn tạp. Xấu hổ quá.”

Mowgli nói, vẫn đang nằm ngửa: “Khi Baloo làm đau đầu con, con bỏ đi, tụi khỉ xám trên cây xuống thương hại con. Chẳng ai thèm để ý.” Nó hơi thút thít.

Baloo khịt mũi: “Lòng thương hại của loài khỉ! Tựa như thác núi im lặng! Tựa như nắng hè mát mẻ! Rồi sao nữa, người-sói?”

“Rồi, rồi, tụi nó cho con ăn hạt và các thứ ngon, rồi tụi nó... tụi nó nắm tay con đưa con lên ngọn cây, rồi nói con là anh em cùng dòng máu với tụi nó ngoại trừ con không có đuôi, và có ngày con sẽ là đầu đàn của tụi nó.”

Bagheera nói: “Chúng *không* có đầu đàn. Chúng nói láo. Chúng luôn luôn nói láo.”

“Tụi nó tử tế lắm, tụi nó mời con trở lại. Tại sao chưa bao giờ con được đưa tới loài khỉ? Tụi nó cũng đứng trên chân như con. Tụi nó không đánh con bằng móng vuốt cứng. Tụi nó chơi cả ngày. Cho con đứng lên đi! Baloo xấu, cho con đứng lên đi! Con sẽ chơi với tụi nó nữa.”

Gấu nói, giọng ông vang rền như sấm trong một đêm nóng bức: “Nghe đây, người-sói. Ta đã dạy con tất cả Luật Rừng của mọi loài trong Rừng, trừ loài khỉ sống trên cây. Chúng không có luật. Chúng là bọn bị khai trừ. Chúng không có tiếng nói riêng, mà chỉ ăn cắp những tiếng chúng nghe lỏm được khi đang nghe ngóng, nhìn trộm và rình rập trên cành. Cách của chúng không phải là cách của mình. Chúng không có đầu đàn. Chúng không có trí nhớ. Chúng khoác lác, liên thoảng và giả vờ rằng chúng là một loài vĩ đại sắp làm chuyện vĩ đại trong rừng, nhưng trái cây rơi xuống cũng làm đầu óc chúng đổi sang cười đùa và quên hết. Dân Rừng chúng ta không giao thiệp với tụi nó. Chúng ta không uống nơi khỉ uống; chúng ta không tới nơi khỉ tới; chúng ta không săn nơi chúng săn; chúng ta không chết nơi chúng chết. Cho đến hôm nay con có bao giờ nghe ta nói tới bọn Bandar-log chưa?”

“Chưa,” Mowgli thì thào, vì bây giờ rừng rất yên tĩnh sau khi Baloo nói xong.

“Dân Rừng không mở miệng nói tới chúng, trong đầu không nghĩ tới chúng. Chúng rất đông, xấu xa, dơ bẩn, trơ trẽn, và chúng ao ước, nếu chúng có một ao ước cố định nào, là được Dân Rừng chú ý. Nhưng mình *không* chú ý tới chúng, ngay cả khi chúng ném hạt và rác lên đầu mình.”

Ông nói chưa xong thì một trận mưa hạt và cành non rơi lộp độp xuống qua nhánh cây. Và họ nghe tiếng khọt khẹt, tiếng rú, tiếng nhảy nhót giận dữ giữa các nhánh nhỏ tí trên cao.

Baloo nói: “Loài khỉ bị cấm, cấm chơi với Dân Rừng. Nhớ đấy.”

Bagheera nói: “Cấm, nhưng tôi vẫn nghĩ Baloo nên cảnh cáo nó trước về bọn chúng.”

“Tôi, tôi hả? Làm sao tôi đoán được là nó sẽ chơi với lũ dơ bẩn như vậy? Loài khỉ! Khiếp quá!”

Một trận mưa nữa trút xuống đầu họ, thế là cả hai liền lon ton chạy đi mang theo Mowgli. Những gì Baloo đã nói về loài khỉ hoàn toàn đúng. Chúng sống trên ngọn cây, và do muông thú rất ít khi nhìn lên nên không có dịp nào cho loài khỉ và Dân Rừng cản đường nhau. Nhưng mỗi khi chúng thấy một con sói bệnh hay con cọp hay gấu bị thương, bọn khỉ sẽ hành hạ nó, và sẽ ném que và hạt vào mọi thú rừng để đùa nghịch và hy vọng được chú ý. Khi đó chúng sẽ kêu rú và hò hét những bài hát vô nghĩa, rồi rủ Dân Rừng leo lên cây đánh chúng, hay sẽ khởi sự điên cuồng đánh lẫn nhau vô cớ, và bỏ lại bọn khỉ chết nơi Dân Rừng có thể thấy. Chúng luôn luôn sắp có một đầu đàn, luật lệ và tập tục riêng, nhưng chúng chẳng bao giờ có, vì trí nhớ của chúng không giữ được từ ngày này qua ngày khác. Vì thế chúng đành chịu bằng cách

bịa ra câu: “Cái gì Bandar-log bây giờ nghĩ thì về sau rừng sẽ nghĩ ra,” và câu đó an ủi chúng rất nhiều. Không thú nào có thể tới được chúng, nhưng mặt khác không thú nào chú ý đến chúng. Đó là lý do chúng rất vui khi Mowgli đến chơi với chúng, và chúng đã nghe được Baloo giận đến thế nào.

Chúng không hề có ý định thực hiện - Bandar-log chưa bao giờ có ý định gì cả. Nhưng một đứa trong bọn nảy ra một ý mà hình như với nó là rất thông minh. Nó bảo cả bọn rằng giữ Mowgli trong đàn sẽ có ích, vì nó có thể đàn cảnh lại để che gió. Vì thế, nếu chúng bắt nó, chúng có thể bảo nó dạy chúng. Dĩ nhiên, Mowgli là con ông tiêu phu, nó được di truyền đủ loại bản năng, nó hay dựng mấy cái chòi nhỏ bằng cành cây rơi mà không hề nghĩ làm sao mình lại biết làm. Bọn khỉ trên cây nhìn, nghĩ trò chơi của nó là kỳ diệu lắm. Chúng nói lần này chúng sẽ thực sự có một đầu đàn và trở thành loài thông thái nhất rừng - thông thái tới nỗi mọi thú khác sẽ chú ý mà ganh tị chúng. Do đó chúng lặng lẽ theo Baloo và Bagheera và Mowgli trong Rừng đến lúc ngủ trưa, và Mowgli, tự thấy vô cùng xấu hổ, ngủ giữa báo và gấu, quyết định không giao thiệp với loài khỉ nữa.

Thế rồi bỗng nó cảm thấy mấy bàn tay nắm chân tay nó - những bàn tay nhỏ, cứng cáp, mạnh mẽ - rồi cành cây xào xạc quét vào mặt nó. Nó bèn nhìn xuống qua các nhánh cây lay động thì thấy Baloo đánh thức Rừng dậy bằng tiếng rống trầm của ông và Bagheera nhe hết răng ra nhảy lên thân cây. Bọn Bandar-log rú lên đặc thảng, vừa xô đẩy nhau lên cành cao hơn nơi Bagheera không dám lên theo vừa la hét: “Ông chú ý tới mình! Bagheera chú ý tới mình. Tất cả Dân Rừng khâm phục mình vì tài khéo léo và láu cá của mình.”

Rồi chúng bắt đầu bỏ chạy, và loài khỉ chạy trốn trên cây là một trong những cảnh không ai tả nổi. Chúng có đường chính và lối rẽ của chúng, lên đồi và xuống đồi, tất cả đều cách mặt đất mười lăm tới hai mươi ba mươi mét, và nhờ những lối này chúng có thể đi ngay cả lúc ban đêm nếu cần. Hai trong số mấy con khỉ khỏe nhất nắm cánh tay Mowgli và cùng với nó đu qua ngọn cây, mỗi lần nhảy xa sáu mét. Nếu chỉ một mình thì chúng có thể đi nhanh gấp đôi, nhưng sức nặng của thằng bé ghì chúng lại. Dù buồn nôn và chóng mặt Mowgli vẫn không tìm được nổi thích thú của chuyến đi vùn vụt ghê rợn ấy, tuy mặt đất thấp thoáng tí phía dưới làm nó sợ, và cú đụng chạm và giật xóc kinh hoàng ở cuối mỗi lần đu trên khoảng không trông hoác làm tim nó thót lên tận răng. Bọn họ tổng kéo vút nó lên cây, đến khi nó cảm thấy cành nhánh mỏng nhất trên ngọn kêu răng rắc và oằn xuống, rồi với một tiếng khọt khẹt và một tiếng hấp chúng lại ném mình vào không trung, lao tới và rơi xuống, rồi chững lại, treo lơ lửng trên hai tay hai chân ở cành thấp của cây kế tiếp. Đôi khi nó có thể thấy xa hàng dặm qua rừng xanh tĩnh mịch, như người trên đỉnh cột buồm có thể thấy xa hàng dặm trên biển, rồi thì cành lá quất vào mặt nó, và nó cùng hai đứa hộ vệ sẽ lại gần như xuống tận đất. Cứ thế, nhảy nhót đâm sầm hò reo hú hét, cả đàn Bandar-log lướt theo lộ cây mang theo tù nhân Mowgli.

Thoạt tiên nó sợ bị bọn chúng buông nó rơi xuống. Rồi nó tức giận nhưng biết là không nên vùng vẫy, và bắt đầu suy nghĩ. Điều trước tiên là nhấn tin cho Baloo và Bagheera, vì với tốc độ bọn khỉ đang đi nó biết các bạn nó sẽ bị bỏ xa phía sau. Ngó xuống vô ích, vì nó chỉ có thể thấy mặt trên của các nhánh cây. Vì thế nó chăm chú nhìn lên, và thấy xa xa trên trời xanh Diều Chil đang lượn và đảo vòng, quan sát trên khu rừng chờ thú chết. Chil thấy bọn khỉ đang mang theo một vật, ông liền xuống thấp vài trăm mét để xem cái vật nặng bọn kia mang có ăn

được không. Ông huýt gió ngạc nhiên khi thấy Mowgli đang bị lôi lên một ngọn cây và nghe nó gọi bằng tiếng điều, “Chúng ta cùng một dòng máu, bạn và tôi.” Lốp lốp cành cây nhấp nhô như sóng che lấp thẳng bé, nhưng Chil lượn tới cây kế bên đúng lúc để thấy khuôn mặt nâu nhỏ lại xuất hiện.

Mowgli gọi: “Nhớ đường đi của con! Nói cho Baloo ở Bầy Seonee và Bagheera ở Đá Hội đồng.”

“Nhân danh ai, Em nhỏ?” trước kia Chil chưa bao giờ thấy Mowgli, tuy dĩ nhiên ông có nghe về nó.

“Ếch Mowgli. Họ gọi con là người-sói! Nhớ đường đi của c-o-o-on!”

Chữ cuối rú lên vì nó bị tung lên không trung, nhưng Chil gạt đầu rồi bay lên, đến khi ông chỉ còn nhỏ như hạt bụi. Ông lơ lửng ở đó, cặp mắt viễn vọng của ông quan sát những ngọn cây ngả nghiêng theo độ tiến quay cuồng của bọn hộ tống Mowgli.

Ông khúc khích nói: “Chúng chẳng bao giờ đi xa. Chúng chẳng bao giờ làm điều chúng định làm. Bọn Bandar-log luôn luôn bới những thứ mới. Lần này, nếu mình thấy xa thì bọn nó đã tự bới lấy tai họa vì Baloo đâu phải chim non mới ra ràng, và mình biết Bagheera có thể giết nhiều thứ chó không chỉ giết mấy con dê.”

Thế là ông đảo cánh lượn vòng, chụm chân lại, đợi.

Trong khi đó, Baloo và Bagheera đang lờn lộn vì thịnh nộ và buồn bực. Bagheera leo dừ chưa từng thấy, những cành nhỏ gãy dưới sức nặng của ông, và ông bị trượt, móng vuốt vỡ cây.

“Tại sao ông không dẫn đưa người-sói trước?” ông gầm lên với Baloo đáng thương, lúc này đã lập cập vụng về chạy với hy vọng bắt kịp tụi khỉ. “Đánh nó gần chết thì ích gì nếu ông không dẫn nó?”

Baloo hỗn hển: “Nhanh lên!Ồ nhanh lên! Minh... mình còn có thể bắt kịp chúng!”

“Kịp! Ở đó mà kịp! Cứ đuổi như ông thì con bò cái bị thương cũng còn chạy khỏe re. Thầy dạy Luật - cái đồ đánh con nít - cứ lặn tới lặn lui kiêu đó một dặm nữa là ông sẽ bể bụng ra. Ngồi yên mà nghĩ đi! Tính kế. Lúc này không phải lúc truy đuổi. Nếu mình theo quá sát, chúng có thể buông nó rơi xuống.”

“*Arrula! Whoo!* Chúng có thể đã buông nó rơi xuống rồi vì mang nó chán rồi. Ai mà tin được Bandar-log? Để xác dơi lên đầu tôi đi! Cho tôi ăn xương mục đi! Lăn tôi vô tổ ong rừng để tôi bị chích cho chết đi, chôn tôi với bọn chó ngao đi, vì tôi là con gấu cà chớn nhất! *Arulala! Oa- uuu!* Ôi Mowgli, Mowgli! Tại sao ta không cảnh cáo con về loài khỉ mà lại đập bể đầu con? Giờ thì chắc tôi đã đập văng bài học hôm nay ra khỏi đầu nó rồi, và nó sẽ ở một mình trong rừng mà không nhớ Câu Toàn Năng.”

Baloo dùng móng ôm chặt tai, lặn tới lặn lui rên rĩ.

Bagheera sột ruột nói: “Ít nhất mới lúc này nó nói đúng hết các câu cho tôi nghe. Baloo, ông không có trí nhớ cũng chẳng biết tự trọng. Rừng sẽ nghĩ gì nếu tôi, Báo Đen, cong mình lại như Nhím Sahi rồi rông?”

“Tôi cần gì rừng nghĩ? Bây giờ nó có thể đã chết rồi.”

“Chùng nào chúng chưa buông nó từ cành cây xuống cho vui, hay giết nó vô cớ, thì tôi chẳng có gì để sợ cho người-sói. Nó thông minh, được dạy dỗ tốt, và nhất là nó có cặp mắt làm Dân Rừng sợ. Nhưng tai hại nhất là nó ở trong tay Bandar-log, và vì chúng sống trên cây nên chúng không sợ bất kỳ ai trong dân mình.” Bagheera trầm ngâm liếm một chân trước.

Baloo bật đuôi mình ra và nói: “Tôi thật là ngu! Ồ, tôi là thằng nâu mập, ngu si, đào củ. Voi Rừng Hathi nói đúng: ‘Loài nào có cái sợ này’. Bandar-log sợ Trần Đá Kaa. Ông ta leo trèo cũng giỏi như chúng. Đêm đêm ông ta lên bắt bọn khỉ con. Chỉ cần thì thầm tên ông ta là cái đuôi ranh mãnh của chúng ớn lạnh liền. Mình đi gặp Kaa đi.”

Bagheera nói: “Ông ta làm gì cho mình được? Ông ta không thuộc loài mình, không chân... và cặp mắt ông dễ sợ lắm.”

Baloo phân khởi nói: “Ông già lắm và tinh ranh lắm. Nhất là ông lúc nào cũng dối. Cứ hứa cho ông thật nhiều dê.”

“Mỗi lần ăn xong ông ngủ cả tháng. Lúc này có thể ông đang ngủ, và ngay cả nếu thức, lẽ ông thích tự mình giết đàn dê thì sao?” Bagheera không biết nhiều về Kaa nên nghi ngờ là đương nhiên.

“Khi đó thì ông cùng với tôi, thợ săn già, có thể nói cho ông thấy ra lý lẽ.” Tới đây Baloo cọ cái vai nâu bạc của ông vào con báo, rồi họ lên đường đi tìm Trần Đá Kaa.

Họ tìm thấy ông đang duỗi dài trên gò đá ẩm dưới nắng chiều, chiêm ngưỡng bộ da đẹp mới mẻ của mình, vì mười ngày qua ông đã nghỉ để thay da, bây giờ ông rất lộng lẫy - ông đang lia cái đầu bự mũi bẹt trên mặt đất, uốn éo tám thân chín thớ thành những nút và đường cong dị thường, và liếm môi nghĩ đến bữa ăn sắp tới.

Baloo nói, với một tiếng gừ nhẹ nhõm ngay khi thấy bộ da đẹp màu nâu vàng lốm đốm: “Ông chưa ăn. Cẩn thận, Bagheera! Mỗi lần thay da xong ông đều hơi lòa mắt, và mồm rất nhanh.”

Kaa không phải là rắn độc - thật ra ông hơi khinh rắn độc là bọn hèn nhát - nhưng sức mạnh của ông nằm trong cái siết chặt, một khi ông đã quấn những vòng khổng lồ xung quanh ai thì chẳng còn gì để nói.

Baloo vừa nói lớn vừa đặt hông ngồi: “Chúc săn tốt!” Như mọi con rắn đồng loại, Kaa hơi điếc nên thoát tiên không nghe lời chào. Ông cuộn mình đề phòng mọi rủi ro, đầu hạ thấp.

Ông đáp: “Chúc tất cả chúng ta săn tốt. Ô hô, Baloo, ông làm gì ở đây? Chúc săn tốt, Bagheera. Ít nhất một đứa trong bọn mình cần thức ăn. Có con mồi nào gần đây không? Một con nai cái, hay thậm chí một con nai tơ? Tôi đang rỗng như cái giếng cạn đây.”

Baloo hững hờ nói: “Chúng tôi đang săn.” Ông biết không nên thúc giục Kaa. Ông ta quá to.

Kaa nói: “Cho phép tôi đi với các ông. Một cú đánh gần như chẳng là gì đối với các ông, Bagheera hay Baloo, nhưng tôi, tôi phải đợi phải chờ nhiều ngày ở đường rừng rồi leo trèo

nửa buổi đêm mà chưa chắc bắt được một con khỉ nhỏ. *Xì!* Cành cây bây giờ không như hồi tôi còn trẻ. Toàn là nhánh mục với cành khô.”

Baloo nói: “Có lẽ vấn đề đó liên can đến sức nặng quá cỡ của ông.”

Kaa nói, hơi hãnh diện: “Tôi khá dài, khá dài. Nhưng dù vậy lỗi vẫn là ở cây mới mọc hồi này. Lần gần đây nhất tôi suýt ngã - đúng là suýt ngã - và tiếng tôi trượt, vì đuôi tôi không quấn chặt quanh cây, làm tụi Bandar-log thức dậy, thế là chúng chửi tôi bằng đủ thứ tên xấu xa nhất.”

Bagheera thì thào dưới bộ ria: “Đồ cụt chân, giun đất vàng,” như thể ông đang cố nhớ điều gì.

Kaa nói: “*Xì-xì-xì!* Tụi nó gọi tôi *vậy* hả?”

Bagheera ngọt ngào nói tiếp: “Hồi mùa trăng trước tụi nó hò hét với chúng tôi đại khái như vậy, nhưng chúng tôi chẳng bao giờ chú ý đến chúng. Chúng nói đủ thứ, thậm chí nói là ông rụng hết răng nên sẽ không dám đối diện với cái gì lớn hơn một đũa nhỏ, vì (chúng thật là trơ tráo, cái bọn Bandar-log này), vì ông sợ bộ sừng của con dê đực.”

Một con rắn, nhất là rắn già thận trọng như Kaa, rất ít khi tỏ vẻ tức giận, nhưng lúc này Baloo và Bagheera có thể thấy những múi bắp thịt to lớn dùng để nuốt ở hai bên cổ họng Kaa phình ra cuộn cuộn.

Ông khề nói: “Bandar-log đã đổi chỗ. Hôm nay ra phơi nắng tôi nghe chúng hò reo trên ngọn cây.”

Baloo nói: “Đó... đó là bọn Bandar-log mà chúng tôi đang theo,” nhưng lời nói tắc trong cổ họng, vì theo ông nhớ thì đây là lần đầu tiên một Dân Rừng xác nhận mình quan tâm đến việc làm của bọn khỉ.

Kaa lịch sự đáp lời, toàn thân phình lên vì tò mò: “Vậy thì không nghi ngờ gì nữa rồi, hai thợ săn như vậy - chắc chắn mỗi người đều là chúa tể trong rừng của mình - mà lại theo dấu Bandar-log thì đâu phải chuyện nhỏ.”

Baloo mở đầu: “Đúng vậy, tôi chẳng hơn gì một ông thầy già dạy Luật và đôi khi rất ngu của sói con Bầy Seeonee, còn Bagheera đây...”

Báo đen nói: “Là Bagheera,” hàm ông bập lại, vì ông không tin nên khiêm tốn. “Rắc rối là thế này, Kaa à. Cái bọn ăn cắp dừa và nhặt lá dừa đó đã bắt cóc người-sói của chúng tôi, có lẽ ông đã nghe về nó.”

“Tôi có nghe Sahi (bộ lông nhím của nó làm nó quá tự tin) kể về một đứa-người được nhận vào một bầy sói, nhưng tôi không tin. Sahi kể toàn chuyện nghe phong thanh và tào lao thôi.”

Baloo nói: “Nhưng đúng đây. Nó đúng là người-sói chưa hề có. Đứa người-sói giỏi nhất, thông minh nhất và gan dạ nhất, học trò ruột của tôi, nó sẽ làm vang danh Baloo khắp rừng. Ngoài ra, tôi - chúng tôi - thương yêu nó, Kaa.”

Kaa nói, lắc lư cái đầu: “*Xìii! Xìii!* Tôi cũng đã biết thương yêu là gì. Tôi có thể kể nhiều

chuyện...”

Bagheera nói nhanh: “Chuyện đó phải để một đêm sáng trời bọn mình đều đã no nê thì mới ca tụng đúng mức được. Người-sói của chúng tôi lúc này đang trong tay túi Bandar-log, và chúng tôi biết trong tất cả Dân Rừng chúng chỉ sợ một mình Kaa.”

Kaa nói: “Chúng chỉ sợ một mình tôi. Chúng có lý. Ba hoa, ngu ngốc, phù phiếm - phù phiếm ngu ngốc ba hoa, đây là bọn khỉ. Nhưng một đứa-người trong tay chúng thì thật không may. Chúng nhặt trái cây cho chán rồi ném xuống. Chúng đem theo nhánh cây suốt nửa ngày, định dùng làm việc lớn, rồi thì chúng bẻ gãy đôi. Đứa-người đó không may. Chúng cũng đã gọi tôi là... là cá vàng phải không?”

Bagheera nói: “Giun... giun... giun đất, và còn nhiều thứ khác nữa mà tôi không thể nói ra vì ngượng.”

“Mình phải nhắc chúng nói năng về bậc trưởng thượng của chúng sao cho đàng hoàng. *Ấy xì!* Mình phải giúp cái trí nhớ lang bang của chúng. Nào, chúng đi đâu với đứa nhỏ?”

Baloo nói: “Chỉ có rừng biết. Tôi tin là về hướng mặt trời lặn. Chúng tôi nghĩ ông biết, Kaa.”

“Tôi à? Làm sao tôi biết? Tôi bắt chúng khi chúng đi qua chỗ tôi, nhưng tôi không săn Bandar-log hay ếch hay váng bột xanh trên hồ nước, các thứ đại loại như vậy.

Xìii!”

“Nhìn lên, nhìn lên! Nhìn lên, nhìn lên! Hillo! Illo! Illo, nhìn lên, Baloo của Bầy Seeonee!”

Baloo ngược lên để xem tiếng gọi từ đâu tới, thì kìa Điều Chil đang lướt xuống, nắng chiếu sáng trên viền đôi cánh chúi ngược của ông. Gần đến giờ ngủ của Chil, nhưng ông đã bay khắp rừng tìm gấu mà không thấy giữa tán lá dày đặc.

Baloo hỏi: “Chuyện gì vậy?”

“Tôi thấy Mowgli với bọn Bandar-log. Nó nhờ tôi nhắn với ông. Tôi đã theo dõi. Bandar-log đã đưa nó qua sông tới thành phố khỉ - tới Hang Lạnh. Chúng có thể ở đó một đêm, hay mười đêm, hay một giờ. Tôi đã nhờ dơi coi chừng qua đêm. Đây là tin nhắn của tôi. Chúc tất cả quý vị dưới kia săn tốt!”

Bagheera gọi lớn: “Chúc no bụng và ngon giấc, Chil. Lần săn tới tôi sẽ nhớ đến ông, sẽ để phần cái đầu cho riêng ông - ôi ông điều thượng hạng ời!”

“Không có chi. Không có chi. Thằng bé nắm Câu Toàn Năng. Tôi không thể làm khác hơn,” rồi Chil lượn lên, về lại chỗ ngủ của ông.

Baloo khúc khích hãnh diện, ông nói: “Nó không quên dùng lưỡi của nó. Nghĩ xem, một đứa nhỏ như vậy mà nhớ được cả Câu Toàn Năng dành cho loài chim trong lúc đang bị lôi đi trên ngọn cây!”

Bagheera nói: “Câu ấy gần như nhồi chặt vô đầu nó rồi. Nhưng tôi hãnh diện về nó, giờ thì mình phải đến Hang Lạnh.”

Họ đều biết chỗ đó ở đâu, nhưng ít Dân Rừng nào bén mảng tới, vì nơi họ gọi là Hang Lạnh là một thành phố cũ bỏ hoang, bị quên lãng, chôn vùi trong rừng, và muông thú hiếm khi dùng một chỗ mà loài người đã có lần dùng. Heo rừng đến, nhưng thú săn thì không. Ngoài ra, bọn khi có thể nói là sống ở đó nhiều hơn nơi khác, và không con thú tự trọng nào lại đến gần trong phạm vi tầm mắt nơi đó, trừ những lúc hạn hán, khi các bồn nước và hồ chứa đồ nát còn sót chút nước.

Bagheera nói: “Đi tới đó với tốc độ tối đa cũng phải mất nửa buổi tối.”

Baloo có vẻ rất nghiêm trọng, ông bòn chồn nói: “Tôi sẽ đi nhanh hết sức.”

“Chúng tôi không dám đợi ông. Cứ đi sau, Baloo. Kaa và tôi, chúng tôi phải nhanh chân.”

Kaa nói ngắn gọn: “Chân hay không chân, tôi có thể sóng đôi với cả bốn chân của các ông.”

Baloo cố đi hồi hã, nhưng cứ phải ngồi xuống thở hổn hển, vì thế họ bỏ ông lại để mặc ông đi sau, trong khi Bagheera gấp rút tiến lên, phi nhanh bằng nhịp báo. Kaa không nói, nhưng dù Bagheera gắng sức đến mấy trần đá khổng lồ vẫn sánh nhịp bên ông. Khi họ tới dòng thác, Bagheera vượt lên vì ông phóng qua được, trong khi Kaa bơi, đầu và nửa thước cổ ngoi trên mặt nước, nhưng trên đất bằng Kaa lại thu ngắn khoảng cách.

Bagheera nói lúc trời đã chạng vạng: “Thề trên cái khóa vỡ đã trả tự do cho tôi, ông đi không chậm!”

Kaa nói: “Tôi đói. Vả lại, tui nó gọi tôi là ếch đóm.”

“Giun - giun đất, và lại còn vàng.”

“Cũng thế cả. Mình đi thôi,” và Kaa như đồ mình trên đất, tìm thấy đường ngắn nhất bằng cặp mắt vững vàng, rồi bám theo.

Bên trong Hang Lạnh, bọn khi không nghĩ đến các bạn của Mowgli nữa. Chúng đã mang thằng bé tới thành phố bỏ hoang và đang rất chi là tự mãn. Mowgli trước kia chưa hề thấy một thành phố Ấn; mặc dù gần như chỉ là một đồng đồ nát nhưng nơi đây vẫn có vẻ thật kỳ diệu và huy hoàng. Hồi xưa một ông vua đã xây thành trên ngọn đồi nhỏ. Nay vẫn còn thấy được vết tích con lộ đá dẫn lên các cổng thành đồ nát nơi những mảnh gỗ cuối cùng bám lủng lẳng vào bản lề mòn gỉ. Cây cối mọc xuyên qua các bức vách, thành lũy ngổn ngang mục ruỗng, cây leo đại lor lủng ngoài cửa sổ tháp canh trên các mảng tường làm thành những chùm cây treo rậm rạp.

Một lâu đài đồ sộ không mái ngự trị trên đồi, đá cẩm thạch ở sân trong và các bồn nước đã nứt và ố xanh ố đỏ, đá lát sân nơi trước kia đàn voi của vua sống đã bị cỏ và cây non đội lên làm nứt nẻ. Từ lâu đài có thể thấy hàng dãy nhà sụp mái của kinh thành trông như những tổ ong trống rỗng đầy bóng tối; khối đá dị dạng trước kia là tượng thần trong quảng trường nơi bốn con đường gặp nhau; ở các góc phố có những hố và vũng hồi xưa là giếng nước chung, và bên hông vòm mái vỡ nát của các đền thờ nhú ra những cây sung dại.

Bọn khi gọi nơi này là thành phố của chúng, và ra vẻ khinh miệt Dân Rừng vì họ sống trong Rừng. Nhưng chúng không hề biết các tòa nhà được xây lên để làm gì, dùng ra sao.

Chúng ngồi thành nhiều vòng trong đại sảnh của triều đình nhà vua, vừa gãi chấy vừa giả bộ là người. Hay chúng chạy ra vào các căn nhà sập mái, gom mấy miếng vữa và gạch cũ vào một góc, rồi quên mất mình đã giấu ở đâu, rồi ẩu đả và hò hét thành những đám hỗn chiến, rồi chột ngừng để chạy chơi lên xuống các mái bằng của vườn thượng uyển, nơi chúng sẽ làm trò rung các cây hồng cây cam để xem hoa trái rơi rụng. Chúng thám hiểm mọi hành lang và hầm tối trong lâu đài và hàng trăm gian phòng tối nhỏ, nhưng chẳng bao giờ nhớ chúng đã thấy gì hay chưa thấy gì, rồi lang thang một hai đũa hay thành từng đám, bảo nhau rằng chúng đang làm như người. Chúng uống ở các bồn nước và khuấy đục nước, rồi giành nhau, khi ấy chúng sẽ đổ xô lại thành hàng đám mà hò hét: “Không ai trong Rừng thông thái, tài giỏi, lanh lợi, khỏe mạnh và cao quý như Bandar-log.” Rồi tắt cả lại khởi sự từ đầu cho đến khi chúng đâm chán thành phố mà trở về ngọn cây, hy vọng Dân Rừng sẽ chú ý tới chúng.

Mowgli đã được dạy theo Luật Rừng, nó không thích và không hiểu kiểu sống này. Bọn khỉ lôi nó vào Hang Lạnh lúc chiều tối, và thay vì đi ngủ, như Mowgli sẽ ngủ sau một chuyến đi dài, chúng nắm tay nhảy múa và hát những bài ca ngu ngốc của chúng.

Một con khỉ diễn thuyết và bảo đồng bọn rằng bắt được Mowgli là dấu mốc mới trong lịch sử Bandar-log, vì Mowgli sẽ chỉ cho chúng cách đan cây và cànch để tránh mưa tránh rét. Mowgli nhặt vài nhánh cây leo rồi bắt đầu luồn nhánh qua lại, bọn khỉ cố bắt chước. Nhưng chỉ vài phút chúng đã hết hứng thú và khởi sự kéo đuôi đồng bọn, hay vừa nhảy tung tung trên bốn cẳng vừa khọt khẹt.

Mowgli nói: “Tôi muốn ăn. Tôi là kẻ lạ trong rừng này. Mang cho tôi thức ăn, không thì cho phép tôi săn ở đây.”

Hai ba chục con khỉ liền nhảy vọt đi lấy hạt và đu đủ rừng cho nó. Nhưng chúng xoay ra đánh nhau dọc đường, và mang số trái cây còn sót về thì lại quá phiền hà. Mowgli vừa đau nhức và tức tối vừa đói bụng, nó lang thang khắp kinh thành hoang vắng, thỉnh thoảng kêu lên Câu Săn của Kẻ Lạ, nhưng chẳng ai đáp lời, và Mowgli cảm thấy đúng là nó đã đến một nơi rất tệ. Nó tự nhủ: “Tất cả những gì Baloo đã nói về Bandar-log là đúng. Tội nó không có Luật, không có Câu Săn, không có đầu đàn, chẳng có gì ngoài mấy câu ngu ngốc và bàn tay ăn cắp ăn trộm nhỏ xíu. Nếu mình đói hay chết ở đây thì hoàn toàn là lỗi tại mình. Nhưng mình phải cố về lại rừng của mình. Chắc chắn Baloo sẽ phạt mình, nhưng còn hơn là đuổi theo lá cây hồng vớ vẩn với tội Bandar-log.”

Nhưng nó vừa bước tới tường thành thì bị bọn khỉ kéo ngay lại, chúng bảo rằng nó sượng như thế mà không biết, và cầu véo nó bắt nó phải biết ơn. Nó ngậm răng không nói, chỉ đi cùng bọn khỉ đang reo hò đến mái bằng bằng sa thạch đỏ phía trên hồ chứa nước còn lưng lửng nước mưa. Giữa mái bằng có lầu hóng mát mùa hè bằng cẩm thạch trắng đỏ nát, xây cho các hoàng hậu đã chết hàng trăm năm trước. Vòm mái đỏ xiêu xuống bít kín hành lang ngầm làm lối cho các hoàng hậu đi về giữa nơi này và cung điện. Các vách ngăn là những bình phong cẩm thạch khắc hoa văn - tác phẩm chạm trổ đẹp, trắng ngà, nam mã não, ngọc tía, ngọc bích và ngọc lam, khi trắng lên sau đồi, ánh trắng chiếu qua công trình chạm trổ, in bóng lên mặt đất như bức thêu bằng nhung đen.

Mặc dù đau nhức, buồn ngủ, đói, Mowgli vẫn không thể nhin cười khi tội Bandar-log bắt

đầu, mỗi lần hai chục đứa, bảo nó rằng chúng vĩ đại, thông thái, khỏe mạnh và cao quý, và nó muốn bỏ chúng mà đi là ngu. Chúng la hét: “Tội tao vĩ đại. Tội tao tự do. Tội tao hết sảy. Tội tao là dân hết sảy nhất trong rừng! Tất cả tội tao đều nói vậy thì như vậy phải đúng. Bây giờ mày là thánh giả mới và mày có thể đem lời của tội tao về kể với Dân Rừng để trong tương lai họ chú ý tới tội tao, vì vậy tội tao sẽ cho mày biết hết mọi đặc tính xuất sắc nhất của tội tao.”

Mowgli chẳng phản đối, thế là bọn khỉ tập hợp hàng trăm đứa trên mái bằng để nghe chính bọn diễn giả của chúng ca ngợi bài tán dương Bandar-log, và mỗi khi một diễn giả ngừng lại thở thì chúng đồng thanh la hét: “Đúng. Chúng ta đều nói như vậy.”

Khi chúng hỏi, Mowgli gật gù nháy mắt nói “Ừ”, và đầu nó quay cuồng vì tiếng ồn. Nó nhủ thầm: “Chó đồng Tabaqui chắc đã cắn hết bọn này rồi, thành ra bây giờ chúng bị điên. Chắc chắn đây là *dewanee*, chứng điên. Chúng không bao giờ ngủ hay sao thế? Bây giờ mây đến che mặt trăng. Nếu mây đủ lớn, mình có thể thử bỏ chạy vào bóng đêm. Nhưng mình mệt rồi.”

Cũng đám mây ấy đang được hai bạn tốt theo dõi từ trong hào nước đã lở dưới tường thành, Bagheera và Kaa không muốn liều lĩnh vì biết rõ loài khỉ với số đông rất nguy hiểm. Bọn khỉ không bao giờ giao tranh trừ phi chúng hơn gấp trăm lần, và không mấy ai trong rừng muốn gặp bất lợi ấy.

Kaa thì thảo: “Tôi sẽ đến bức vách phía Tây, rồi lợi dụng thế đất dốc để lao nhanh xuống. Cả trăm đứa chúng cũng chẳng dám leo lên lưng *tôi*, nhưng...”

Bagheera nói: “Tôi biết. Giá mà có Baloo ở đây, nhưng chúng ta phải làm hết sức mình. Khi cụm mây đó che mặt trăng, tôi sẽ tới chỗ mái bằng. Chúng họp thứ hội đồng khỉ gì đó ở đây về chuyện thăng bé.”

Kaa dữ tợn nói: “Chúc sẵn tốt,” rồi trườn tới bức vách phía Tây. Hóa ra nơi đó ít đồ nát nhất, nên ông trần hơi gặp trở ngại rồi mới tìm thấy được lối lên các tầng đá.

Mây đã che trăng, và khi Mowgli tự hỏi điều gì sẽ đến nữa đây, nó chợt nghe tiếng chân nhẹ của Bagheera trên mái bằng. Báo Đen đã chạy lên triền dốc hầu như không tiếng động và đang dùng móng vuốt - ông biết rõ đừng phí thời giờ cắn - mà tả xung hữu đột giữa đám khỉ ngồi vòng quanh Mowgli hàng năm sáu chục lớp. Có tiếng rú hoảng sợ và cuồng nộ, và khi Bagheera trượt chân trên mấy thân hình lăn tròn giãy giụa bên dưới ông, một con khỉ hét: “Chỉ có một đứa ở đây! Giết nó! Giết.” Cả đám khỉ xô đẩy, cắn, cào, xé, giật, xáp lại Bagheera, trong khi năm sáu con giữ Mowgli, lôi nó lên bức tường của lầu hóng mát rồi đẩy nó xuống lỗ vòm mái vờ. Một đứa bé do người huấn luyện thì sẽ bị bầm dập thê thảm vì rơi năm mét, nhưng Mowgli rơi xuống như Baloo đã dạy nên đứng vững trên hai chân.

Bọn khỉ hét: “Ồ đó cho đến khi tội tao giết xong bạn mày, rồi sau đó tội tao sẽ chơi với mày, nếu bọn Nọc Độc để cho mày sống.”

Mowgli nói nhanh Tiếng Gọi Rắn: “Chúng ta cùng một dòng máu, bạn và tôi.” Nó nghe thấy tiếng xào xạc và huýt gió trong đồng rác xung quanh, nó liền lặp lại tiếng gọi lần thứ hai cho chắc.

Sáu giọng nhỏ cất lên: “Vâây haaa! Tất cả hạ mào xuống! Đứng im, Em Nhỏ, vì chân em có thể đạp chúng tôi.” (Mọi khu đồ nát ở Ấn Độ sớm muộn đều sẽ thành chỗ trú ngụ của rắn, và lâu hóng mát cũ đầy rắn hổ mang).

Mowgli đứng thật yên, nhìn qua lỗ chạm trổ, lắng nghe tiếng âm ỉ chói tai đầy thịnh nộ của trận đánh bao quanh Báo Đen - tiếng kêu la, hò hét, xô đẩy, và tiếng ho khan trầm đục của Bagheera khi ông lùi lại, nhảy vùng lên, xoay mình lặn hụp dưới hàng đồng kẻ thù. Vì lần đầu tiên từ khi ra đời Bagheera chiến đấu để giữ mạng sống của mình.

Mowgli nghĩ: “Baloo chắc đang ở gần đây. Bagheera không đến một mình.” Rồi nó kêu lớn: “Tới bờ nước, Bagheera. Lặn tới bờ nước. Lặn rồi nhảy xuống! Xuống nước!”

Bagheera nghe thấy, tiếng kêu khiến ông biết Mowgli bình an và nhờ nó ông có thêm dũng khí. Ông liềm mạng tiến tới, từng bước từng bước, thẳng đến bờ chứa nước, lặng lẽ ngừng lại.

Khi ấy từ bức tường đồ gần rừng vang lên tiếng xuất trận âm âm của Baloo. Gấu già đã cố hết sức nhưng không thể đến sớm hơn được. Ông gọi lớn: “Bagheera, tôi đây. Tôi leo! Tôi vọt! *Ahuwora!* Đá trượt dưới chân tôi! Đợi ta tới, ồ, bọn Bandar-log bỉ ổi!”

Ông hớn hên leo lên mái bằng để rồi ngấp đầu giữa làn sóng khi, nhưng ông kiên quyết ngồi bệt xuống, giương móng chân trước ra, cố hết sức ghì chặt được càng nhiều khi càng tốt, rồi bắt đầu đánh bịch-bịch-bịch đều đều, như tiếng vỗ nhẹ của guồng chèo. Tiếng nước âm tung tóe cho Mowgli biết Bagheera đã đánh mở đường tới được bờ nước nơi bọn khi không dám theo xuống. Báo nằm thờ lầy hơi, đầu ông vừa đủ nhô trên mặt nước, trong khi bọn khi đứng vây ba lớp trên bậc thang đá đỏ, nhảy lên nhảy xuống vì căm giận, từ mọi phía sẵn sàng nhảy bổ lên ông nếu ông leo ra giúp Baloo. Đúng lúc ấy Bagheera ngẩng cái cằm nước nhỏ giọt lên, tuyệt vọng kêu Tiếng Gọi Rắn để cầu cứu: “Chúng ta cùng một dòng máu, bạn và tôi” vì ông nghĩ chắc Kaa đã quay đuôi vào phút chót. Baloo tuy đã gần tắt thở dưới bọn khi trên mép mái bằng nhưng không thể nén phì cười khi nghe Báo Đen kêu cứu.

Kaa vừa mới tìm được lối lên bức tường phía Tây, ông giáng mạnh thân mình xuống làm một tảng đá đầu tường lỏng ra rơi vào hào nước. Ông không muốn bỏ vị trí lợi thế, nên liền cuộn mình lại rồi duỗi ra một hai lần, để biết chắc mỗi khúc trên tám thân dài của ông đều đang hoạt động tốt. Trong lúc đó Baloo tiếp tục chiến đấu, và bọn khi la hét bao quanh Bagheera nơi bờ nước. Khi ấy Dơi Mang bay ngược bay xuôi, mang tin trận đại chiến đi khắp rừng, đến khi ngay cả Voi Rừng Hathi rống lên, và, từ xa, các đàn khi lẻ tẻ thức giấc phóng theo lộ cây đến giúp đồng bọn trong Hang Lạnh, và tiếng đánh nhau âm ỉ làm thức giấc loài chim sống ban ngày cách đó hàng dặm.

Rồi Kaa tiến thẳng tới, nhanh thoát, nôn nóng giết. Sức đánh của trăn nằm ở cú bổ của cái đầu được trợ lực bằng tất cả sức mạnh và trọng lực của thân mình. Nếu bạn hình dung một cây lao, hay một súc gỗ phá thành, hay cây búa nặng gần nửa tấn được hướng dẫn bằng cái đầu lặng lẽ, lạnh lùng trên cán, thì bạn có thể tạm hình dung ra Kaa là gì khi ông đánh. Con trăn dài mét hai hay mét rưỡi có thể đánh gục một người nếu nó mổ ngay ngực, mà Kaa thì, bạn biết đó, ông dài chín mét. Cú đánh đầu tiên của ông giáng vào giữa đám đông vây quanh Baloo - lẳng lẳng ngậm miệng mở thẳng, và không cần cú thứ hai. Bọn khi chạy tứ tán la chí chóc: “Kaa! Kaa! Chạy! Chạy!”

Nhiều đời khi đã vì quá sợ mà biến thành ngoan ngoãn do những câu chuyện tổ tiên chúng kể cho nghe về Kaa, kẻ trộm đêm, kẻ có thể trườn theo cành cây êm như rêu mọc rồi lén bắt đi con khỉ mạnh nhất xưa nay; chuyện Kaa già có thể hóa trang giống cành cây chết hay thân cây mục đến nỗi đũa khôn nhất cũng bị mắc lừa, cho tới khi cành cây bắt chùng. Kaa là thứ duy nhất mà bọn khỉ sợ trong rừng, vì chưa đũa nào biết khả năng của ông đến đâu, chưa đũa nào có thể nhìn vào mặt ông, và chưa đũa nào sống sót sau cái siết của ông. Vì thế chúng chạy, lấp bấp vì kinh hoàng, tới chỗ các bức tường, leo lên các mái nhà, và Baloo thở phào nhẹ nhõm. Bộ lông của ông dày hơn da Bagheera, nhưng toàn thân ông đau ê ẩm vì trận đánh.

Thế rồi Kaa mở miệng lần đầu tiên và rít lên một tiếng dài, và bọn khỉ từ xa đang vội vàng đến để phòng thủ Hang Lạnh bỗng dừng khựng tại chỗ, co rúm, cho tới khi những cành cây nặng trĩu oằn xuống rắc rắc dưới thân chúng. Bọn khỉ trên tường và các căn nhà bỏ hoang ngưng kêu la, và trong tĩnh lặng phủ trùm kinh thành Mowgli nghe Bagheera lách hai bên sườn ướm cho khô sau khi ra khỏi bồn nước. Khi ấy tiếng huyền não lại bùng lên. Bọn khỉ nhảy lên các bức tường cao hơn, chúng bám quanh cổ các pho tượng thần to lớn bằng đá, vừa thét inh ỏi vừa nhảy vội lên thành lũy, trong khi đó Mowgli nhảy múa trong lầu hóng mát, dán mắt vào bức bình phong chạm trổ và rúc tiếng cú qua hàm răng cửa để tỏ vẻ chế nhạo và khinh bỉ.

Bagheera hân hân: “Đem người-sói ra khỏi cái bẫy đó đi, tôi hết sức rồi. Mình đem người-sói đi đi. Chúng có thể tấn công nữa.”

Kaa rít lên: “Chúng sẽ không cử động chừng nào tôi chưa ra lệnh. Bọn bay đứng yên!” Kaa rít, và kinh thành lại lặng yên. “Tôi không thể tới sớm hơn, thưa anh, nhưng tôi *nghĩ* mình có nghe tiếng anh gọi” - câu này là nói với Bagheera.

Bagheera đáp: “Chắc... chắc là tôi có gọi trong lúc giao chiến. Baloo, ông có bị thương không?”

Baloo nói, lách chân này tới chân kia với vẻ nghiêm trọng: “Tôi không rõ chúng đã xé tôi thành một trăm con gấu nhỏ chưa. Ôi nhức quá! Kaa, tôi nghĩ Bagheera và tôi nợ ông ơn cứu tử.”

“Không hề chi. Thằng nhỏ đâu?”

Mowgli kêu lên: “Ở đây, trong bẫy. Con không leo ra được.” Vòm mái vờ uốn cong trên đầu nó.

Rắn hổ mang ở bên trong nói: “Đem nó đi. Nó nhảy múa như Công Mor ấy. Nó đập bẹp gi con chúng tôi mất.”

Kaa khúc khích: “Hà! Thằng nhỏ này có bạn khắp nơi. Lui lại, nhỏ. Nấp đi, Nọc Độc. Ta phá đồ vách tường đây.”

Kaa quan sát kỹ đến khi tìm ra một vết nứt bạc màu trong hoa văn cẩm thạch để lộ một chỗ yếu. Ông dùng đầu gối nhẹ hai ba cái để đo khoảng cách, rồi vươn cao thân mình khỏi mặt đất hai mét, giáng sáu cú mạnh hết sức, mũi đi trước. Bức bình phong chạm trổ vỡ ra, đổ xuống thành một đồng bụi mù mịt. Mowgli liền nhảy qua lỗ hồng lao tới giữa Baloo và Bagheera, mỗi cánh tay quàng lấy một cái cổ bự.

Baloo dịu dàng ôm nó mà nói: “Con có bị thương không?”

“Con nhức, con đói, nhưng không có vết bầm nhỏ nào. Nhưng, ồ, chúng nặng tay với hai ông quá, các bạn của con! Ông chảy máu kìa.”

Bagheera nói: “Mấy đứa kia cũng đồ máu,” ông liếm môi nhìn xác khỉ trên mái bằng và quanh bồn nước.

Baloo thút thít: “Không sao, không sao, miễn là con bình an, ồ, ếch nhỏ đáng tự hào nhất của ta!”

Bagheera nói bằng một giọng khô khan Mowgli không thích chút nào: “Chuyện đó mình sẽ phán xét sau. Nhưng đây là Kaa, chúng ta nợ ông ấy một trận đánh, và con nợ ông ấy mạng sống của con. Hãy cảm ơn ông ấy theo phong tục của mình, Mowgli.”

Mowgli quay qua thấy đầu trần không lồ đang lắc lư trên đầu nó ba tấc.

Kaa nói: “À, ra là thằng nhỏ này đây. Da nó mịn lắm nhưng nó không phải là không giống Bandar-log. Cần thận, nhỏ, đừng để ta làm con là khi lúc trời chạng vạng khi ta mới thay da.”

Mowgli đáp: “Chúng ta cùng dòng máu, ông và con. Tối nay ông cho con mạng sống của con. Mọi sản của con sẽ là của ông nếu khi nào ông đói, hỡi Kaa.”

Kaa nói, tuy mắt ông lấp lánh: “Cảm ơn, Em Nhỏ. Kẻ sẵn gan dạ này có thể giết con mỗi nào? Ta hỏi để ta có thể đi theo khi nó ra săn lần tới.”

“Con không giết - con còn nhỏ quá - nhưng con lừa dê tới để ông có thể dùng. Khi nào ông rỗng bụng, đến gặp con rồi xem con nói có thật không. Con có vài tài khéo trong này [nó đưa hai tay ra], nếu bao giờ ông mắc bẫy, con có thể trả món nợ con đã nợ ông, nợ Bagheera và Baloo. Chúc tất cả săn tốt, các thầy của con.”

Baloo rống lên: “Giỏi,” vì Mowgli đã nói lời cảm ơn rất khéo.

Trần đặt nhẹ đầu xuống một phút trên vai Mowgli. Ông nói: “Một trái tim dũng cảm và một cái lưỡi bất thiệp. Chúng sẽ đưa con đi xa trong rừng, bé con à. Nhưng bây giờ đi ngay với các bạn con đi. Đi rồi ngủ, vì trăng đang lặn, và cảnh sắp tới không dễ cho con xem.”

Trăng đang xuống sau đồi, và hàng dây khỉ sợ lấy bầy ôm nhau trên các bờ tường và thành lũy trông như những diềm khăn rách te tua run cầm cập. Baloo xuống bồn nước để uống và Bagheera bắt đầu chải thẳng lông, trong khi Kaa trườn ra giữa mái bằng, bập bập hai hàm lớp cộp khiến mọi con mất khỉ nhìn ông.

Ông nói: “Trăng lặn. Có còn đủ sáng để thấy không?”

Từ các bức tường vọng lại tiếng than như gió trên ngọn cây: “Ô Kaa, chúng tôi thấy.”

“Tốt. Bây giờ bắt đầu điệu múa - Điệu Kaa Đói. Ngồi yên mà xem.”

Ông quay hai ba vòng lớn, đầu lắc lư từ phải qua trái. Rồi ông khởi sự cuộn thân mình thành những vòng tròn và hình số 8, rồi những hình tam giác mềm mại, nhầy nhụa tan chảy thành hình vuông và hình năm cạnh, rồi thành những đồng tròn xoắn, không nghỉ, không vội, không ngừng bài hát ngân nga nhỏ nhỏ của ông. Trời càng lúc càng tối hơn, đến khi cuối cùng

những cuộn tròn không ngừng đổi dạng và kéo lê biến mất, nhưng bọn khỉ có thể nghe tiếng vầy xào xạc.

Baloo và Bagheera đứng yên như phỗng đá, gằm gù trong cuống họng, lông cổ dựng đứng, còn Mowgli ngo ngẩn nhìn.

Cuối cùng Kaa cất tiếng: “Bandar-log, các người có thể nhúc nhích chân tay mà không có lệnh của ta không? Nói!”

“Không có lệnh của ông chúng tôi không thể nhúc nhích chân tay, hỡi Kaa!”

“Tốt! Tất cả tiến tới một bước gần ta.”

Hàng dãy khỉ lắc lư tiến tới, khôn cưỡng, Baloo và Bagheera cũng tiến một bước khó khăn cùng với chúng.

Kaa rít: “Gần hơn!”, thế là tất cả lại di chuyển.

Mowgli đặt tay lên Baloo và Bagheera để lôi họ đi, và hai con thú cừ khôi giật mình như thể vừa ra khỏi giấc mơ.

Bagheera thì thầm: “Giữ tay con trên vai ta. Giữ nó ở đó, nếu không ta phải trở lại... phải trở lại với Kaa. *Aa!*”

Mowgli nói: “Kaa già chỉ cuộn tròn trên đám bụi thôi mà. Mình đi.” Và cả ba lách qua một lỗ hổng trên tường để về rừng.

Baloo nói, khi ông lại đứng dưới đám cây tĩnh mịch: “*Huúpp!* Tôi sẽ không bao giờ liên minh với Kaa nữa,” rồi ông rùng mình.

Bagheera vừa nói vừa run: “Ông ta biết nhiều hơn mình. Nán lại một chút nữa là tôi sẽ bước vô cuống họng ông ta mất.”

Baloo nói: “Nhiều đứa sẽ đi qua lối đó trước khi trăng lên lần nữa. Ông sẽ sẵn tốt, theo kiểu riêng của ông.”

Mowgli hỏi: “Nhưng mấy thứ đó nghĩa là gì?” nó không biết gì về sức thôi miên của trăn. “Con thấy chẳng khác gì một ông rắn bự cuộn vòng vớ vẩn cho tới khi tới trời. Còn mũi ông thì đau nhức hết. Ha! Ha!”

Bagheera giận dữ nói: “Mowgli, mũi ông đau nhức vì *con*, như tai và hông và móng ta, và cổ và vai Baloo bị cắn vì *con*. Trong nhiều ngày nữa cả Baloo lẫn Bagheera sẽ sẵn vất vả lắm đây.”

Baloo nói: “Không sao. Mình đã có lại người-sói.”

“Đúng, nhưng nó làm chúng ta phí rất nhiều thời giờ đáng lẽ để sẵn, làm chúng ta bị thương, bị rụng lông - tôi bị trụi mất nửa số lông trên lưng - và nhất là tổn thất danh dự. Bởi vì, hãy nhớ, Mowgli, ta đây, Báo Đen, đã phải cầu cứu Kaa, và Baloo với ta đều hóa ra khờ dại như chim non vì Điệu Múa Đói. Tất cả là vì con chơi với Bandar-log, người-sói ạ.”

Mowgli rầu rĩ nói: “Đúng, đúng. Con là người-sói xấu, và trong bụng con buồn.”

“*Hừm!* Luật Rừng nói gì, Baloo?”

Baloo không muốn Mowgli gặp rắc rối nữa, nhưng ông không thể trái Luật, vì thế ông lầm bầm: “Buồn cũng không tránh được hình phạt. Nhưng Bagheera à, hãy nhớ là nó còn nhỏ lắm.”

“Tôi sẽ nhớ. Nhưng nó đã làm điều xấu, bây giờ phải đánh đòn. Mowgli, con có gì để nói không?”

“Không. Con làm trái. Baloo và ông bị thương. Đánh đòn là đúng.”

Bagheera cho nó sáu cái vỗ yêu theo cách nhìn của một con báo (không đủ để đánh thức một con báo con của ông), nhưng đối với thằng bé bảy tuổi thì chẳng khác gì bị trận đòn đau mà bạn ước gì được miễn. Khi mọi việc đã xong, Mowgli hất xì, rồi tự đứng lên không nói một lời.

Bagheera nói: “Nào, nhảy lên lưng ta, Em Nhỏ, mình về nhà.”

Một trong những cái đẹp của Luật Rừng là phạt xong thì hết tội. Sau đó không cần nhằn nữa.

Mowgli ngả đầu lên lưng Bagheera và ngủ say đến nỗi nó không hề tỉnh giấc khi được đặt xuống bên cạnh Sói Mẹ trong hang nhà.

Bandar-log hành khúc

Bọn ta đi giữa tràng hoa lung lẳng,

Nửa đường tới cái mặt trăng lẳng nhẳng!

Bộ mày không ghen bọn ta vênh váo sao?

Bộ mày không muốn có thêm bàn tay nào?

Bộ mày không thích đuôi mày - ình -

Cong thành cánh cung của thần ái tình?

Mày tức giận, nhưng - ôi dào,

Ê mày, đuôi mày thông đặng sau!

Bọn ta ngồi trên dãy cảnh biếc,

Nghĩ tới những thứ đẹp bọn ta biết.

Mơ tới những chuyện bọn ta định làm,

Một hay hai phút là xong hết đám -

Chuyện cao quý, thông thái và tốt đẹp,

Chỉ cần bọn ta muốn là xong cái bẹp.

Bọn ta sắp đi đến - ôi dào,

Ê mày, đuôi mày thông đặng sau!

Mọi chuyện bọn ta đã nghe

Thốt ra từ dơi, hay thú, hay ve -

Từ da hay vảy hay vẩy hay lông -
Hãy cùng liến thoắng cho đông!
Xuất sắc! Cừ khôi! Một lần nữa!
Bọn ta cũng đang nói như người!
Hãy giả bộ mình là - ôi dào,
Ê mày, đuôi mày thông đằng sau!
Đây là kiêu khí của tụi tao.
*Hãy cùng đu dây chóng mặt qua rừng thông với bọn tao,
Phóng vút lên bằng dây nho dại treo lủng lẳng nhẹ cao.
Bên đông rác tiệt từng om sòm quý phái của bọn tao,
Hãy nhớ, hãy chắc rằng bọn tao làm hoành tráng cỡ nào!*

“Cọp! Cọp!”



Săn gì thế, kẻ săn dững mãnh?

Anh ơi, cuộc rình mồi lâu và lạnh.

Con mồi nào anh sắp giết?

Anh ơi, nó còn gặm cỏ trong rừng.

Sức mạnh nào làm anh tự hào?

Anh ơi, sườn tôi đâu còn sức nào.

Đi đâu thế mà anh vội vã?

Anh ơi, tôi về hang gục ngã.

Bây giờ chúng ta phải trở lại truyện đầu tiên. Khi Mowgli rời hang sói sau vụ xung đột với Bầy ở Đá Hội đồng, nó xuống khu đất cày nơi dân làng sống. Nhưng nó không ngừng lại ở đó vì còn quá gần rừng, và nó biết là nó đã có ít nhất một kẻ thù ghê gớm ở Hội đồng. Do đó nó gấp rút theo con đường gồ ghề dẫn xuống thung lũng, rồi theo đó chạy đều bước gần hai chục dặm, tới khi nó đến một xứ nó không biết. Thung lũng mở ra cánh đồng lớn lờm chờm đá với nhiều hẻm núi cắt qua. Cuối thung lũng là một làng nhỏ, đầu kia là khu rừng rậm dốc xuống bãi cỏ chăn gia súc, rồi ngưng lại như thể bị xấn bằng cuộc. Trên khắp cánh đồng, gia súc và trâu đang ăn cỏ. Khi bọn trẻ mục đồng thấy Mowgli, chúng hét lên bỏ chạy, và mấy con chó vàng vô chủ quanh quẩn bên mọi làng Ấn cất tiếng sủa. Mowgli cứ dần bước, vì nó cảm thấy đói. Khi đến cổng làng, nó thấy bụi gai lớn chắn cổng lúc trời nhá nhem đã bị đẩy qua một bên.



“*Úi chà!*” nó nói, vì nó đã gặp nhiều rào cản kiểu đó trong những đêm ngao du tìm thức ăn. “Hóa ra loài người ở đây cũng sợ Dân Rừng.” Nó ngồi xuống bên cống. Khi có một ông đi ra, nó đứng lên, há miệng rồi chỉ vào tỏ ý cần thức ăn. Người đàn ông nhìn đăm đăm, rồi chạy ngược lại con đường độc nhất trong làng, âm ỉ gọi ông thầy tu to béo quần vải trắng, trán có một điểm đỏ và vàng. Thầy tu ra cống, theo ông có ít nhất một trăm người, họ nhìn chăm chăm rồi vừa nói năng, la hét vừa chỉ trỏ Mowgli.

Mowgli nhủ thầm: “Mấy người này không biết cách cư xử. Chỉ có khi xám mới cư xử như họ.” Vì thế nó hất mái tóc dài ra sau lưng rồi nhả mặt với đám đông.

Thầy tu nói: “Có gì mà sợ? Nhìn mấy vết trên tay chân nó kìa. Đó là dấu sói cắn. Nó chẳng qua chỉ là người- sói trốn khỏi rừng thôi.”

Dĩ nhiên là khi chơi đùa các sói con thường cạp Mowgli mạnh hơn ý định, cho nên có các vết thọc trắng khắp trên tay chân nó. Nhưng ai khác có thể gọi đó là vết cắn chứ nó thì không bao giờ, vì nó biết thế nào mới là cắn thực sự.

Hai bà cùng nói: “*Arré! Arré!* Bị sói cắn, tội nghiệp đứa bé! Nó xinh xắn. Mắt nó như lửa đỏ. Tôi thề danh dự, Messua à, nó chẳng khác gì đứa con trai bị cạp bắt của bà.”

Một bà đeo nhiều vòng đồng nặng trên cổ tay và cổ chân nói: “Cho tôi xem,” và bà ghé mắt nhìn Mowgli qua kẽ ngón tay. “Đúng vậy, nó không khác. Nó gầy hơn, nhưng nó có nét rất giống con trai tôi.”

Thầy tu là người khôn lanh, biết Messua là vợ của người giàu nhất làng này. Vì thế ông ngược lên trời một phút, rồi long trọng nói: “Rừng lấy đi thì rừng trả lại. Chị hãy đem thằng nhỏ về nhà, và đừng quên trọng đãi vị thầy tu thấy xa vào cõi nhân sinh.”

Mowgli tự nhủ: “Thề trên con bò đực đã thế mạng mình, nói năng thế này thì cũng giống như kiểm tra nhận vào bầy! Ôi dào, nếu mình là người, mình phải làm người.”

Đám đông giải tán khi người đàn bà ra hiệu cho Mowgli tới căn chòi của bà, ở đó có một

khung giường sơn son, một chum sành lớn đựng ngũ cốc với nhiều hình nổi ngộ nghĩnh, sáu nổi đồng, một tấm hình vị thần Ấn giáo trong hốc tường, và trên vách là tấm gương soi, thứ người ta bán ở chợ quê với giá tám xu.

Bà cho nó uống nhiều sữa và ăn mấy miếng bánh, rồi bà đặt tay lên đầu nó và nhìn vào mắt nó, vì bà nghĩ có lẽ nó đúng là đứa con của bà bị cộp bắt từ rừng trở về. Vì thế bà nói: “Nathoo, ồ Nathoo!” Mowgli không tỏ vẻ biết cái tên ấy. “Con không nhớ ngày mẹ cho con đôi giày mới sao?” Bà sờ bàn chân nó, bàn chân cứng như sừng. Bà buồn bã nói: “Không, hai bàn chân này chưa bao giờ đi giày, nhưng con rất giống Nathoo của mẹ, và con sẽ là con trai của mẹ.”

Mowgli bút rút không yên, vì nó chưa bao giờ ở dưới mái nhà. Nhưng khi nhìn mái rạ, nó thấy mình có thể xé rách mái bất cứ lúc nào nếu muốn ra đi, và cửa sổ không có then cài. Cuối cùng nó tự nhủ: “Làm người hay ho gì, nếu không hiểu tiếng người? Bây giờ mình khờ khạo và ngớ ngẩn như một người ở với tội mình trong rừng. Mình phải nói tiếng của họ kia.”

Hồi ở với sói nó đã học bắt chước tiếng thách đấu của nai đực trong rừng và tiếng ủa ủa của con heo rừng nhỏ đâu phải chỉ cho vui. Vì thế, khi Messua phát âm một chữ, Mowgli sẽ bắt chước gần như đúng hoàn toàn, và trời chưa tối nó đã biết tên nhiều thứ trong căn chòi.

Đến lúc đi ngủ thì có một trở ngại, vì Mowgli không chịu ngủ dưới bất kỳ thứ gì giống cái bẫy báo như căn chòi ấy. Khi họ đóng cửa, nó bước qua cửa sổ. Chồng Messua nói: “Cứ để tùy ý nó. Hãy nhớ là có thể trước nay nó chưa bao giờ ngủ trên giường. Nếu quả thật nó được đưa tới thay cho con trai mình thì nó sẽ không bỏ đi đâu.”

Vì thế Mowgli nằm dài trong đám cỏ cao sạch sẽ ở mé cánh đồng, nhưng nó chưa kịp nhắm mắt thì một cái mũi xám mềm đã thúc dưới cằm nó.

Anh Xám nói (anh là con cả của Sói Mẹ): “*Phù!* Phần thưởng tệ hại cho cái việc đi theo em hai chục dặm đây sao. Em có mùi khói củi và gia súc, hoàn toàn giống như người rồi. Dậy đi, Em Nhỏ; anh mang tin tới đây.”

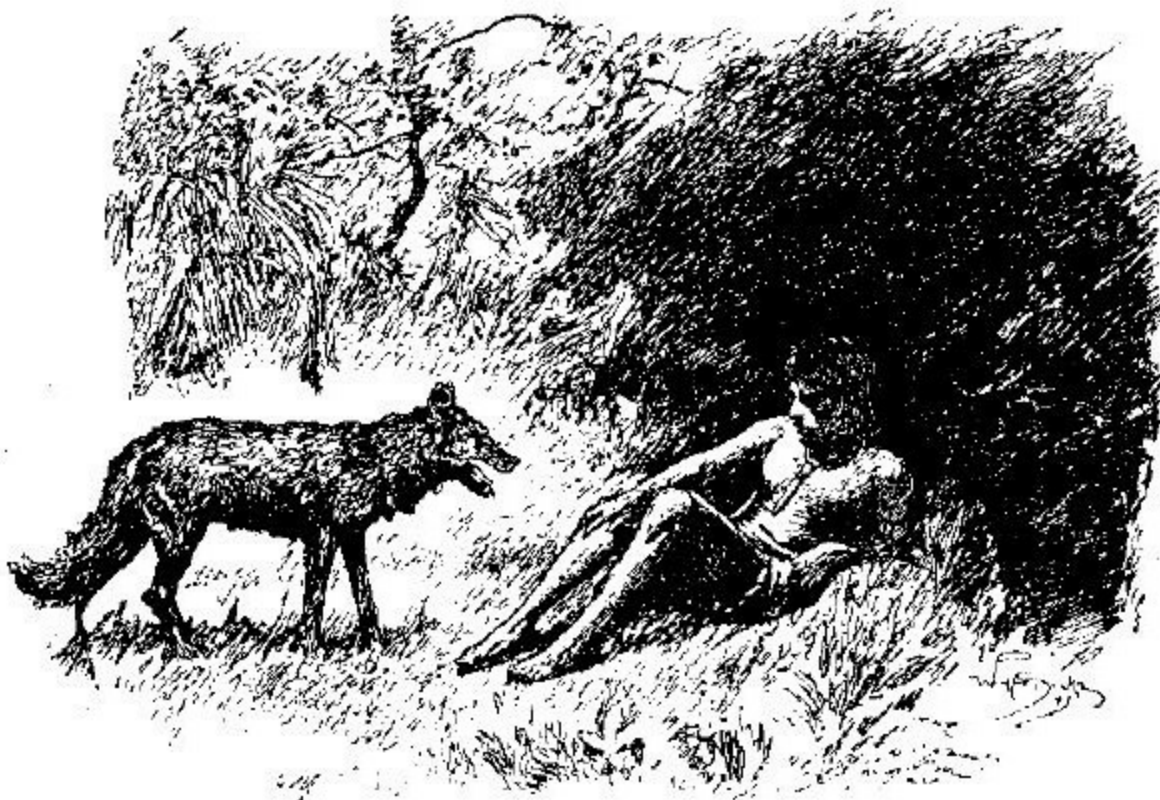
Mowgli vừa nói vừa ôm anh: “Trong rừng khỏe cả chứ?”

“Khỏe cả, ngoại trừ tội sói bị Hoa Đỏ đốt. Nào, nghe đây. Shere Khan đã bỏ đi săn nơi khác thật xa cho đến khi nó mọc lông lại, vì nó bị cháy sém thảm hại. Nó sẽ khi trở về nó sẽ đặt xương em ở Wainganga.”

“Thế là chuyện đó có hai lời thề hứa khác nhau. Em cũng đã có một lời hứa nhỏ. Nhưng có tin vẫn tốt. Anh Xám à, tối nay em mệt, rất mệt vì những thứ mới, nhưng anh cứ mang tin cho em.”

Anh Xám lo âu hỏi: “Em sẽ không quên em là sói chứ? Loài người không làm em quên chứ?”

“Không bao giờ. Em sẽ luôn nhớ là em yêu anh và yêu cả hang mình. Nhưng em cũng luôn nhớ là em đã bị đuổi khỏi Bầy.”



“Dậy đi, Em Nhỏ; anh mang tin tới đây. ”

“Và em có thể bị đuổi khỏi một bầy khác. Người chỉ là người, Em Nhỏ, lời của họ như lời ếch trong ao. Lần sau anh xuống đây, anh sẽ đợi em trong bụi tre ở mép bãi chăn.”

Trong ba tháng sau đêm ấy Mowgli khó có lúc nào ra khỏi cổng làng, nó quá bận học cách thức và tập tục của loài người. Trước tiên nó phải quán tâm vãi quanh mình làm nó khó chịu kinh khủng; rồi nó phải học về tiền, một thứ nó chẳng hiểu tí nào, và học cày bừa, một việc nó chẳng thấy có công dụng gì. Rồi tụi nhỏ trong làng làm nó tức lắm. May là Luật Rừng đã dạy nó giữ bình tĩnh, vì trong rừng mạng sống và thức ăn tùy thuộc vào sự điềm tĩnh của ta. Khi chúng trêu chọc nó, vì nó không chơi đùa hay thả diều, hay vì nó phát âm sai một chữ, sợ dĩ nó không nhắc bổng chúng lên rồi xé chúng làm đôi là do nó biết rằng giết mấy đứa con nít trần trụi thật chẳng hay hóm gì. Nó không hề biết nó khỏe cỡ nào. Trong rừng nó biết nó yếu so với muông thú, nhưng trong làng người ta nói nó khỏe như con bò đực.

Chắc chắn nó không biết sợ là gì, vì khi thầy tu của làng bảo nó rằng vị thần trong đền sẽ giận nó nếu nó ăn xoài của thầy tu, nó bèn nhặt bức hình vị thần lên đem tới nhà thầy tu, yêu cầu thầy tu làm ông thần giận rồi thì nó sẽ vui lòng đánh nhau với thần. Vụ đó tai tiếng khủng khiếp, nhưng thầy tu ém nhẹm đi, và chồng Messua chi khá nhiều nén bạc để xoa dịu thần.

Mowgli cũng chẳng có chút ý niệm gì về sự khác biệt đẳng cấp giữa người với người. Khi con lừa của ông thợ gốm trượt xuống hố đất sét, Mowgli nắm đuôi lôi nó lên, rồi giúp chất nôi lên lại lưng lừa cho họ chở ra chợ Khanhiwara. Điều đó cũng gây sững sốt, vì ông thợ gốm thuộc đẳng cấp thấp, mà con lừa của ông còn thấp hơn. Khi thầy tu mắng nó, Mowgli dọa đặt ông lên con lừa luôn. Thầy tu liền bảo chồng Messua nên bắt Mowgli làm việc càng sớm càng tốt; và ông trưởng làng bảo Mowgli là hôm sau nó sẽ phải dắt đàn trâu ra chăn cho

chúng ăn cỏ.

Không ai thích như thế bằng Mowgli. Tối hôm ấy, vì nó đã được chỉ định làm kẻ giúp việc làng, nó thả bộ tới chỗ tụ họp mỗi đêm trên thềm gạch dưới cây sung lớn. Đó là hội làng, ông trưởng làng, ông tuần canh, ông thợ cắt tóc biết hết mọi chuyện ngồi lê đôi mách trong làng, và ông thợ săn già Buldeo của làng có khẩu súng trường Tower, họ gặp nhau hút thuốc. Bọn khỉ ngồi nói chuyện trên các cành cao, và dưới thềm có cái lỗ nơi có con rắn hổ mang sống, mỗi đêm người ta dâng cho nó một đĩa nhỏ đựng sữa vì nó linh thiêng. Các bô lão ngồi quanh cây sung tán gẫu, rít điệu cày *huqas* to ùng ùng đến tận khuya. Họ kể nhiều chuyện phi thường về thần thánh, loài người và ma quỷ. Buldeo kể còn ly kỳ hơn về thú rừng và cung cách của thú rừng, cho đến khi bọn trẻ con ngồi vòng ngoài trợn tròng mắt. Hầu hết các chuyện là về thú vật, vì rừng luôn ở cạnh cửa nhà họ. Nai và heo rừng bới hoa màu của họ, và thỉnh thoảng cộp bắt mất một người khi chạng vạng, đứng từ cổng làng có thể nhìn thấy được.

Mowgli dĩ nhiên biết một số chuyện họ đang nói. Nó phải che mặt để họ khỏi thấy nó đang cười, trong khi Buldeo gác khẩu súng trường Tower qua đầu gối, chuyển từ chuyện ly kỳ này qua chuyện ly kỳ khác, và vai Mowgli rung lên.

Buldeo giải thích con cộp đã bắt đứa con trai của Messua là cộp ma, và hồn ông già cho vay nặng lãi độc ác chết mấy năm trước đã nhập vào nó. Ông nói: “Tôi biết là thật, vì vào cái hồi người ta nổi loạn, sổ sách của Purun Dass bị đốt còn bản thân lão bị đánh què giò, và con cộp mà tôi nói ấy, nó cũng cà nhắc, vì dấu chân nó không đều.”

Các bộ râu bạc cùng gật gù: “Đúng, đúng, ắt là phải đúng.”

Mowgli nói: “Tất cả mấy chuyện này toàn là tào lao mạng nhện thôi chứ gì? Con cộp đó cà nhắc vì nó sinh ra đã què, điều này ai cũng biết. Nói hồn ông cho vay tiền nhập vào một con thú chưa bao giờ can đảm được như chó đồng là nói chuyện tào lao con nít.”

Buldeo ớ miệng vì ngạc nhiên một lúc, còn ông trưởng làng nhìn tròng tròng.

Buldeo nói: “Ô hô! Thằng nhỏ rừng rú đó phải không? Nếu may mắn như vậy thì đem bộ da của nó tới Khanhiwara, vì chính phủ đã treo giải một trăm *rupee* cho mạng của nó. Tốt hơn là đừng bép xép khi người lớn nói.”

Mowgli đứng lên bỏ đi. Nó nói với lại: “Suốt buổi tối tôi nằm đây nghe, ngoại trừ một đôi lần, Buldeo không nói một chữ nào đúng về khu rừng ngay cạnh cửa nhà ông ta. Vậy thì làm sao tôi có thể tin mấy chuyện ma quỷ thần thánh yêu tinh mà ông ta nói chính mắt ông ta thấy chứ?”

Trưởng làng nói: “Tới lúc cho thằng nhỏ đó đi chăn trâu suốt ngày rồi,” trong khi Buldeo phùng mang trợn mắt thở phì phì vì sự xấc láo của Mowgli.

Hầu hết các làng Ấn Độ có lệ cho vài đứa con trai đưa gia súc và trâu ra ăn cỏ lúc sáng sớm, rồi đến tối đem chúng về. Đàn gia súc này có thể đạp chết một ông da trắng, nhưng chúng lại chịu để cho bọn trẻ con cao chưa tới mũi chúng đánh đập, bắt nạt và thét lác. Chừng nào tụi con trai còn ở gần đàn thú thì bọn chúng còn an toàn, vì ngay cả cộp cũng sẽ không tấn công một bầy gia súc. Nhưng nếu chúng lang thang hái hoa hay bắt thằn lằn thì đôi khi chúng

bị vô mất.

Mowgli đi qua đường làng lúc bình minh, ngồi trên lưng Rama, con trâu đực lớn của đàn. Bầy trâu xanh như đá, sừng dài cong vút ra sau với cặp mắt hoang dã, lần lượt từng con ra khỏi chuồng rồi theo sau nó, và Mowgli cho bọn trẻ đi cùng hiểu rõ rằng nó là chúa tể. Nó đánh bầy trâu bằng cây tre dài bóng láng, rồi bảo Kamya, một thằng bé trong bọn, rằng chúng hãy tự cho gia súc ăn cỏ và cẩn thận đừng đi lang thang xa đàn, trong khi nó đi tiếp với bầy trâu.

Bãi chăn gia súc ở Ấn Độ đầy đá cùng bụi cây bụi cỏ giữa các khe núi nhỏ để đàn thú phân tán ra rồi mất hút. Bầy trâu thường bám lấy ao vũng và chỗ bùn lầy, nơi chúng đầm mình hay phơi nắng trong bùn ẩm hàng giờ. Mowgli lừa chúng tới bờ cánh đồng, chỗ sông Wainganga từ rừng chảy ra, rồi nó tuột khỏi cổ Rama mà chạy tới gặp Anh Xám ở lùm tre.

Anh Xám nói: “A, anh đợi ở đây nhiều ngày lắm rồi. Việc chăn gia súc này là nghĩa làm sao?”

Mowgli nói: “Họ lệnh cho em làm. Em làm đứa chăn gia súc của làng một thời gian. Có tin gì về Shere Khan không?”

“Nó đã về lại miền này, và đợi em ở đây từ lâu. Bây giờ nó lại bỏ đi, vì hiếm mồi. Nhưng nó định giết em.”

Mowgli nói: “Tốt lắm. Khi nào nó còn ở xa thì anh hay một trong bốn anh ngồi ở tảng đá đó, để em có thể thấy các anh khi em ra khỏi làng. Khi nó trở về thì đợi em trong hẻm núi bên cạnh cây *dhâk* ở giữa cánh đồng. Mình không cần bước vô miệng Shere Khan.”

Rồi Mowgli chọn một chỗ râm mát, nằm xuống ngủ trong khi đàn trâu ăn cỏ quanh nó. Chăn gia súc ở Ấn Độ là một việc lười biếng nhất trần gian. Đàn thú đi chuyển và nhai rau rầu, rồi nằm xuống, rồi lại đi chuyển, vậy mà chúng chẳng hề kêu rống. Chúng chỉ lau bầu, và bầy trâu rất ít khi nói năng gì, từng con một xuống vũng bùn, rồi chui vào bùn, đến khi chỉ còn mũi và cặp mắt xanh chằm trũng trũng của chúng là ở trên mặt nước, khi ấy chúng nằm như khúc gỗ. Mặt trời làm đá nhảy múa trong hơi nóng, và bọn trẻ mục đồng nghe tiếng một con diều (không bao giờ nhiều hơn) kêu trên đầu hầu như xa ngoài tầm mắt. Chúng biết là nếu chúng chết hay một con trâu chết thì con diều đó sẽ sà xuống, và con diều khác cách xa hàng dặm thấy nó sà xuống thì sẽ theo sau, rồi một con khác, một con khác nữa, và hầu như trước khi chúng chết thì hẳn đã có rất nhiều con diều đói không biết từ đâu bay tới. Rồi chúng ngủ rồi thức rồi lại ngủ, rồi đan mấy cái rổ nhỏ bằng cỏ khô để đựng châu chấu, hay bắt hai con bọ ngựa cho đá nhau, hay xâu một tràng dây đeo cổ bằng hạt rừng màu đỏ và đen, hay xem thần lẫn phơi nắng trên tảng đá, hay con rắn săn ếch gần bãi trâu đầm. Rồi chúng hát những bài ca rất dài với những tiếng láy bản địa lạ kỳ ở cuối bài, và ngày dường như dài hơn cả đời người. Rồi có khi chúng xây một lâu đài bùn với hình người, ngựa và trâu nặng bằng bùn, gắn cỏ sậy vào tay của hình người, giả vờ rằng chúng là vua còn hình người là quân sĩ của chúng, hay chúng là thần thánh được tôn sùng. Khi chiều xuống, bọn trẻ gọi, đàn trâu ịch ịch ra khỏi bùn dính, ồn ào như súng nổ từng tiếng một, rồi cả đàn đi thành một xâu qua cánh đồng xám về lại những ngọn đèn lấp lánh trong làng.

Ngày qua ngày, Mowgli dắt đàn trâu ra bãi đầm, và ngày qua ngày nó thấy lưng Anh Xám cách đó một dặm rưỡi bên kia cánh đồng (vì thế nó biết Shere Khan chưa về), và ngày qua ngày nó nằm trên cỏ lắng nghe tiếng động xung quanh, và mơ tới thuở xưa trong rừng. Nếu Shere Khan bước hụt cái cẳng thọt của nó trong khu rừng gần sông Wainganga, Mowgli sẽ nghe thấy trong những buổi sáng yên tĩnh dài lê thê ấy.

Cuối cùng một hôm nó không thấy Anh Xám ở chỗ đã dặn trước. Nó liền cười và dẫn đầu đàn trâu đến hẻm núi cạnh cây *dhak* nở kín hoa đỏ rực. Anh Xám ngồi đó, tất cả lông trên lưng anh dựng đứng.

Anh vừa nói vừa hớn hên: “Nó đã núp suốt một tháng để em không đề phòng. Tối hôm qua nó với Tabaqui băng qua dãy đồi, theo sát dấu em.”

Mowgli nhú mào: “Em không sợ Shere Khan, nhưng Tabaqui tinh ranh lắm.”

Anh Xám nói, hơi liếm môi: “Đừng sợ. Sáng tinh mơ hôm nay anh đã gặp Tabaqui. Bây giờ nó đang kể hết cái trò khôn ranh của nó với điều, nhưng nó đã kể mọi việc cho *anh* trước khi anh cắn gậy lưng nó. Mưu của Shere Khan là đợi em ở cổng làng tối nay, chỉ em thôi chứ không ai khác. Bây giờ nó đang nằm kênh trong hẻm lớn khô cạn bên sông Wainganga.”

Mowgli hỏi: “Hôm nay nó ăn chưa, hay nó săn hụt?” vì câu trả lời có ý nghĩa sinh tử với nó.

“Tinh mơ sáng nay nó đã ăn một con heo và nó cũng đã uống nước. Nhớ là Shere Khan không bao giờ nhịn đói, dù là nhịn đói để trả thù.”

“Ồ! Đồ ngu, đồ ngu! Đồ con nít con nôi! Ăn rồi lại uống, rồi thì nó nghĩ em sẽ đợi tới khi nó ngủ xong! Nào, nó nằm kênh ở đâu? Nếu có mười đứa mình thì mình có thể ghì nó xuống trong lúc nó nằm. Máy con trâu này sẽ không tấn công trừ phi chúng đánh hơi thấy nó, mà em thì không biết nói tiếng của chúng. Mình có thể theo dấu nó để chúng đánh hơi ra nó không?”

Anh Xám nói: “Nó bơi xuống sông Wainganga để cho mất mùi.”

“Tabaqui chỉ cho nó, em biết. Tự nó chẳng bao giờ nghĩ ra được đâu.” Mowgli đứng đưa ngón tay lên miệng, suy nghĩ. “Hẻm lớn trên sông Wainganga. Chỗ đó mở ra cánh đồng cách đây chưa đầy nửa dặm. Em có thể đưa đàn gia súc vòng qua rừng tới đầu hẻm rồi lao xuống, nhưng nó sẽ lên ra ở cuối hẻm núi. Mình phải chặn đầu đó lại. Anh Xám nè, anh có thể cắt đàn gia súc ra làm đôi cho em không?”

“Anh thì e là không, nhưng anh có đem theo một phụ tá tài giỏi.” Anh Xám chạy đi rồi nhảy xuống một cái hố. Từ trong đó liền trồi lên một cái đầu xám khổng lồ mà Mowgli biết rõ, rồi bầu khí nóng tràn ngập tiếng rống cô độc nhất của rừng - tiếng rống săn của một con sói giữa ban ngày.

Mowgli vừa nói vừa vỗ tay: “Akela! Akela! Đáng lẽ con phải biết ông sẽ không quên con. Mình có nhiều việc phải làm. Cắt đàn gia súc làm đôi, Akela. Giữ trâu cái và ghé với nhau, trâu đực và trâu cày với nhau.”

Hai con sói chạy nối đuôi nhau xuyên qua đàn gia súc lúc này đã khịt khịt hất đầu, và tách chúng thành hai cụm. Một cụm gồm trâu cái đứng bao quanh bọn ghé con, vừa nhìn trừng

trừng vừa gõ móng, sẵn sàng tấn công và đập chết sói ngay tức thì nếu sói đứng yên. Cụm kia gồm trâu đực và các con đực còn trẻ vừa khụt khịt vừa giậm chân, nhưng tuy có vẻ oai vệ hơn chúng lại ít nguy hiểm hơn, vì chúng không phải bảo vệ con nghé nào. Sáu người lớn cũng không thể tách đàn gia súc được gọn gàng như vậy.

Akela hớn hân: “Khá lắm! Chúng đang cố nhập lại kia.”

Mowgli trườn lên lưng Rama. “Lùa trâu đực qua phía trái, Akela. Anh Xám, khi bọn em đi rồi, anh giữ trâu cái lại, rồi lùa chúng vào cuối hẻm núi.”

Anh Xám hỏi: “Bao xa?” vừa hớn hân vừa đáp.

Mowgli nói lớn: “Tới khi hai bên sườn núi cao hơn sức Shere Khan có thể nhảy qua. Giữ chúng ở đó đến khi bọn em tràn xuống.”

Akela tru lên thể là đàn trâu đực băng băng đi, còn Anh Xám ngừng trước đàn trâu cái. Chúng xông tới tấn công anh, anh liền chạy ngay sát trước mặt chúng đến cuối hẻm núi, trong khi Akela dồn đàn trâu đực xa ra về phía trái.

Mowgli gọi: “Tốt lắm! Tấn công thêm lần nữa là chúng khởi hành tốt rồi. Cẩn thận, cẩn thận, Akela. Cẩn quá thì trâu đực sẽ tấn công. *Hujah!* Việc này dữ dội hơn lùa nai đen. Akela có nghĩ mấy con thú này có thể đi nhanh như vậy không?”

Akela hớn hân trong đám bụi: “Ta đã... cũng đã săn mấy con này. Ta nên lùa chúng vào rừng chứ?”

“*Aye!* Lùa. Lùa nhanh! Rama nổi cơn thịnh nộ rồi. Ồ, phải chi con có thể bảo cho nó biết hôm nay con cần nó làm gì.”

Đàn trâu đực lần này bị dồn về phía phải, đâm sầm vào bụi cây. Mấy đũa mục đồng đang chặn gia súc cách đó nửa dặm vội vã nhanh chân về làng, hét rằng đàn trâu đã nổi điên bỏ chạy.

Nhưng kế hoạch của Mowgli khá đơn giản. Nó chỉ muốn đi một vòng lớn lên đồi để tới đầu hẻm núi, rồi từ đó lùa bầy trâu đực tràn xuống chặn Shere Khan giữa bầy đực và bầy cái, vì nó biết rằng sau khi ăn uống đầy bụng Shere Khan sẽ không có sức đánh nhau hay leo lên sườn hẻm núi. Lúc này nó dùng giọng xoa dịu đàn trâu, và Akela lùi xa phía sau, chỉ ăng ăng một hai lần để thúc giục những con đi chặn hậu. Vòng đi dài, thật dài, vì họ không muốn đến quá gần hẻm núi khiến Shere Khan cảnh giác. Cuối cùng Mowgli quây đàn trâu ngơ ngác ở đầu hẻm núi, trên bãi cỏ dốc cheo leo xuống đúng lòng khe. Từ điểm cao đó có thể nhìn qua ngọn cây mà thấy rõ cánh đồng bên dưới. Nhưng Mowgli chỉ nhìn hai bên vách hẻm núi, và nó rất hài lòng thấy vách núi gần như dốc đứng, trong khi cây leo lơ lửng trên đó không có chỗ bám nào cho con cạp thoát ra.

Nó giơ tay lên nói: “Đề chúng thử, Akela. Chúng chưa đánh hơi thấy nó. Đề chúng thử. Con phải cho Shere Khan biết ai tới. Mình bầy được nó rồi.”

Nó đưa tay lên miệng gọi xuống hẻm núi - gần giống như hét xuống đường hầm - và tiếng vang dội qua hai bên vách đá.

Một lúc lâu sau vọng lại tiếng gầm gừ lè nhè ngái ngủ của một con cọp no nê vừa mới tỉnh giấc.

Shere Khan hỏi: “Ai gọi đó?” và một con công lộng lẫy kêu thất thanh vỗ cánh bay lên khỏi hẻm núi.

“Ta, Mowgli đây. Hỡi tên trộm gia súc, đã tới lúc đến Đá Hội đồng! Xuống, lũa chúng xuống nhanh, Akela! Xuống, Rama, xuống!”

Đàn thú hơi do dự ở mép bờ dốc, nhưng Akela tru một tiếng sấm trầm vang, thế là chúng chen nhau trời lên hụp xuống như những chiếc tàu hơi nước vượt qua ghềnh thác, cát đá văng tung tóe mọi phía. Một khi đã lao đi thì không có cách nào ngưng lại. Và trước khi chúng tới lòng hẻm núi, Rama đã đánh hơi thấy Shere Khan liền rống lên.

Mowgli ngồi trên lưng trâu mà reo: “Ha! Ha! Giờ mày biết rồi nhé!” và rồi dòn dập dòng sừng đen, mũi sủi bọt, mắt trợn trừng cuộn cuộn tuôn vào đầu hẻm núi như đá tảng đổ xuống trong trận lụt. Mấy con trâu yếu bị lấn ra hai vách hẻm núi, đâm bổ qua đám cây bò sát đất. Chúng biết việc gì đang diễn ra trước mắt chúng - cuộc tấn công khủng khiếp của đàn trâu mà không con cọp nào có cơ chống đỡ. Shere Khan nghe tiếng móng trâu như sấm rền liền đứng lên, vừa ịch xuống cuối hẻm núi vừa nhìn hai bên vách tìm lối thoát, nhưng vách hẻm núi dốc đứng nên nó phải đi tiếp, nặng nề vì ăn uống no kênh bụng, nó ước ao làm gì cũng được trừ giao chiến. Đàn thú chạy tung tóe qua vũng nước con cọp vừa bỏ đi, chúng rống lên tới khi khe núi ầm vang. Mowgli nghe tiếng trâu rống đáp lại từ cuối hẻm núi, và thấy Shere Khan quay lại (con cọp biết trong trường hợp xấu nhất thì nên đổi đầu với bọn trâu đực hơn là đàn trâu cái và nghé). Rồi Rama trượt chân, lao đảo, rồi lại tiếp tục chạy, đập lên một vật mềm, đàn trâu đực theo sát gót, đâm sầm vào đàn kia, trong khi những con trâu yếu bị hất ngã chổng vó vì hai đàn đụng nhau mạnh kinh hồn. Cuộc đụng độ ấy đưa cả hai đàn ra ngoài cánh đồng, vừa húc vừa đập vừa khịt mũi. Mowgli đợi cho hai bên vừa ngớt thì liền trườn khỏi cỏ Rama, dùng gậy đánh tứ phía.

“Nhanh, Akela! Tách chúng ra. Phân tán chúng, nếu không chúng sẽ đánh lẫn nhau. Lũa chúng đi, Akela. Hai, Rama! Hai, hai, hai! Các con. Từ tốn nào, từ tốn! Xong hết rồi.”

Akela và Anh Xám chạy ngược xuôi đớp chân trâu, và tuy bày thú một lần nữa vòng lại để xông lên hẻm núi nhưng Mowgli đã bảo được Rama quay lại, và những con khác theo nó đến bãi đầm.

Shere Khan không cần bị đập thêm nữa. Nó đã chết, và đàn điều đã đến tìm nó.

Mowgli nói: “Các anh, đây là cái chết của một con chó,” nó sờ tay tìm con dao giắt trong vỏ mà nó luôn đeo quanh cổ từ khi sống với loài người. “Nhưng nó sẽ không bao giờ còn gây sự nữa. *U-a-la!* Bộ da nó trải trên Đá Hội đồng sẽ đẹp đây. Mình phải làm cho nhanh.”

Một đứa bé được người huấn luyện sẽ không bao giờ mơ tự mình lột da con cọp dài ba mét, nhưng Mowgli biết rõ hơn ai rằng bộ da thú vừa vằn ra sao, và lột nó ra cách nào. Nhưng công việc này nặng nhọc, Mowgli rạch, xé, hì hục suốt một giờ, trong khi hai con sói lè lưỡi, hoặc chạy tới kéo khi nó nhờ họ giúp. Chẳng bao lâu sau một bàn tay đặt lên vai nó, nó nhìn lên thấy Buldeo với khẩu súng trường Tower. Bọn trẻ đã kể cho làng về vụ đàn trâu

chạy tán loạn, và Buldeo nổi giận đi ra, nôn nóng mắng Mowgli vì tội không chặn đàn thú cho tử tế. Hai sói đã lên đi khuất mắt ngay khi thấy người tiến đến.

Buldeo giận dữ nói: “Trò điên gì đây? Mày nghĩ mày lột da cạp được hả! Đàn trâu giết nó ở đâu? Đây đúng là Cạp Què, người ta treo giá nó một trăm *rupee*. Ôi dào, ôi dào, tao sẽ bỏ qua vụ mày để đàn thú bỏ chạy, và có lẽ tao sẽ thưởng cho mày một *rupee* sau khi tao đem bộ da tới Khanhiwara.” Ông ta lục trong dây lưng tìm đá lửa rồi cúi xuống đốt rìa Shere Khan. Hầu hết thợ săn bản xứ đều đốt rìa cạp để hồn nó khỏi ám ảnh họ.

Mowgli lẩm bẩm nói trong khi lột ngược da bàn chân trước: “Hừm! Vậy là ông đem bộ da tới Khanhiwara để lấy thưởng, rồi có lẽ cho tôi một *rupee*? Tôi thì có ý là tôi cần bộ da để xài riêng. Ê! Ông già, tắt lửa đi coi!”

“Nói năng kiêu đó với thợ săn chính của làng hay sao hả? Mày giết được con này là nhờ vận may của mày và nhờ bầy trâu ngu dốt. Con cạp mới ăn xong, nếu không thì lúc này nó đã ở cách đây hai chục dặm. Thậm chí mày không biết lột da nó đúng cách, thằng nhóc ăn xin kia. Nó còn lại bảo lão Buldeo này là không được đốt rìa cạp nữa chứ, đúng ghê ta. Nè Mowgli, tao sẽ không cho mày một *anna*⁽¹⁾ tiền thưởng, mà cho mày một trận nhừ tử. Buông cái xác ra!”

Mowgli vừa nói vừa lúi húi chỗ vai cạp: “Thề trên con bò đực chuộc mạng ta, ta có phải cãi nhai với con khỉ già này suốt buổi trưa không? Đây, Akela, người này quấy rầy con đây.”

Đang lom khom trên đầu Shere Khan, Buldeo bỗng thấy mình ngã sòng soài trên cỏ, một con sói xám đạp lên hắn, trong khi Mowgli tiếp tục lột da như thể chỉ có một mình nó trên cả nước Ấn Độ.

Nó nghiêng răng nói: “U-ừ. Ông hoàn toàn đúng, Buldeo. Ông sẽ không bao giờ cho tôi một *anna* tiền thưởng. Giữa con cạp què này với tôi có một mối xung đột từ lâu - một mối xung đột từ rất lâu, và... tôi đã thắng.”

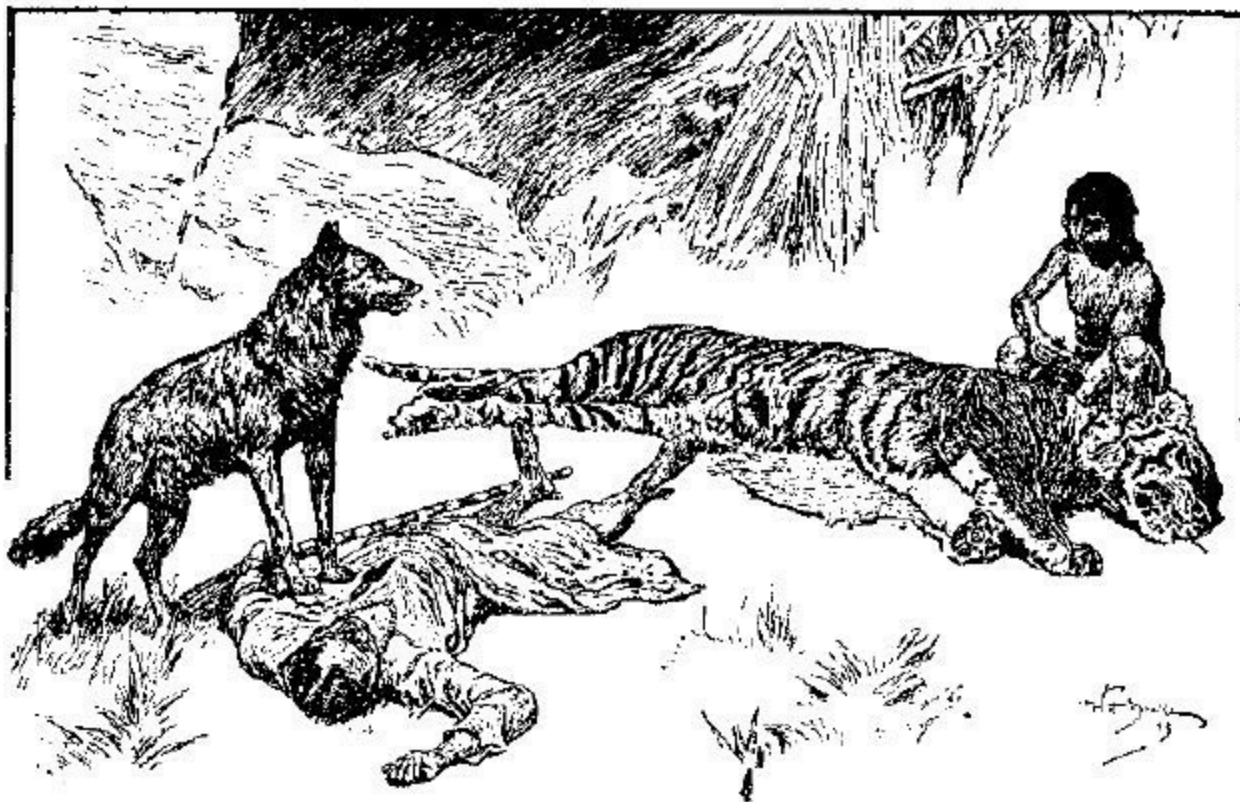
Nói cho công bằng với Buldeo, nếu trẻ hơn mười tuổi thì ông ta đã liều mạng với Akela nếu ông ta gặp con sói trong rừng, nhưng một con sói tuân lệnh thằng bé này, một đứa có mối thù riêng với loài cạp ăn thịt người, thì không phải con sói thường. Buldeo nghĩ đó là ma thuật, loại bùa chú ghê gớm nhất, và ông tự hỏi liệu lá bùa hộ mạng đeo ở cổ ông có bảo vệ nổi ông không. Ông nằm yên thật yên, đợi thấy Mowgli cũng biến thành cạp bất cứ lúc nào.

Cuối cùng ông thì thào khàn khàn: “Maharaj! Đại Vương.”

“Ừ,” Mowgli nói mà không quay đầu, khúc khích cười thầm.

“Tôi già rồi. Tôi đâu có biết ngài không phải là đứa chặn trâu. Tôi xin phép đứng lên đi có được không, nếu không kẻ hầu cận của ngài sẽ xé tôi thành nhiều mảnh mất?”

“Đi đi, chúc ông bình an. Nhưng lần khác đừng xía vô con mồi của tôi. Để ông ta đi, Akela.”



Buldeo nằm yên, đợi thấy Mowgli cũng biến thành cọp bất cứ lúc nào.

Buldeo khập khiễng về làng nhanh hết sức, vừa đi vừa ngoái nhìn xem nhờ Mowgli biến thành một thứ gì khủng khiếp. Khi về tới làng, ông ta kể câu chuyện thần thông, bùa chú và phù thủy khiến ông thầy tu coi bộ rất nghiêm trọng.

Mowgli làm tiếp việc của mình, nhưng trời gần chạng vạng thì nó và hai sói mới lột xong bộ da lớn sặc sỡ.

“Bây giờ mình phải giấu cái này và đưa đàn trâu về nhà! Giúp con dồn chúng lại, Akela.”

Đàn thú quây lại trong sương mù nhá nhem. Khi chúng về gần làng, Mowgli thấy ánh lửa, nghe tiếng tù và thổi, chuông trong đền gõ và khua âm ỉ. Có đến một nửa làng hình như đang đợi nó bên cổng. Nó tự nhủ: “Vì mình đã giết Shere Khan.” Nhưng rồi một loạt đá bay vút bên tai nó, và dân làng la hét: “Phù thủy! Con của sói! Quỷ rừng! Cút đi! Cút ngay đi, nếu không thầy tu sẽ biến mày thành sói trở lại. Bắt, Buldeo, bắt!”

Khẩu Tower cũ nổ vang, và một con nghé rống lên đau đớn.

Dân làng la hét: “Lại phép phù thủy! Nó có thể làm viên đạn đổi hướng. Buldeo ơi, trúng con trâu của ông rồi.”

Mowgli ngơ ngác nói: “Chuyện gì thế này?” trong khi đá ném ra mỗi lúc một dày.

Akela điềm tĩnh ngồi xuống nói: “Bọn anh em này của con chẳng khác gì Bầy. Ta nghĩ họ hẳn có nghĩa là họ đuổi con.”

Thầy tu vừa hét vừa vẫy một nhánh húng *tulsi* linh thiêng: “Sói! Con của sói! Cút đi!”

“Lại đuổi nữa à? Lần trước vì con là người. Lần này vì con là sói. Mình đi thôi, Akela.”

Một bà - bà Messua - chạy băng qua đàn gia súc, bà khóc: “Ô, con của mẹ, con của mẹ! Họ nói con là phù thủy có thể biến thành thú nếu muốn. Mẹ không tin, nhưng đi đi nếu không họ sẽ giết con. Buldeo nói con là yêu quái, nhưng mẹ biết con đã trả thù cho cái chết của Nathoo.”

Đám đông la hét: “Quay lại, Messua! Quay lại, nếu không chúng tôi sẽ ném đá bà.”

Mowgli cười khẩy một tiếng bức bối vì một viên đá ném trúng miệng nó. “Chạy về đi, Messua. Đây là một trong mấy chuyện ngu ngốc người ta hay kể dưới cây cổ thụ lúc hoàng hôn. Ít nhất con đã trả thù cho mạng sống con trai mẹ. Tạm biệt, chạy nhanh đi, vì con sẽ lừa đàn gia súc vào nhanh hơn mấy cục gạch của họ. Con không phải yêu quái đâu, Messua. Tạm biệt!”

Nó gọi: “Nào, một lần nữa, Akela. Lừa đàn gia súc vào.”

Đàn trâu nồn nóng vào làng lăm ròi. Chúng khởi cơn tiếng tru của Akela, mà lao qua cổng như cơn lốc làm đám đông chạy tứ tán.

Mowgli khinh bỉ gọi: “Đém đi! Có thể tôi đã lấy mất một con. Đém đi, vì tôi sẽ không chăn gia súc của các người nữa. Chúc sức khỏe, hỡi con cái của loài người, và hãy cảm ơn Messua rằng tôi không cùng các sói của tôi vào săn các người khắp đầu đường cuối ngõ làng của các người.”

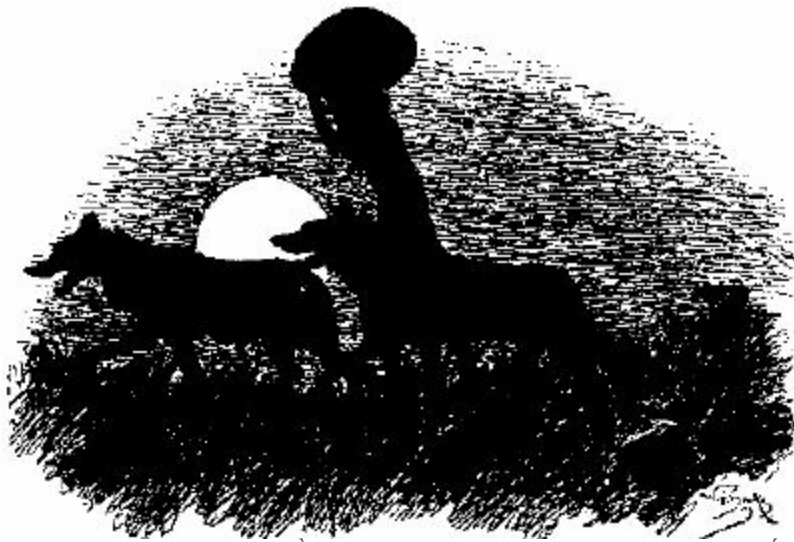
Nó quay gót đi cùng với Sói Cô Độc, và khi nhìn lên các chòm sao nó cảm thấy hạnh phúc. “Con không còn ngủ trong bầy nữa, Akela. Mình lấy bộ da Shere Khan rồi đi. Không, mình sẽ không làm hại làng, vì Messua tử tế với con.”

Trăng lên làm cả cánh đồng đục như sữa, dân làng kinh sợ thấy Mowgli đội một bó trên đầu với hai con sói theo sát gót, chạy cùng nhịp với bước chạy đều của sói, nuốt dặm đường dài nhanh như lửa. Thế là họ gõ chuông đền thờ và thổi tù và lớn hơn bao giờ hết. Messua khóc, và Buldeo thêu dệt chuyện phiêu lưu của hắn trong rừng, cho đến khi chấm dứt bằng câu Akela đứng dậy trên hai chân sau và nói như người.

Trăng vừa mới lặn khi Mowgli cùng hai sói về đến ngọn đồi có Đá Hội đồng, và họ ngừng lại ở hang của Sói Mẹ.

Mowgli gọi: “Họ đã đuổi con khỏi bầy người, thưa Mẹ, nhưng con về với bộ da của Shere Khan để giữ lời hứa.”

Sói Mẹ khó nhọc bước ra khỏi hang với các sói con theo sau, mắt bà lấp lánh khi thấy bộ da.



Trăng lên làm cả cánh đồng đục như sữa, dân làng kinh sợ thấy Mowgli đội một bó trên đầu với hai con sói theo sát gót.

“Hôm ấy ta đã bảo hăn, khi hăn chui đầu và vai vào hang này để săn mạng sống của con, Êch Nhỏ à, ta đã bảo hăn rằng kẻ săn sẽ là kẻ bị săn. Giỏi lắm.”

Một giọng trầm trong bụi cây: “Em Nhỏ à, giỏi lắm. Không có con, chúng ta cô đơn trong Rừng,” và Bagheera chạy tới chỗ đôi chân trần của Mowgli. Họ cùng leo lên Đá Hội đồng, Mowgli trải bộ da lên phiến đá phẳng nơi Akela thường ngồi, rồi dần tấm da xuống bằng bốn khúc tre. Akela nằm lên bộ da, và gọi Hội đồng bằng tiếng tru ngày xưa: “Hãy nhìn, hãy nhìn kỹ, hỡi các sói,” đúng y như ông đã gọi khi Mowgli được mang tới đó lần đầu.

Từ khi Akela bị truất phế, Bầy không có kẻ dẫn dắt, chúng săn và đánh nhau tùy thích. Nhưng chúng đáp lại tiếng tru theo thói quen. Một só bị què vì rơi vào bẫy, một só khập khiễng vì đạn bắn, một só ghẻ lở vì ăn thức ăn độc hại, và nhiều con vắng mặt. Nhưng tất cả những con còn lại đều tới Đá Hội đồng, và thấy tấm da vằn của Shere Khan trên phiến đá, bộ móng không lồ lủng lẳng ở cuối bốn bàn chân lủng lẳng rỗng không. Chính khi ấy Mowgli hát một bài ca không vần điệu tự đến trong cuống họng nó. Nó reo hò, nhảy nhót sột soạt trên tấm da và gõ nhịp bằng gót chân đến khi nó hết cả hơi, trong khi Anh Xám và Akela tru lên giữa các câu ca.

Khi hát xong, Mowgli nói: “Hãy nhìn kỹ, hỡi các sói. Ta đã giữ lời phải không?” Và các sói hú lên: “Phải.”

Một con sói tả tơi cất tiếng tru: “Hãy dẫn dắt chúng tôi lần nữa, hỡi Akela. Dẫn dắt chúng tôi lần nữa, hỡi người-sói, vì chúng tôi chán cảnh vô luật lệ này rồi, và chúng ta sẽ lại là Bầy Tự do.”

Bagheera gừ gừ: “Không, không thể được. Khi các người ăn no thì chúng điên lại có thể nhập vào các người. Không phải bỗng dưng các người được gọi là Bầy Tự do. Các người tranh đấu đòi tự do, và các người có tự do. Nuốt nó đi, hỡi các sói.”

Mowgli nói: “Bầy người và Bầy sói đã đuổi tôi đi. Bây giờ tôi sẽ săn một mình trong rừng.”

Bốn sói anh nói: “Và các anh sẽ săn với em.”

Vì thế từ đây về sau Mowgli bỏ đi và săn với bốn sói trong rừng. Nhưng không phải lúc nào nó cũng cô đơn, vì nhiều năm sau nó trở thành người và lập gia đình.

Nhưng đó là câu chuyện cho người lớn.

Bài hát của Mowgli

MOWGI HÁT Ở ĐÁ HỘI ĐỒNG KHI NÓ NHẢY MÚA TRÊN BỘ DA CỦA SHERE KHAN.

Bài hát của Mowgli - ta, Mowgli, đang hát. Để rừng lắng nghe những điều ta đã làm.

Shere Khan nói nó sẽ giết - sẽ giết! Ở cổng làng lúc nhá nhem hắc sẽ giết Éch Mowgli!

Hắc ăn rồi hắc uống. Hãy uống cho no, Shere Khan, vì khi nào ngươi sẽ uống nữa? Hãy ngủ và hãy mơ tới con mồi.

Ta một mình trên bãi cỏ chẵn. Anh Xám, hãy đến với ta! Hãy đến với ta, Sói Cô Độc! Vì có con mồi lớn ở gần!

Hãy dồn đàn trâu đực lớn, đàn trâu đực da xanh, mắt bùng giận. Hãy lừa chúng tiến lui theo lệnh ta. Shere Khan, ngươi còn ngủ đấy ư? Thức dậy, ồ thức dậy! Ta tới đây, với đàn trâu đực theo sau.

Rama, trâu đầu đàn, giẫm móng. Hỡi nước sông Wainganga, Shere Khan còn đi đâu?

Hắc không là Nhím Sahi để đào lỗ, không là Công Mor để bay. Hắc không là Dơi Mang để lơ lửng trên cành. Hỡi tre non kẻo kẹt, hãy nói cho ta, hắc chạy đâu?

Ô! Hắc kia. *Ahu!* Hắc kia. Cọp Què dưới chân Rama! Đứng lên, Shere Khan! Hãy đứng lên sẵn! Thịt đây, hãy bẻ cổ đàn trâu đực!

Suyt! Hắc đang ngủ. Chúng ta sẽ không đánh thức hắc, vì hắc rất mạnh. Đàn diều đã lượn xuống xem. Kiến đen đã bò lên thấy. Đây, buổi đại hội vinh danh hắc.

Alala! Ta không có tám vãi quần mình. Đàn diều sẽ thấy ta trần trụi. Ta ngượng ngùng gập các loài này.

Hãy cho ta mượn bộ áo ngoài của ngươi, hỡi Shere Khan. Cho ta mượn bộ áo vằn sặc sỡ để ta tới Đá Hội đồng.

Thề trên con bò đực chuộc mạng ta, ta đã hứa - một lời hứa nhỏ. Chỉ còn thiếu bộ áo ngoài của ngươi để ta giữ lời.

Với con dao, với con dao loài người dùng, với con dao của thợ săn, ta sẽ cúi xuống nhận món quà.

Hỡi nước sông Wainganga, hãy làm chứng Shere Khan cho ta bộ áo ngoài của hắc, vì tình yêu hắc đã có với ta. Kéo, Anh Xám! Kéo, Akela! Tám da của Shere Khan nặng. Tám da của Shere Khan nặng.

Bầy Người giận dữ. Họ ném đá và nói lời con nít. Miệng ta chảy máu. Hãy để ta bỏ đi.

Suốt đêm, suốt đêm nóng, các anh hãy chạy nhanh với em. Chúng ta sẽ rời bỏ ngọn lửa trong làng về với trăng thấp.

Hỡi nước sông Wainganga, Bầy Người đã xua đuổi ta. Ta không làm gì hại họ, nhưng họ

sợ ta. Tại sao?

Hỡi Bầy Sói, các ngươi cũng đã xua đuổi ta. Rừng đóng lại với ta, và cổng làng cũng đóng. Tại sao?

Dơi Mang bay giữa chim muông, ta cũng bay giữa làng và rừng. Tại sao?

Ta nhảy múa trên bộ da Shere Khan, nhưng tim ta nặng trĩu. Miệng ta rách và bị thương vì đá của làng, nhưng tim ta rất nhẹ, vì ta đã trở về Rừng. Tại sao?

Hai điều này xung đột trong ta như rắn đánh nhau trong suối. Nước mắt ta chảy, nhưng ta cười khi nước mắt rơi. Tại sao?

Ta là hai Mowgli, nhưng bộ da Shere Khan dưới chân ta.

Cả rừng biết ta đã giết Shere Khan. Nhìn, nhìn kỹ, hỡi các sói!

Ahae! Tim ta nặng trĩu bởi những điều ta không hiểu.

Con hải cầu trắng

Ồ! Ngủ yên, con cưng, đêm lắng im,
Biển đen sâu lấp lánh xanh biết bao.
Kìa sóng lớn cuộn cuộn, trắng xuống tìm
Chúng ta nghỉ trong vũng nước dạt dào.
Sóng gỏi sóng, kìa gỏi mềm của con,
Ồ, chân nhỏ mỗi, thanh thảo thu vào!
Bão tố không thức con, cá mập không bắt con,
Trong vòng tay biển cả, hãy ngủ giấc ru tròn!

Bài hát ru Hải cầu

Mọi việc sau đây xảy ra mấy năm trước ở một nơi gọi là Novastoshnah, hay Điểm Đông Bắc, trên đảo St. Paul, xa thật xa ngoài biển Bering⁽¹⁾. Chú chim đông tước Limmershin kể cho tôi chuyện này khi nó bị thổi tạt lên dàn cột buồm dây dợ của chiếc tàu hơi nước đang trên đường đi Nhật Bản. Tôi đưa nó xuống khoang của mình, sưởi ấm và cho nó ăn trong hai ngày cho đến khi nó đủ sức bay về lại St. Paul. Limmershin là con chim nhỏ rất lạ, nhưng nó biết cách kể sự thật.

Chẳng ai đến Novastoshnah nếu không phải vì công việc, và loài duy nhất đến đó vì công việc theo thông lệ là hải cầu. Vào những tháng hè họ kéo đến cả hàng trăm ngàn từ đại dương xám lạnh, vì bãi Novastoshnah có chỗ trú tốt nhất cho hải cầu so với mọi nơi trên khắp thế giới.

Sea Catch biết điều ấy, và mỗi mùa xuân ông đều bơi từ bất kỳ nơi nào ông đang ở - bơi như tàu bắn thủy lôi thẳng tới Novastoshnah, rồi đánh nhau suốt một tháng với đồng bạn để có một chỗ tốt trên bãi đá, càng gần biển càng tốt. Sea Catch mười lăm tuổi, là hải cầu lông xám to lớn, trên vai như có dải bờm dài, và bộ nanh chó dài dữ tợn. Khi ông đứng bồng lên trên hai chân trước, ông cao hơn một mét hai, và ông nặng (nếu có ai đủ can đảm cân ông) hơn ba trăm ký. Ông mang sẹo khắp mình vì xây xước trong những trận đánh dã man, nhưng ông lúc nào cũng sẵn sàng đánh thêm một trận nữa. Ông sẽ nghiêng đầu qua một bên, như thể sợ nhìn mặt địch thủ, rồi ông nhào đầu tới như chớp, và khi hàm răng lớn đã cắn chặt cổ con hải cầu kia rồi thì con kia chỉ muốn bỏ chạy nếu được, nhưng Sea Catch sẽ không giúp nó đâu. Tuy vậy Sea Catch không bao giờ đuổi theo con hải cầu bại trận, vì như vậy trái với Luật Bãi biển. Ông chỉ muốn có chỗ gần biển để nuôi con ông. Nhưng vì mỗi mùa xuân có bốn năm chục ngàn con hải cầu khác tìm cùng một thứ, cho nên tiếng rít, tiếng rống, tiếng gầm và tiếng đánh nhau trên bờ biển thật đáng sợ.

Từ ngọn đồi nhỏ là Đồi Hutchinson, bạn có thể nhìn xa ba dặm rưỡi trên khu đất đầy hải cầu đang đánh nhau, và lốm đốm trên ngọn sóng toàn là những đầu hải cầu đang vội vàng đồ

bộ để khởi sự chia phần xung đột. Chúng đánh nhau trên sóng vỗ bờ, chúng đánh nhau trên cát, chúng đánh nhau trên bãi đá bazan mòn lảng dùng làm chỗ nuôi con, vì chúng cũng ngốc và bướng như đàn ông. Vợ chúng chẳng bao giờ tới đảo trước cuối tháng Năm hay đầu tháng Sáu, vì họ không muốn bị xé thành nhiều mảnh. Còn đám hải cẩu hai, ba, bốn tuổi chưa bắt đầu lập gia đình sẽ vào sâu trong đất liền khoảng nửa dặm theo thứ bậc đấu đá, rồi chơi quanh quần trên cồn cát hàng đàn hàng lũ, xóa sạch mọi mảng xanh ở đó. Chúng là *holluschickie* - đám độc thân - và riêng ở Novastoshnah thôi chắc cũng đã có tới khoảng hai ba trăm ngàn đứa.

Mùa xuân năm nọ, khi Sea Catch vừa đánh xong trận thứ bốn mươi lăm thì Matkah, bà vợ dịu dàng, thon thả, có đôi mắt nhu mì từ biển đi lên, ông nắm gáy bà rồi ném bà xuống chỗ ông vừa giữ được, đoạn nói cộc lốc: “Lại trễ, lần nào cũng trễ. Bà vừa mới ở đâu về?”

Sea Catch có thói nhịn ăn suốt bốn tháng trên bãi, vì thế tính khí ông nói chung là tệ. Matkah biết tốt hơn đừng trả lời. Bà nhìn quanh rồi thủ thỉ: “Ông thật ý tứ. Ông lại giữ đúng y chỗ cũ.”

Sea Catch nói: “Tôi nghĩ nên như vậy. Coi tôi nè!”

Ông bị xước và chảy máu hai chục chỗ, một con mắt gần mù, và hai bên sườn ông rách te tua.

Matkah vừa nói vừa dùng bàn chân sau phe phẩy quạt: “Ôi chao, đàn ông, đàn ông đàn ang các ông! Tại sao các ông không biết điều mà dàn xếp chỗ cho êm thấm chớ? Ông nom cứ như đã đánh nhau với cá kình không bằng ấy.”

“Từ giữa tháng Năm tới giờ tôi *toàn* đánh nhau. Bãi biển mùa này đông phát bực lên. Tôi gặp ít nhất một trăm đứa hải cẩu từ bãi Lukannon qua tìm nhà. Tại sao thiên hạ không thể ở yên chỗ của họ chứ?”

Matkah nói: “Tôi thường nghĩ là mình sẽ hạnh phúc hơn nhiều nếu mình kéo nhau ra đảo Rái Cá thay vì chỗ đông đúc này.”

“Tào lao! Chỉ có tụi *holluschickie* mới tới đảo Rái Cá. Nếu mình qua đó, họ sẽ nói mình sợ. Mình phải giữ thể diện, bà ơi.”

Sea Catch kiêu hãnh thụt đầu vào hai bờ vai núc ních giả vờ ngủ vài phút, nhưng lúc nào con mắt sắc bén của ông cũng chờ một trận đánh nhau. Bây giờ tất cả hải cẩu cùng với vợ đã lên đất liền, bạn có thể nghe tiếng ầm ĩ của họ xa hàng dặm ngoài biển ắt cả cơn bão ồn nhất. Ước tính ít nhất có trên một triệu hải cẩu trên bờ biển - hải cẩu già, hải cẩu mẹ, hải cẩu tí ti, và đám *holluschickie*, ẩu đả, xô đẩy, oác oác, lê lét, chơi đùa - xuống biển rồi lên bờ hàng tốp hàng đoàn, nằm kín trên từng tấc đất xa tít tầm mắt, tụ thành từng đám mà gây gổ trong sương mù. Novastoshnah hầu như luôn luôn mờ sương, trừ lúc mặt trời lên làm vạn vật trông như ngọc trai và có màu ngũ sắc cầu vồng trong chốc lát.

Kotick, con của Matkah, sinh ra giữa sự hỗn loạn ấy. Nó khỏe mạnh từ đầu đến đuôi, mắt nhạt màu nước xanh, như mọi con hải cẩu tí hon, nhưng bộ vỏ của nó có gì đó làm mẹ nó nhìn nó rất kỹ.

Cuối cùng bà nói: “Sea Catch nè, con mình sẽ màu trắng!”

Sea Catch khịt mũi: “Vớ vẩn như sò rỗng ruột, dầm dờ như rong khô! Trần gian không hề có thứ gì là hải cẩu trắng.”

Matkah nói: “Tôi đâu có làm gì được, bây giờ sẽ có.” Rồi bà ngân nga nho nhỏ bài hát ru hải cẩu mà mọi bà mẹ hải cẩu đều hát cho con mình:

Con đừng bơi chừng nào chưa đủ sáu tuần,
Kéo gót chân sẽ làm chìm đầu;
Bão biển mùa hè và cá kình
Không tốt cho bé hải cẩu đầu.
Không tốt cho bé hải cẩu đầu, chuột cung,
Không tốt, hết sức là không tốt;
Nhưng cứ tóe nước và lớn vững,
Thế rồi con sẽ hết chập chững,
Hồi bé con của biển tung bồng!

Dĩ nhiên cậu bé lúc đầu chẳng hiểu một chữ nào. Nó chập chững trườn quanh mẹ nó, và học cách chen lẩn tránh đường khi cha nó giao đấu với một con hải cẩu khác, rồi cả hai lẫn lộn gầm rống ngược xuôi trên bãi đá trơn. Matkah thường ra biển kiếm thức ăn, và hai ngày đứa bé mới được ăn một lần, nhưng hễ đã được ăn là nó chén phủ phê và lớn nhanh như thổi.

Việc đầu tiên nó làm là bò vào đất liền, ở đó nó gặp hàng chục ngàn đứa bé cùng tuổi nó, và chúng chơi với nhau như lũ cún, ngủ trên cát sạch, rồi lại chơi đùa. Cánh già ở chỗ nuôi trẻ chẳng chú ý đến chúng, cánh *holluschickie* thì ở lì tại bãi riêng của họ, vì thế bọn trẻ được chơi đùa thỏa thích.

Khi Matkah đi bắt cá biển sâu trở về, bà sẽ lại thẳng bãi chơi của chúng gọi như cừu mẹ gọi cừu con, rồi đợi đến khi bà nghe Kotick ăng ăng. Khi ấy bà sẽ đi một đường thẳng băng về hướng nó, lấy chân trước gạt làm cho bọn nhóc ngã chổng đầu chổng gót hai bên. Trên bãi chơi luôn có vài trăm bà mẹ tìm con, và bọn trẻ được nuôi vui vẻ khỏe mạnh. Nhưng như Matkah bảo Kotick: “Miễn là con đừng nằm trong nước bùn rồi bị ghẻ, hay cọ xát lên cát cứng tới khi bị trầy bị xước da, và miễn là con đừng bơi khi biển động, thì ở đây sẽ chẳng có cái gì làm hại con.”



Hải cẩu con bơi không hơn đũa con nít, nhưng chưa học bơi thì chúng chưa vui. Lần đầu tiên Kotick xuống biển, một ngọn sóng kéo nó ra xa lút đầu, cái đầu bự của nó chìm ngấm và hai chân sau nhỏ xíu vọt lên đúng như mẹ nó đã hát cho nó nghe, và nếu làn sóng kế tiếp không ném nó về bãi thì nó đã chết chìm rồi.

Sau lần đó, nó học cách nằm trong vũng nước trên bãi để sóng tràn vừa đủ ngập mình nó và nâng nó lên trong khi nó khóa nước, nhưng nó luôn để mắt trông chừng đợt sóng lớn có thể làm hại nó. Nó đang trong hai tuần học dùng chân chèo, và suốt thời gian ấy nó thì thụp dưới nước, cứ sặc sụa và khụt khịt hoài, rồi bò lên bãi chộp mắt một chút trên cát, rồi lại xuống, đến khi cuối cùng nó thấy đúng là nó thuộc về nước.

Khi ấy ta có thể tưởng tượng những lúc nó chơi với bạn bè, hụp xuống dưới những đợt sóng cồn, hay cưỡi ngọn sóng vỗ bờ rồi phì phò vung vẩy nước đổ bộ lên theo con sóng lớn cuốn sâu vào bãi, hay đứng thẳng trên đuôi mà gãi đầu như ông già, hay chơi trò “Ta là vua lâu đài” trên bãi đá rong tron trọt nhô ra chỗ cát bồi. thỉnh thoảng nó thấy cái vây mỏng, như vây cá mập lớn, trôi gần bờ, nó biết đó là Cá voi Sát thủ, con cá kinh rình bắt hải cẩu con để ăn thịt, thế là Kotick lao vào bờ như tên bắn, rồi cái vây kia sẽ lù đù lượn đi như thể nó đâu có tìm cái gì.

Cuối tháng Mười, hải cẩu bắt đầu rời St. Paul để ra biển sâu, theo từng gia đình và dòng họ, không còn đánh nhau để giành chỗ nuôi trẻ, và bọn *holluschickie* chơi bất kỳ nơi nào chúng thích. Matkah dặn Kotick: “Sang năm con sẽ là *holluschickie*, nhưng năm nay con phải học cách bắt cá.”

Họ cùng khởi hành trên băng qua Thái Bình Dương, và Matkah dạy Kotick cách ngửa nằm ngửa, chân áp sát bên hông và cái mũi nhỏ của nó vừa đủ nhô trên mặt nước. Không chiếc nô nào thoải mái bằng làn sóng dài bập bênh trên Thái Bình Dương. Khi Kotick cảm thấy da nó ngứa ran, Matkah bảo là nó đang học biết “cảm nhận nước”, và cảm giác ngứa ngáy, nhoi nhói ấy nghĩa là thời tiết sắp xấu, nó phải gắng sức bơi để tránh xa.

Bà nói: “Không lâu nữa con sẽ biết chỗ để bơi đến, nhưng bây giờ mình sẽ theo sau Heo Biển, cá heo, vì ông ấy khôn lắm.” Một đàn cá heo đang hụp lặn rẽ nước, và bé Kotick gắng hết sức bơi theo họ. Nó hồn hên: “Làm sao các bác biết đi đâu?” Ông đầu đàn trợn cặp mắt

trắng rồi hụp xuống. Ông nói: “Đuôi ta ngứa ngứa, bé con à. Nghĩa là có bão biển phía sau. Nhanh lên! Khi con ở phía Nam Biển Dính [ông muốn nói Xích đạo] mà đuôi con ngứa, thì phía trước con có bão biển và con phải lên hướng Bắc. Nhanh lên! Nước ở đây xấu.”

Đó là một trong rất nhiều thứ Kotick đã học, và nó học hoài học mãi. Matkah dạy nó cách theo sau cá tuyết và cá bơn dọc theo bãi ngầm dưới biển, và cách giết cá chạch biển ra khỏi lỗ giữa đám rong; cách lượn vòng xác tàu sâu dưới nước hàng trăm sải, rồi lao tới như viên đạn súng trường chui vào một ô cửa và ra qua một cửa khác như loài cá; cách tung tăng trên đầu sóng khi sấm chớp vạch khắp bầu trời, và lịch sự vẫy chân chào Hải âu Đuôi bẻ và Bò nông Chiến hạm khi họ lượn dưới gió; cách phóng cả thước lên khỏi mặt nước như cá heo, áp chân sát vào sườn và cong đuôi; đừng đoái hoài tới cá bay vì chúng toàn là xương; cách lấy miếng thịt vai cá tuyết thật nhanh ở sâu mười sải; và đừng bao giờ ngừng lại nhìn tàu thuyền, nhất là thuyền chèo. Đến cuối tháng thứ sáu, những gì Kotick hãy còn không biết về bắt cá biển sâu đều không đáng để biết. Và suốt thời gian ấy nó không hề đặt chân lên đất liền.

Tuy nhiên, một hôm khi đang nằm lim dim trong nước ấm gần đảo Juan Fernandez, nó cảm thấy uể oải và lười biếng toàn thân, giống như loài người khi mùa xuân ở trong chân họ, và nó nhớ bãi biển cứng tốt ở Novastoshnah cách đó bảy ngàn dặm, những trò chơi bạn nó thường chơi, mùi rong biển, tiếng hải cầu rỗng, những trận đánh nhau. Ngay phút ấy nó quay về Bắc, bơi đều, và khi bơi nó gặp vô số bạn, tất cả hướng về cùng một nơi, và chúng nói: “Chào bạn, Kotick! Năm nay bọn mình là *holluschickie*, mình có thể múa điệu Nhảy Lửa trên sóng vỗ bờ ngoài Lukannon và chơi trên cỏ mới. Nhưng bạn lấy đâu ra bộ vó đó?”

Lông Kotick bây giờ gần như trắng toát, và tuy cảm thấy rất hãnh diện, nó chỉ nói: “Bơi nhanh lên! Xương cốt tôi nhức nhối tìm đất liền.” Thế là chúng cùng đến bãi biển nơi chúng sinh ra, và nghe thấy các ông hải cầu già, cha của chúng, đánh nhau trong sương mù cuộn cuộn.

Tối hôm ấy Kotick múa điệu Nhảy Lửa với đám hải cầu một tuổi. Biển từ Novastoshnah đến tận Lukannon rực lửa đêm hè, mỗi con hải cầu để lại phía sau một vệt rẽ nước trông như dầu cháy và một tia sáng rực rỡ mỗi khi nó phóng lên, và sóng vỗ bờ biến thành những sọc và xoáy lân quang lớn. Rồi chúng lên đất liền đến khu *holluschickie* và lăn lên lăn xuống trong đám lúa mì hoang mới, kể cho nhau nghe chúng đã làm những gì ngoài biển khơi. Chúng nói về Thái Bình Dương như bọn con trai kể về khu rừng chúng đã đến để nhặt hái trái, và nếu ai hiểu được tiếng của chúng thì họ có thể đi vẽ một bản đồ chưa từng có của vùng biển ấy. Đám *holluschickie* ba bốn tuổi từ Đồi Hutchinson ào xuống la hét: “Tránh ra, tội nhóc! Biển sâu lắm, tội bay chưa biết hết đâu. Cứ chờ đến lúc tội bay vòng qua Mũi Nam Mỹ. Ê, một tuổi, mày lấy đâu ra bộ vó trắng đó vậy?”

Kotick nói: “Tôi không lấy đâu ra hết. Nó tự mọc.” Và ngay khi nó toan đẩy cho đũa vừa nói ngã lăn quay thì hai người tóc đen, mặt bết đỏ au từ sau cồn cát tiến ra. Trước kia Kotick chưa bao giờ thấy người, nó liền khục khặc cúi đầu. Đám *holluschickie* cuốn gói đi vài mét rồi ngồi lại nhìn đám đăm đăm khờ khạo. Hai người này không là ai khác hơn Kerick Booterin, trưởng toán săn hải cầu trên đảo, và con trai ông là Patalamon. Họ sống ở ngôi làng nhỏ cách khu nuôi hải cầu con chưa đầy nửa dặm, và họ đang chọn hải cầu để lừa tới bãi giết - vì hải

cầu bị người ta lừa đi y như cừu - để sau đó biến thành áo khoác da hải cầu.

Patalamon gọi: “Hô! Xem kìa! Có con hải cầu trắng!”

Kerick Booterin bỗng gần như trắng chột ra dưới lớp dầu và khói dày trên mặt, vì ông là dân Aleut, và người Aleut thì ở bần. Rồi ông lăm bắm cầu nguyện. “Đừng đừng tới nó, Patalamon. Từ cha sinh mẹ đẻ cha chưa hề thấy hải cầu trắng bao giờ. Có lẽ là hồn ma cụ Zaharrof. Cụ mất tích trong trận bão lớn hồi năm ngoái.”

Patalamon nói: “Con không đến gần nó đâu. Xúi quẩy lắm. Cha nghĩ nó là cụ Zaharrof hiện về thật à? Con nợ cụ ấy mấy quả trứng hải âu.”

Kerick nói: “Đừng nhìn nó. Chặn đầu đám bốn tuổi đó đi. Hôm nay lẽ ra thợ sẽ lột da hai trăm con, nhưng mới đầu mùa nên họ chưa quen việc. Một trăm là đủ. Nhanh lên!”

Patalamon lách cách gõ cặp xương vai hải cầu trước một đàn *holluschickie*, chúng đứng sững lại, hồn hã hồn hển. Khi ấy nó lại gần và đám hải cầu bắt đầu di chuyển. Kerick dẫn chúng vào nội địa, và chúng không hề cô trở về với đồng bạn. Hàng trăm ngàn hải cầu nhìn chúng bị lừa đi, nhưng họ tiếp tục chơi như cũ. Kotick là con duy nhất đặt câu hỏi, và không đứa bạn nào của nó có thể nói cho nó điều gì, ngoại trừ rằng loài người luôn lừa hải cầu đi hướng đó trong sáu tuần hay hai tháng mỗi năm.

Nó nói: “Tôi sẽ đi theo,” mắt nó gần lòi ra khỏi đầu trong khi nó lạch bạch theo sau đàn.

Patalamon kêu lên: “Con hải cầu trắng đi sau mình. Lần đầu tiên một con hải cầu tự đi đến bãi giết một mình.”

Kerick nói: “Suyt! Đừng ngoái nhìn lại. Nó *chính là* hồn ma của Zaharrof đó! Cha phải thưa với thầy tu về chuyện này.”

Đoạn đường đến bãi giết chỉ nửa dặm, nhưng đi mất một giờ, vì nếu hải cầu đi quá nhanh thì Kerick biết cơ thể chúng sẽ nóng lên làm lông rụng từng mảng khi bị lột da. Vì thế họ đi rất chậm, qua Cỏ Hải sư, qua Nhà Webster, tới khi họ đến Nhà Muối ngay bên ngoài tầm mắt đám hải cầu trên bờ biển. Kotick đi theo, hồn hển và kinh ngạc. Nó nghĩ nó đang ở tận cùng thế giới, nhưng tiếng rống trên bãi nuôi hải cầu con đằng sau nó nghe lớn như tiếng xe lửa rầm rầm trong đường hầm. Khi ấy Kerick ngồi xuống đám rêu, rút cái đồng hồ thiếc nặng ra và để đàn thú nguội lại trong ba mươi phút. Kotick có thể nghe tiếng hạt sương trên vành nón ông ta nhỏ xuống. Rồi thì mười mười hai người, mỗi ông một cây gậy bọc sắt dài khoảng một mét tiến tới, Kerick chỉ một hai con trong đàn đã bị đồng bạn cắn hoặc đã trở nên quá nóng, thế là toán người dùng đôi giày da cỏ hải mã nặng trĩu đá những con đó sang một bên. Kerick liền nói: “Bắt đầu!” và bọn người cầm gậy đập thật nhanh lên đầu các con hải cầu.

Mười phút sau Kotick không nhận ra các bạn mình nữa, vì da chúng bị lột từ mũi tới chân sau, giật ra ném thành đống trên mặt đất. Như thế là đủ cho Kotick. Nó quay mình, phi nước đại về biển (hải cầu có thể chạy rất nhanh trong một lúc ngắn), bộ ria ngắn mới mọc của nó dựng đứng vì kinh hoàng. Tới khu Cỏ Hải sư, nơi bày hải sư to lớn ngồi trên mép sóng, nó chống chân lao đầu xuống nước lạnh rồi bồng bênh ở đó, hồn hển một cách khốn khổ. Một ông hải sư nói “Chuyện gì đây?” bằng giọng cộc cằn vì theo thông lệ loài hải sư chẳng thích giao

du với ai.

Kotick nói: “*Scoochnie! Ochen Scoochnie!* [“Cháu cô đơn, cô đơn lắm!”] Họ đang giết *hết cả holluschickie* trên *hết cả* các bãi kìa các ông ơi!”

Hải sư quay đầu vào bờ. Ông nói: “Vớ vẩn! Các bạn cháu vẫn đang làm âm ỉ như từ xưa từ xưa đến nay đây thôi. Chắc cháu vừa mới thấy lão Kerick hạ thủ một đàn. Lão làm việc đó ba chục năm nay rồi.”

Kotick nói: “Thật khủng khiếp,” nó gồng mình lên nước khi một ngọn sóng chụp lên nó, rồi ngoáy chân để giữ thăng bằng và đứng hằn dầy gần sát mép đá nhọn lởm chởm.

Hải sư nói: “Một tuổi mà như vậy là khá lắm!”, ông biết đánh giá tài bơi lội. “Ta đoán là theo cách nhìn của cháu thì hải hùng lắm, nhưng nếu hải cầu các cháu đến đây năm này qua năm khác thì dĩ nhiên loài người phải biết, và chừng nào các cháu chưa tìm được hòn đảo nào chưa hề có loài người đến thì các cháu còn bị họ lừa đi.”

Kotick hỏi: “Không có hòn đảo nào như vậy sao?”

“Ta đã theo *poltoos* [cá bơn] hai chục năm nhưng ta không thể nói là đã tìm ra nó. Nhưng này - hình như cháu thích trò chuyện với bậc trưởng thượng - cháu thử tới Đảo Hải Mã nói chuyện với Sea Vitch xem. Ông ấy có thể biết chi đó. Đừng hỏi hử như vậy. Phải bơi sáu dặm đây, ta mà là cháu thì ta sẽ lên bờ chớp mắt một chút trước đã, chú bé à.”

Kotick nghĩ đây là lời khuyên tốt, vì thế nó bơi vòng tới bãi của mình, lên bờ ngủ nửa giờ, co giật lung tung đúng y như loài hải cầu. Rồi nó nhắm thẳng Đảo Hải Mã, một bãi đá thấp nhỏ chệch về hướng Đông Bắc Novastoshnah, đầy đá ngầm và tổ chim hải âu, nơi hải mã sống riêng thành bầy.

Nó đồ bộ gần cụ Sea Vitch - ông hải mã lớn, xấu xí, béo phì, sần sùi, cổ mập, nanh dài ở Bắc Thái Bình Dương, ông chẳng có chút lịch sự nào trừ lúc ông ngủ - lúc ấy ông đang ngủ, chân sau của ông nửa trong nửa ngoài làn sóng.

“Dậy đi!” Kotick sửa to, vì đàn hải âu đang làm ồn lắm.

Sea Vitch nói: “*Ha! Hô! Hừm!* Cái gì vậy?” rồi ông lấy nanh tấp con hải mã kề bên một cái làm nó thức dậy, và con kề bên tấp con kề bên, rồi cứ như thế đến khi tất cả thức dậy nhìn đăm đăm khắp mọi hướng ngoại trừ hướng đúng.

Kotick nói: “Chào ông! Là cháu đây ạ,”; nó nhấp nhô trên sóng như một con sên trắng nhỏ.

Sea Vitch nói: “Ôi dào! Ta có khi... bị lột da mất ấy chứ!” và cả bọn nhìn Kotick như khi một nhóm toàn các cụ già lịch lãm ngái ngủ nhìn một thằng nhỏ, bạn có thể hình dung đại khái như vậy. Kotick lúc ấy không màng nghe thêm chuyện lột da nữa, nó thấy đã đủ rồi. Vì thế nó gọi lớn: “Không có chỗ nào để hải cầu tới mà loài người không bao giờ tới hay sao?”

Sea Vitch vừa nói vừa nhắm mắt: “Đi mà tìm. Cút đi. Bọn ta đang bận.”

Kotick phóng như cá heo lên không trung mà hét đến bể phổi: “Ông ăn sò! Ông ăn sò!” Nó biết Sea Vitch cả đời chẳng bao giờ bắt cá nhưng luôn luôn thích xoi sò và rong biển, dù ông già vờ là một kẻ rất khó chịu. Dĩ nhiên Chickies, Gooverooskies và Epatkas - Hải Âu Xám,

Hải Âu Trắng Cánh Xám và Hải Âu Cổ Ngắn, bọn họ luôn tìm cơ hội để tỏ ra thô bỉ - liên nhái lại tiếng kêu, và Limmershin kể cho tôi là trong gần năm phút nếu súng nổ trên Đảo Hải Mã thì bạn cũng chẳng nghe được. Toàn dân trên đảo reo hò, la hét: “Ông ăn sò! *Stareek* [ông già]!” trong khi Sea Vitch lặn qua lặn lại gầm gừ và khụt khịt.

Kotick nói, hụt hơi: “*Bây giờ cụ có nói không?*”

Sea Vitch nói: “Đi mà hỏi Bò Biển. Nếu ông ấy còn sống, ông ấy có thể bảo cháu.”

Kotick vừa tránh ra vừa nói: “Làm sao cháu biết đúng là Bò Biển khi cháu gặp ông ấy?”

Một con hải âu xám lượn dưới mũi Sea Vitch mà hét: “Ông ấy là kẻ duy nhất trên biển xấu xí hơn Sea Vitch. Xấu xí hơn, và thô lỗ hơn! *Stareek!*”

Kotick bơi về Novastoshnah, mặc đàn hải âu kêu réo. Ở đó nó thấy chẳng ai đồng tình với cố gắng nhỏ nhoi của nó là tìm một chỗ yên tĩnh cho hải cầu. Họ bảo nó rằng loài người vẫn luôn lừa đám *holluschickie* - đó là việc hằng ngày - và nếu nó không thích thấy điều khó coi thì lẽ ra nó đừng tới các bãi giết. Nhưng không con hải cầu nào đã thấy cuộc tàn sát cả, điều đó khiến cho nó khác với các bạn nó. Và lại, Kotick là con hải cầu trắng.

Cụ Sea Catch nói, sau khi nghe đứa con trai kể lại cuộc phiêu lưu: “Điều con phải làm là lớn lên và to như cha con, và có một chỗ nuôi trẻ trên bãi biển, khi đó họ sẽ để con yên. Năm năm nữa con phải đủ sức tranh đấu cho chính mình.” Ngay cả mẹ nó, bà Matkah hòa nhã, cũng nói: “Con sẽ chẳng bao giờ ngưng được loài người giết hải cầu đâu. Ra biển chơi đi, Kotick.” Và Kotick bỏ đi mùa điệu Nhảy Lửa với trái tim nhỏ nặng trĩu.

Mùa thu ấy nó rời bãi biển thật sớm, một mình lên đường vì có một ý nảy ra trong cái đầu búng bỉnh của nó. Nó sẽ tìm Bò Biển, nếu trên biển có một ai như vậy, và nó sẽ tìm một đảo yên tĩnh có nhiều bãi cứng cho hải cầu sống, nơi loài người không thể đến bắt họ. Vì thế nó tự mình thăm dò, thám hiểm từ Bắc đến Nam Thái Bình Dương, bơi hàng ba trăm dặm một ngày một đêm. Nó gặp nhiều chuyện hiểm nghèo không thể tả hết, và trong đường tơ kẽ tóc suýt bị Cá Mập Sạm Nắng, Cá Mập Đốm và Cá Nhám Búa bắt. Nó gặp hết mọi tội lưu manh không thể tin cậy tha thần vô tích sự trên biển khơi, cả con cá lịch sự nặng nề, cả đàn sò điệp đốm đỏ tươi ở chạt một chỗ hàng trăm năm và rất hãnh diện về chỗ ấy. Nhưng nó không hề gặp Bò Biển, và nó chưa hề tìm thấy hòn đảo mà nó có thể ưa thích. Nếu bãi biển tốt và cứng, phía sau có triền dốc cho hải cầu chơi đùa, thì trên chân trời luôn có khói tàu săn cá voi đang nấu mỡ cá voi, và Kotick biết *điều đó* nghĩa là gì. Nếu không thì Kotick có thể thấy hải cầu đã có lần tới đảo và bị giết sạch, và nó biết nơi nào loài người đã tới một lần thì họ sẽ tới nữa.

Tình cờ nó quen một lão hải âu đuôi bè, lão bảo nó rằng Đảo Kerguelen đúng là nơi an toàn và yên tĩnh. Khi Kotick xuống đó, nó suýt bị đập tan xác vào vách đá đen hiểm nghèo trong trận bão mưa đá sấm chớp đùng đùng. Nhưng khi ra khỏi trận bão, nó thấy ngay cả ở đó cũng đã từng là bãi nuôi hải cầu con. Và tất cả các đảo khác nó tới viếng đều như thế.

Limmershin cho một danh sách dài các tên đảo, vì nó nói Kotick mất năm năm thám hiểm, mỗi năm nghỉ bốn tháng ở Novastoshnah, khi đó đám *holluschickie* hay chế nhạo nó và các hòn đảo tưởng tượng của nó. Nó tới Gallapagos⁽²⁾, một chỗ khô dễ sợ ở vùng xích đạo, nơi nó bị nung suýt chết. Nó tới quần đảo Georgia, Orkneys, đảo Emerald, đảo Little Nightingale,

đảo Gough, đảo Bouvet, quần đảo Crossets, và thậm chí tới một khoảnh nhỏ của hòn đảo phía Nam Mũi Hảo Vọng⁽³⁾. Nhưng khắp nơi dân biển đều nói với nó cùng một chuyện. Hồi xưa hải cẩu đã đến các đảo ấy, nhưng loài người đã giết sạch họ. Thậm chí khi nó bơi hàng ngàn dặm ra khỏi Thái Bình Dương đến một nơi gọi là Mũi Corientes⁽⁴⁾ (lúc nó từ đảo Gough trở về), nó thấy vài trăm con hải cẩu xơ xác trên một hòn đá và họ bảo nó rằng loài người cũng đã tới đó. Điều ấy làm tim nó gần như rạn vỡ, thế là nó bơi vòng qua Mũi Nam Mỹ về bãi biển của mình. Trên đường ra Bắc nó lên một đảo đầy cây xanh, ở đó nó thấy một cụ hải cẩu già thật già sắp chết, Kotick bắt cá cho cụ và kể hết nỗi buồn của nó cho cụ nghe. Kotick nói: “Bây giờ cháu về Novastoshnah, nếu cháu bị lừa tới bãi giết với đám *holluschickie* thì cháu cũng chẳng cần.”

Cụ hải cẩu nói: “Cứ thử tìm một lần nữa. Tôi là kẻ cuối cùng của Bãi Más Afuera biệt tích, và hồi loài người còn giết chúng tôi hàng trăm ngàn, trên bãi đã có câu chuyện nói rằng một ngày nào đó một con hải cẩu trắng sẽ từ phía Bắc tới dẫn loài hải cẩu đến một nơi yên tĩnh. Tôi già rồi, tôi sẽ chẳng còn sống để thấy ngày đó, nhưng kẻ khác sẽ thấy. Cứ thử tìm một lần nữa đi.”

Kotick vênh rìa mép (bộ rìa đẹp) mà nói: “Cháu là hải cẩu trắng duy nhất sinh ra trên bãi biển, và cháu là con hải cẩu duy nhất, bất kể đen hay trắng, nghĩ đến việc đi tìm quần đảo mới.”

Điều này làm nó phấn khởi lắm. Khi nó về tới Novastoshnah mùa hè ấy, Matkah mẹ nó năn nỉ nó lập gia đình và ổn định cuộc sống, vì nó không còn là *holluschickie* nữa mà là một hải cẩu trưởng thành, bờm trắng quấn trên vai, nặng nề, to lớn và dữ dằn như cha nó. Nó nói: “Cho con một mùa nữa. Mẹ nhớ là ngọn sóng thứ bảy luôn luôn vỗ vào bờ xa nhất.”

Lạ thay, có một con hải cẩu khác cũng nghĩ cô nàng sẽ hoãn lập gia đình cho đến sang năm, và Kotick múa điệu Nhảy Lửa với cô ta xuống khắp bãi Lukannon trước đêm nó khởi hành cho cuộc thám hiểm cuối cùng của nó.

Lần này nó đi về hướng Tây, vì nó rơi vào một luồng cá bơi thật đông, và nó cần ít nhất năm chục ký cá mỗi ngày để giữ sức khỏe tốt. Nó đuổi theo đàn cá đến khi mệt lử, khi ấy nó cuộn mình ngủ trong các lõm đất cao trên đảo Copper. Nó biết rất rõ bờ biển này, vì thế khoảng nửa đêm, khi nó cảm thấy mình đụng nhẹ một bè rong, nó nói: “Hừm, tối nay thủy triều chảy mạnh,” rồi xoay lại dưới nước, từ từ mở mắt đuổi mình. Khi ấy nó nhảy nhồm lên như mèo, vì nó thấy nhiều vật khổng lồ giẫm mũi sục sạo chỗ nước cạn và gặm những tua rong biển nặng trĩu.

Nó thì thầm dưới bộ rìa: “Sóng còn Magellan ơi! Loài hà bá gì thế này?”

Họ không giống hải mã, hải sư, hải cẩu, gấu, cá voi, cá mập, cá, mực, hay sò điệp mà Kotick từng thấy. Họ dài từ sáu tới chín mét, và không có chân sau, nhưng có đuôi giống cái xẻng trông như thể gọt ra từ miếng da ướm. Đầu họ nom khù khờ chưa từng thấy, và họ dùng chót đuôi để giữ thăng bằng trong nước sâu những khi họ không ăn, trịnh trọng cúi chào nhau và vẩy chân trước như ông mập vẩy cánh tay.

Kotick nói: “*E hèm!* Vui vẻ chứ, quý vị?”. Bọn khổng lồ đáp lời bằng cách cúi chào và

vẩy chân như Éch Lính hầu⁽⁵⁾. Khi họ tiếp tục ăn, Kotick thấy môi trên của họ nứt làm đôi, có thể tách ra độ ba tấc rồi ngậm lại kéo nguyên một gĩa rong biển vào giữa chỗ nứt. Họ nhồi thứ đó vào miệng rồi trịnh trọng nhai.

Kotick nói: “Ăn kiểu này hơi bị nhoe nhoét nhỉ.” Họ lại cúi chào, và Kotick bắt đầu mất bình tĩnh. Nó nói: “Tốt lắm. Nếu chân trước quý vị tình cờ có dư một khớp thì quý vị chẳng cần khoe như vậy. Tôi thấy quý vị cúi chào duyên dáng, nhưng tôi muốn biết tên của quý vị.” Máy cái môi nứt liền cử động và co kéo, rồi cặp mắt xanh như thủy tinh nhìn đăm đăm, nhưng họ không nói năng gì.

Kotick nói: “Ôi dào! Quý vị là giống dân duy nhất tôi từng gặp còn xấu xí hơn cả Sea Vitch - và cư xử cũng tệ hơn.”

Khi ấy nó chợt nhớ điều hải âu xám đã hét lên với nó hồi nó còn là đứa bé một tuổi ở Đảo Hải Mã, và nó ngã bật ngửa dưới nước, vì nó biết rõ cuộc mình đã tìm thấy Bò Biển!

Đàn bò biển tiếp tục lồm bồm, ăn và nhai trong đám rong, và Kotick hỏi họ bằng mọi thứ tiếng mà nó đã học được trong các chuyến đi; dân biển nói nhiều thứ tiếng gần như loài người. Nhưng loài Bò Biển không trả lời vì Bò Biển không biết nói. Bò Biển chỉ có sáu khúc xương trên cổ trong khi đáng lẽ phải có bảy, và ở dưới biển họ nói là điều đó làm cho Bò Biển chẳng nói năng gì ngay cả với các bạn đồng hành. Nhưng như các bạn biết, Bò Biển có dư một khớp nơi chân trước, và bằng cách vẩy lên vẩy xuống vẩy qua vẩy lại cái khớp ấy nó trả lời theo một kiểu mật mã điện tín vụng về.

Lúc trời sáng, bõm Kotick đã dựng đứng lên và tâm trạng nó đã đi chầu hà bá nơi cua chết vẫn đi. Khi ấy Bò Biển bắt đầu di chuyển lên hướng Bắc rất chậm, thỉnh thoảng dừng lại để họp hội đồng, họp bằng cách cúi chào nhau rất ngớ ngẩn. Kotick theo sau họ, tự nhủ: “Khờ khạo như dân này mà không tìm thấy một đảo an toàn thì lẽ ra đã bị giết hết từ lâu rồi. Thế thì cái gì đủ tốt cho bò biển thì cũng đủ tốt cho hải cẩu. Dù vậy, mình ước gì họ gấp rút lên một tí.”

Việc này làm Kotick sốt ruột lắm. Họ chẳng bao giờ đi hơn bốn mươi hay năm mươi dặm mỗi ngày, rồi ban đêm dừng lại ăn, và lúc nào cũng ở gần bờ, trong khi Kotick bơi quanh họ, trên họ, dưới họ, nhưng nó không thể hối thúc họ đi thêm nửa dặm. Khi họ lên xa phía Bắc, cứ vài giờ họ lại họp hội đồng cúi chào nhau một lần, và Kotick gần như nhăm trụi ria mép của nó vì hết kiên nhẫn, đến khi nó thấy rằng họ đang theo dòng nước ấm. Lúc ấy thì nó kính trọng họ hơn.

Một đêm họ lặn qua vùng nước sáng chói - chìm như tảng đá - và lần đầu tiên từ khi nó biết họ, họ bắt đầu bơi nhanh. Kotick theo sau, và nhịp bơi làm nó sừng sốt, vì nó chưa bao giờ mơ rằng Bò Biển là dân bơi. Họ nhắm tới vách đá gần bờ - vách đá này cắm sâu xuống nước - rồi lao vào một lỗ đen ở chân vách, hai mươi sải dưới mặt biển. Lần bơi này dài thật dài, và chưa ra khỏi đường hầm tối mà họ dẫn nó qua thì Kotick đã ngạt hơi tưởng chừng tắc thở rồi.

“Hà bá ơ!” nó nói khi nó hôn hà hôn hên ngoi lên mặt nước ở đầu bên kia. “Một cú lặn lâu, nhưng đáng giá.”

Đàn bò biển đã tản ra và đang lười biếng thờ thần dọc bờ biển đẹp nhất mà Kotick từng thấy. Những dải đá mòn nhẵn, láng mượt dài hàng dặm, hoàn toàn thích hợp để làm chỗ nuôi hải cẩu con, các bãi chơi bằng cát nén chặt dọc dần lên đất liền phía sau, có sóng cuộn cho hải cẩu lao vào nhảy múa, có cỏ cao để lăn lộn, có cồn cát để leo lên leo xuống, và nhất là, điều này Kotick biết qua cảm giác nước, một điều không bao giờ lừa dối một con hải cẩu đích thực: nhất là loài người chưa hề đến nơi đó.

Điều đầu tiên nó làm là kiểm tra cho yên tâm rằng là biển ở đây có nhiều cá, rồi nó bơi dọc theo bờ, đếm những cồn cát thấp thú vị hơi khuất trong sương mù cuộn cuộn tuyệt đẹp. Xa về hướng Bắc, ngoài biển khơi, một dải cát, bãi ngầm và đá sẽ ngăn không cho tàu đến gần bờ trong vòng sáu dặm. Giữa quần đảo và nội địa là luồng nước sâu kéo dài tới sát vách đá thẳng đứng, và dưới vách đá ấy là miệng đường hầm.

Kotick nói: “Lại là một Novastoshnah nữa rồi, nhưng tốt hơn gấp mười. Bờ Biển phải thông thái hơn mình nghĩ. Loài người dù có muốn cũng không thể xuống dưới vách đá, và bãi cát ngầm ngoài biển sẽ làm tàu đắm thành mảnh vụn. Nếu trên biển có nơi nào an toàn thì chính là đây.”

Nó bắt đầu nghĩ đến cô hải cẩu mà nó đã chia tay, nhưng dù vội trở về Novastoshnah, nó vẫn thám hiểm cho thật thấu đáo vùng đất mới, để khi về có thể trả lời mọi câu hỏi.

Rồi nó lặn xuống, và khi đã biết rõ miệng đường hầm nó liền bơi nhanh qua về hướng Nam. Không ai trừ một con bò biển hay một con hải cẩu dám mơ có một nơi như vậy, và khi nhìn lại các vách đá ngay cả Kotick cũng khó mà tin được nó đã từng ở dưới đó.

Nó mất mười ngày mới về đến nhà, dù nó không bơi chậm. Nó lên bờ phía trên chỗ Cỏ Hải Sư, kẻ đầu tiên nó gặp là cô hải cẩu đã chờ nó, và chỉ cần nhìn mắt nó cô nàng đã thấy ngay là rốt cuộc nó đã tìm thấy hòn đảo của nó.

Nhưng đám *holluschickie* và Sea Catch, cha nó, và tất cả hải cẩu khác đều cười nó khi nó kể cho họ điều nó đã khám phá. Một con hải cẩu trẻ khoảng tuổi nó nói: “Hay lắm lắm, Kotick, nhưng bạn không thể về từ một nơi chẳng ai biết rồi ra lệnh cho tụi tôi như vậy. Hãy nhớ là tụi tôi đã giành chỗ nuôi con, và đó là một việc bạn chưa bao giờ làm. Bạn thích lang bạt ngoài biển khơi hơn.”

Đám hải cẩu kia cười, và con hải cẩu trẻ lắc lư đầu. Năm ấy nó vừa mới lập gia đình và đang khoe nhăng lên chuyện đó.

Kotick nói: “Tôi không giành chỗ nuôi con. Tôi chỉ muốn cho tất cả các bạn biết một nơi các bạn sẽ an toàn. Đánh nhau làm gì?”

“Ồ, nếu bạn định thoái lui thì dĩ nhiên tôi chẳng còn gì để nói,” con hải cẩu trẻ nói với một tiếng cười khẩy khó ưa.

Kotick nói: “Bạn có đi với tôi không, nếu tôi thắng?” Và mắt nó vụt sáng xanh, nó giận lắm vì cứ phải đánh nhau.

Con hải cẩu trẻ hồ hững nói: “Tốt lắm. Nếu bạn thắng, tôi sẽ đi.”

Nó không có thời giờ đổi ý, vì đầu Kotick đã lao tới, răng cắn bập vào mõ nơi cổ con hải

cầu trẻ. Rồi nó ngồi phịch xuống bên hông, lôi kẻ địch xuống bãi biển, lắc lui lắc tới rồi vật nó ngã lăn quay. Đoạn Kotick gầm lên với đàn hải cầu: “Suốt năm mùa qua tôi đã cố hết sức vì các bạn. Tôi đã tìm cho các bạn hòn đảo nơi các bạn sẽ an toàn, nhưng chừng nào đầu các bạn còn chưa bị lôi ra khỏi cái cổ khù khờ của các bạn thì các bạn còn không tin. Bây giờ tôi sẽ dạy cho các bạn. Nhìn xem này!”

Limmershin kể với tôi rằng chưa bao giờ trong đời nó - dù Limmershin đã thấy hàng chục ngàn con hải cầu lớn giao chiến mỗi năm - chưa bao giờ trong cả cuộc đời nhỏ bé của nó mà nó thấy điều gì như trận Kotick tấn công vào bãi nuôi con. Nó lao mình tới con hải cầu lớn nhất mà nó tìm được, ngoạm vào cổ họng làm hấn nghệt thở, rồi đẩy rồi đập tới bời cho đến khi hấn rên rỉ xin tha, rồi nó ném hấn ra và tấn công con kế tiếp. Bạn thấy, Kotick chưa bao giờ nhin đói bốn tháng mỗi năm như những con hải cầu lớn khác, rồi các chuyến bơi biển sâu giúp nó sung sức, và nhất là nó chưa từng đánh nhau. Lông bờm trắng uốn cong của nó dựng đứng vì cuồng nộ, mắt nó rực lửa, hai hàm nanh lớn của nó lấp lánh, và nó trông rất lộng lẫy. Cụ Sea Catch, cha nó, thấy nó xông xáo ngang qua, lôi xềnh xệch các ông hải cầu hoa râm giống như lôi cá bơn, và xô bộn độc thân ngã chổng vó ra tứ phía. Sea Catch gầm lên một tiếng và hét: “Nó có thể là thằng ngốc, nhưng nó là đứa chiến đấu giỏi nhất trên bờ! Đừng tấn công cha, con trai ta! Ta về phe con!”

Kotick gầm lên đáp lời, và cụ Sea Catch vênh rìa mép lạch bạch nhập cuộc, phì phì như đầu máy xe lửa, trong khi Matkah và nàng hải cầu sẽ cưới Kotick co rúm lại khâm phục chồng mình. Trận chiến đó thật hoành tráng, vì cả hai đánh đến khi không nào còn một con hải cầu nào dám ngẩng đầu, chừng ấy họ vừa rống vừa sánh vai nhau uy nghi diễn hành lên lên xuống xuống bãi biển.

Đêm đến, khi thiều quang Bắc Cực lấp lánh, nhay nháy qua sương mù, Kotick leo lên một phiến đá trơ trụi nhìn xuống bãi nuôi con tản mát và đàn hải cầu chảy máu te tua. Nó nói: “Nào, tôi đã dạy các bạn một bài học.”

Cụ Sea Catch khó nhọc đứng lên vì cụ bị cắn xé dễ sợ, cụ nói: “Hà bá ơi! Cá kình cũng không thể cắn tụi nó tẹ hơn. Con à, cha hãnh diện vì con, và còn nữa, *cha sẽ đi* với con tới đảo của con - nếu có một chỗ như vậy.”

Kotick rống lên: “Nghe đây, đồ heo biển mập! Ai đi với tôi đến đường hầm của Bò Biển? Trả lời, nếu không tôi sẽ dạy cho một lần nữa.”

Có tiếng thì thầm như gợn thủy triều rì rào dọc khắp bãi biển. Hàng ngàn giọng mọt mọt nói: “Chúng tôi sẽ đi. Chúng tôi sẽ theo Kotick, Hải Cầu Trắng.”

Thế là Kotick gục đầu giữa hai vai và hãnh diện nhắm mắt. Nó không còn là hải cầu trắng nữa, mà đỏ từ đầu tới đuôi. Dù vậy nó không thèm nhìn hay sờ tới vết thương nào của nó.

Một tuần sau nó và đoàn của nó (gần mười ngàn *holluschickie* và hải cầu lớn) nhắm hướng Bắc tới đường hầm của Bò Biển, Kotick dẫn đầu, và đám hải cầu ở lại Novastoshnah gọi họ là đồ ngốc. Nhưng mùa xuân sau, khi họ gặp nhau gần các bãi bắt cá ở Thái Bình Dương, đàn hải cầu của Kotick kể nhiều chuyện về các bờ biển mới bên kia đường hầm của Bò Biển đến nỗi ngày càng nhiều hải cầu rời bỏ Novastoshnah.

Dĩ nhiên chẳng phải một lần là xong, vì hải cẩu không thông minh lắm, cho nên họ cần một thời gian dài để cân nhắc lật qua lật lại các thứ trong đầu họ. Nhưng thời gian trôi qua, càng lúc càng nhiều hải cẩu bỏ Novastoshnah và Lukannon và các bãi nuôi con khác, để tới bờ biển yên tĩnh khuất nẻo nơi Kotick ngồi suốt mùa hè, mỗi năm mỗi lớn hơn, mập hơn và khỏe hơn, trong khi đám *holluschickie* chơi quanh nó, trong vùng biển không người nào tới.

Lukannon

Sáng nay tôi gặp bạn bè (ồ, tôi đã già!)

Nơi sóng hè âm âm cuộn trên mép gờ đá.

Tôi nghe bạn bè đồng ca át sóng vỗ bờ -

Bãi Lukannon - hai triệu giọng âm lên cả.

Bài ca của chốn vui bên bờ vũng nước mặn,

Bài ca của hải cẩu phì phò xuống cồn cát,

Bài ca của điệu dạ vũ khuấy sóng thành lửa -

Lukannon - trước khi hải cẩu bị tàn sát!

Sáng nay tôi gặp bạn bè (rời thôi vĩnh biệt!)

Họ đến và đi từng đoàn đen ngòm bờ biển.

Và tiếng hát vang xa theo bọt biển trải dài

Chúng tôi đón mừng và hát chào bạn lên bãi.

Bãi Lukannon - lúa mì mùa đông thật cao -

Nấm và tảo biển nhả nhúm, uớt sũng sương mù

Thêm sân chơi của chúng ta bóng nhả tron tru!

Bãi Lukannon - quê hương sinh trưởng chúng ta!

Buổi sáng tôi gặp bạn bè, tan tác, chết chóc.

Người bắn và đập chúng ta dưới nước, trên bờ.

Lùa đi tới Nhà Muối như đàn cừu ngoan khờ,

Chúng ta vẫn cất tiếng ca Lukannon.

Bơi xuống, bơi xuống hướng Nam - Gooverooska!

Kể cho Hà bá chuyện đau buồn của chúng ta.

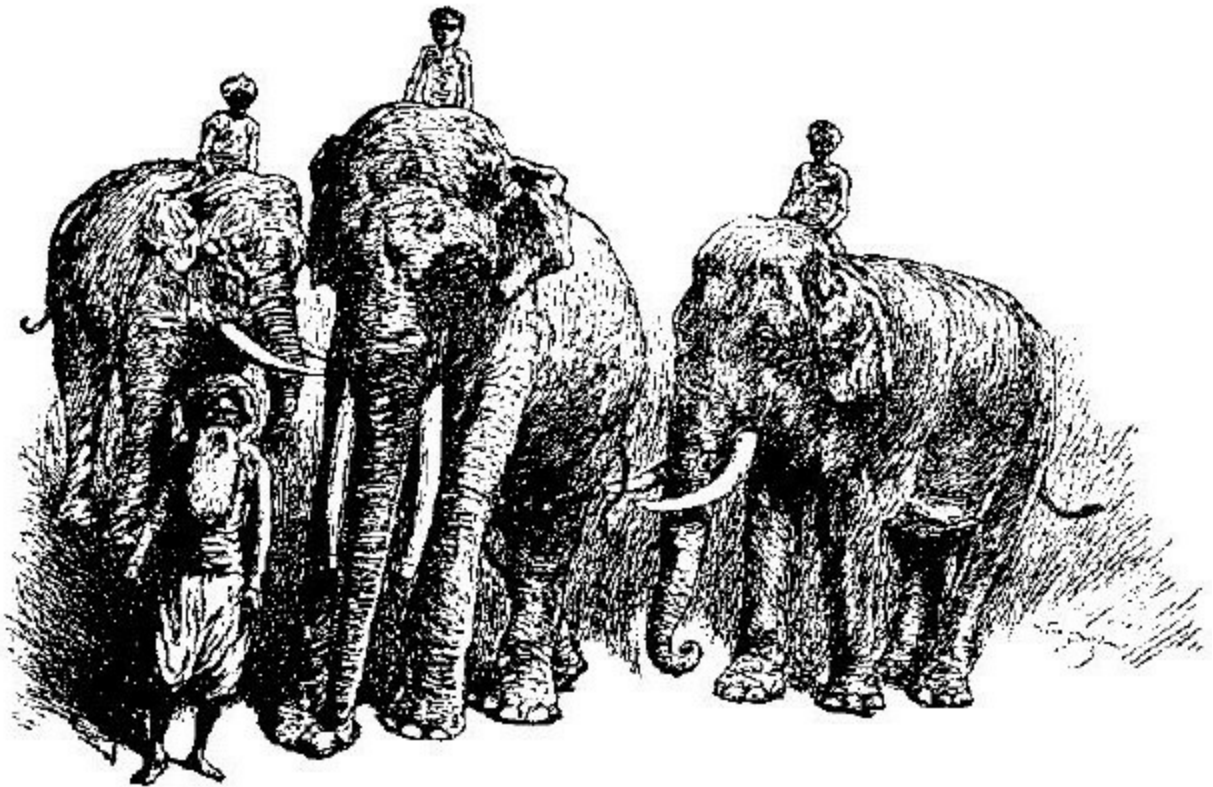
Kìa, bão táp vào bờ rộng như trứng cá mập,

Bãi Lukannon sẽ không còn đàn con nữa!

Toomai Voi

Ta sẽ nhớ lại mình, ta chán ghét xích và thừng.
Ta sẽ nhớ sức mạnh ngày xưa và mọi chuyện rừng.
Ta sẽ không bán lưng cho người để lấy bó mía.
Ta sẽ về với loài mình, về hang ổ Dân Rừng.
Ta sẽ đi tới bình minh, tới hừng đông sáng chói
Về với gió hôn tinh khiết, với nước mát trong lành
Ta sẽ quên vòng buộc cổ chân và bẻ cọc trời.
Ta sẽ thăm lại tình xưa và các bạn tung hoành!

Kala Nag, nghĩa là Rắn Đen, đã phục vụ chính phủ Ấn Độ theo đủ mọi cách mà một con voi có thể phục vụ trong bốn mươi bảy năm. Lúc bị bắt nó tròn hai mươi tuổi, vì thế bây giờ nó gần bảy mươi, tuổi chín chắn của loài voi. Nó nhớ nó đã từng đeo trên trán tấm đệm lớn bằng da để đỡ một khẩu súng lún sâu trong bunn, đó là hồi trước Chiến tranh Afghanistan năm 1842, lúc ấy sức lực của nó chưa phát triển hết mức.



Mẹ nó là Radha Pyari - Radha Yêu Kiều - bị bắt cùng đợt với Kala Nag, bảo nó, trước khi cặp ngà sữa bé tí của nó rụng, rằng con voi nào sợ thì sẽ bị thương. Kala Nag biết lời khuyên ấy đúng, vì lần đầu tiên thấy đạn nổ nó rống lên, lùi vào đồng giá súng, thế là bị lưỡi lê đâm khắp chỗ mềm nhất trên thân nó. Vì thế, trước khi đầy hai mươi lăm tuổi nó thôi không

sợ nữa, và là con voi được yêu mến nhất và được săn sóc kỹ nhất đang phục vụ trong chính phủ Ấn Độ. Nó đã chờ lều, năm trăm ký lều, trong cuộc hành quân ở Thượng Ấn Độ. Nó đã được nhấc bổng lên tàu bằng cần trục hơi nước rồi chở đi nhiều ngày trên mặt nước, và mang súng cối trên lưng nơi một xứ lạ có nhiều đá rất xa Ấn Độ, và đã thấy Hoàng đế Theodore nằm chết ở Magdala, rồi lại trở về trên chiếc tàu hơi nước mà lính tráng nói là đáng nhận huy chương Chiến tranh Abyssinia. Mười năm sau, nó thấy các bạn voi của nó chết vì lạnh, động kinh, đói và say nắng ở tít trên một chỗ tên là Ali Musjid. Sau đó nó được đưa xuống hàng ngàn dặm phía Nam để kéo và chất đóng những khúc gỗ trắc lớn trong bãi gỗ ở Moulmein. Ở đó nó suýt giết chết một con voi trẻ bất tuân lệnh và trốn việc.

Sau đó nó nghỉ việc kéo gỗ, và được dùng để giúp bắt voi hoang nơi vùng đồi Garo cùng với vài con voi khác được huấn luyện để làm việc ấy. Chính phủ Ấn Độ bảo quản loài voi rất nghiêm ngặt. Có cả một ban không làm gì khác ngoài việc săn bắt chúng, thuần hóa chúng, và đưa chúng đi khắp nơi trong nước khi có việc cần đến chúng.

Vai Kala Nag cao tới ba mét, ngà nó bị cắt ngắn còn một mét rưỡi, đầu ngà được buộc nẹp đồng để khỏi nứt. Nhưng với cặp ngà cụt đó nó làm được nhiều việc hơn bất kỳ con voi nào có ngà thật bén nhưng chưa được huấn luyện. Sau nhiều tuần liên tiếp thận trọng lừa đàn voi tàn mác khắp vùng đồi, bốn năm chục con thú hoang khổng lồ bị lừa vào bãi rào cuối cùng, khi cái cổng sập lớn làm bằng thân cây buộc vào nhau ken kết hạ xuống, Kala Nag theo lệnh đi vào cái chỗ gầm rống đình tai nhức óc sáng rực ấy (thường là lúc ban đêm, khi ánh đuốc bập bùng làm cho khó xác định khoảng cách), rồi chọn con voi lớn nhất, hung dữ nhất trong đám, giã nó huỳnh huých, xô đẩy bắt nó phải im trong khi bọn người cười trên lưng các voi khác lấy dây thừng trói các con nhỏ hơn của bầy voi hoang.

Không có kiểu đánh nào mà Kala Nag, Rắn Đen già khôn ngoan, không biết, vì nó đã hơn một lần trong đời đối phó với đòn tấn công của con hổ bị thương, cái vòi mềm của nó cuộn lên để tránh thương tích, hất ngang con thú dữ đang phóng tới giữa không trung bằng một nhát chém nhanh vào đầu, kiểu chém tự nó nghĩ ra. Sau khi đánh ngã con hổ, nó đề mấy cái đầu gối đồ sộ của nó lên mình hổ cho đến khi con thú thở hắt ra rồi rống lên chết. Khi ấy thì chỉ còn một đồng lông xù vằn vện dưới đất để Kala Nag nắm đuôi kéo.

Quản tượng Toomai Lớn, con trai của Toomai Đen người đã đưa nó tới Abyssinia và là cháu trai của Toomai Voi người đã thấy nó bị bắt, nói: “Ừ, Rắn Đen không sợ ai trừ cha. Nó đã thấy ba đời nhà ta nuôi nó và săn sóc nó, rồi nó sẽ sống để thấy đời thứ tư.”

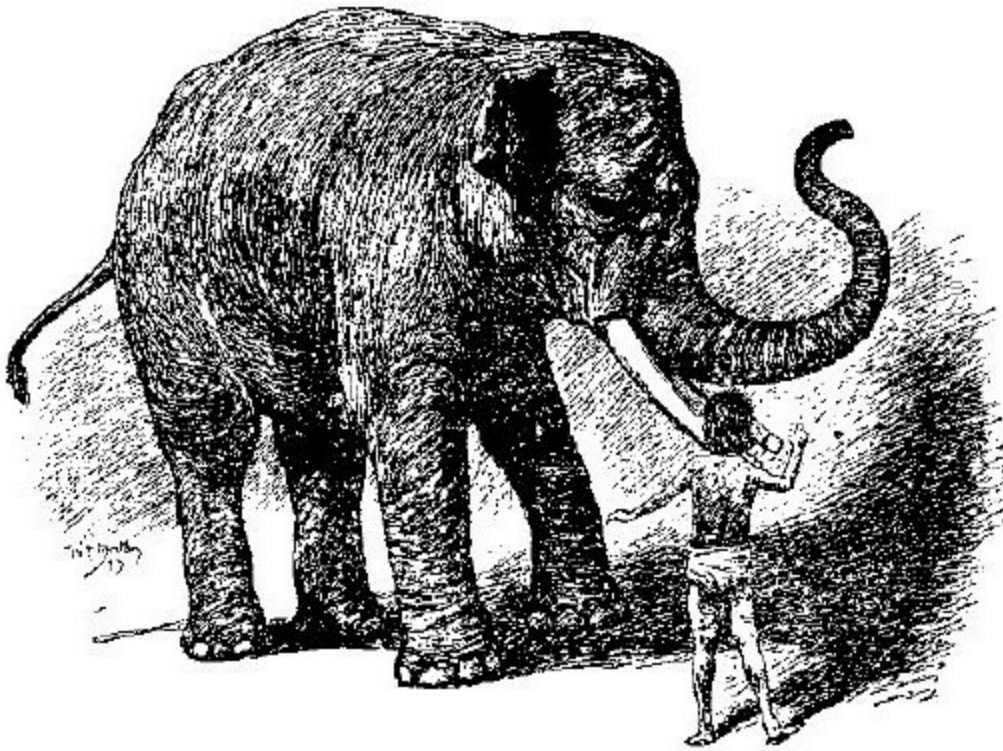
Toomai Nhỏ nói: “Nó sợ cả *con* nữa,” nó đứng thẳng cao một mét hai, với độc nhất một miếng vải sòn trên người. Chú bé mười tuổi, con cả của Toomai Lớn, và, theo phong tục, khi trưởng thành nó sẽ ngồi chỗ của cha nó trên cổ Kala Nag, sẽ cầm cây gậy thúc voi bằng sắt nặng mà cha, ông nội và ông cố của nó đã dùng đến mòn nhẵn. Nó biết mình nói gì. Vì nó sinh ra dưới bóng Kala Nag, đã nghịch đầu vòi voi trước khi biết đi, đã dắt voi xuống nước ngay khi nó biết đi, và Kala Nag hết còn mơ chuyện bất tuân tiếng ra lệnh lạnh lạnh bé tí của nó, cũng như không còn mơ tưởng giết nó như cái ngày Toomai Lớn đem đứa bé da nâu đến dưới cặp ngà của Kala Nag và bảo nó chào chủ tương lai của nó.

Toomai Nhỏ nói: “Ừ, nó sợ cả *con* nữa,” rồi sải bước tới Kala Nag, gọi nó là con heo già

mập ú, và bắt nó giơ bổng từng chân lên.

Toomai Nhỏ nói: “Chu cha! Mày là con voi bụi quá,” rồi nó lắc cái đầu bù xù, nhắc lại lời của cha. “Chính phủ có thể trả tiền cho voi, nhưng voi thuộc về quân tượng. Kala Nag nè, khi mày già, sẽ có một tiểu vương giàu có nào đó tới trả tiền cho chính phủ để mua mày, tùy theo kích thước và tính tình của mày, khi đó mày sẽ không phải làm gì ngoại trừ đeo bông tai vàng trên tai, mang bành voi vàng trên lưng, phủ vải đỏ đính vàng hai bên hông, và dẫn đầu đoàn diễu hành của Vua. Khi ấy tao sẽ ngồi trên cổ mày, ồ Kala Nag, cầm cây gậy thúc voi bằng bạc, và người ta sẽ cầm gậy vàng chạy trước tụi mình, vừa chạy vừa kêu, ‘Tránh đường cho voi của Vua!’. Như vậy hay lắm, Kala Nag, nhưng không hay bằng săn trong rừng thế này.”

Toomai Lớn nói: “Hừm! Con là thằng nhỏ hoang đàng như con nghé. Chạy lên chạy xuống mấy ngọn đồi như thế này đâu có phải là cách phục vụ tốt nhất trong chính phủ. Cha sắp già rồi, cha không ưa voi hoang. Cha thích đường cho voi đi có lát gạch, mỗi con voi một chuồng, có cọc lớn để buộc chúng cho an toàn, và đường phẳng rộng rãi để luyện tập, thay vì cấm trại lưu động kiểu này. Chà, doanh trại ở Cawnpore thật tốt. Có chợ ngay kế bên và mỗi ngày chỉ làm việc ba giờ thôi.”



Toomai Nhỏ nói: “Nó sợ cả con nữa,” rồi bắt Kala Nag giơ bổng từng chân lên.

Toomai Nhỏ nhớ lại những đường voi ở Cawnpore nên liền lặng thinh. Nó rất thích đời sống dã trại, và ghét những lối đi phẳng rộng ấy, ghét cái chuyện ngày ngày kiểm cỏ trong khu trống cỏ, ghét những giờ dài dằng dằng không có việc gì làm ngoại trừ ngó Kala Nag cựa quậy trong hàng cọc.

Điều Toomai Nhỏ thích là bò lên lối đi dành riêng cho voi; xuống sâu thung lũng bên dưới; thoáng thấy đàn voi rừng đang ăn cách xa hàng dặm; heo và công hoảng hốt chạy vội dưới

chân Kala Nag; những cơn mưa âm mịt mù khi tắt cả núi đồi và thung lũng tỏa khói; những buổi sáng sương mù tuyết mỹ khi không ai biết tới đến họ sẽ cắm trại ở đâu; sự kiên trì, thận trọng của chuyến lùa voi rừng; sự hồi hải cuồng nhiệt, sự rực rỡ và huyền ảo của lần lùa voi tới hôm trước, khi đàn voi tràn vào bãi rào như đá tảng rơi trong trận lở đất, thấy chúng không thể thoát ra nên liền nhào vào hàng cột lớn để rồi bị đẩy lùi lại vì tiếng la hét, vì các ngọn đuốc cháy rực và hàng tràng tiếng đạn không nạp chì.

Ngay cả một đứa nhỏ cũng có ích ở đó, và Toomai hữu dụng bằng ba đứa. Nó sẽ quơ ngọn đuốc, lấy hết sức mà la. Nhưng lúc hào hứng thật sự là khi bắt đầu lùa ra, và *keddah* - bãi rào - như bức tranh ngày tận thế, người ta phải ra đấu cho nhau, vì họ không nghe được chính họ nói. Khi ấy Toomai Nhỏ sẽ leo lên đầu một cây cột rào lung lay, mái tóc nâu cháy nắng của nó lỏa xỏa phủ kín vai, nó giống như yêu tinh trong ánh đuốc. Khi mọi thứ tạm lắng bạn có thể nghe tiếng hét lạnh lạnh của nó thúc giục Kala Nag, át cả tiếng rống và tiếng va chạm loảng xoảng, tiếng giật dây thừng, tiếng rên rỉ của những con voi bị cột. Nó hét: “*Mael, mael, Kala Nag! Dant do! Somalo! Somalo! Maro! Mar!* [Nào, nào, Rắn Đen! Đám nó! Cẩn thận! Cẩn thận! Đánh nó, đánh!] Coi chừng cây cột! *Arre! Arre! Hai! Yai! Kya-a-ah!*”, và trận đại chiến giữa Kala Nag với con voi rừng sẽ đảo điên khắp bãi rào. Rồi các ông bắt voi lão luyện sẽ lau mồ hôi trên mắt và tìm dịp để gật đầu khen Toomai Nhỏ đang ngo nguậy vui mừng trên đầu cột.

Nó làm nhiều hơn chứ không chỉ ngo nguậy. Một đêm nó trườn xuống khỏi cây cột, len vào giữa đàn voi và ném đầu dây bị tuột thong xuống đất cho người lùa voi đang cố bắt lấy chân một con voi nhỏ đang đá (thú nhỏ luôn gây rắc rối hơn thú đã trưởng thành). Kala Nag thấy nó, liền dùng vòi bắt nó đưa lên cho Toomai Lớn, ông tát nó ngay tại chỗ, rồi đặt nó lại lên đầu cọc.

Sáng hôm sau ông mắng nó một trận rồi nói: “Có đường voi lát gạch tốt với chỗ vại cái lều là không đủ hay sao mà con còn phải tự ý đi bắt voi, hả đồ nhóc vô dụng? Giờ thì bọn thợ săn ngu ngốc đó, ít lương hơn cha, đã kể cho Petersen Sahib⁽¹⁾ nghe rồi.” Toomai Nhỏ nghe thấy thế thì hoảng sợ. Nó không biết gì nhiều về người da trắng, nhưng Petersen Sahib là ông da trắng vĩ đại nhất thế giới đối với nó. Ông chỉ huy mọi hoạt động ở bãi rào - ông là người đã bắt tất cả voi cho chính phủ Ấn, và biết nhiều chuyện về voi hơn bất cứ ai còn sống.

Toomai Nhỏ nói: “Rồi... rồi sẽ có chuyện gì?”

“Chuyện gì! Chuyện tệ nhất chớ còn chuyện gì! Petersen Sahib là ông điên. Nếu không tại sao ông ta lại đi săn mấy con quý rừng này? Ông ta thậm chí có thể muốn con làm đứa bắt voi, ngủ bất kỳ nơi nào trong các khu rừng đầy bệnh sốt này, rồi rốt cuộc bị đập chết trong bãi rào. Cũng may mà cái trò ngu dại này kết thúc êm xuôi. Tuần sau bắt voi xong, dân đồng bằng mình được trả về căn cứ. Khi đó mình sẽ đi trên đường phẳng và quên hết chuyện săn bắt này. Nhưng, con à, cha giận vì con xen vào việc của bọn Dân Rừng Assam dơ dáy đó. Kala Nag sẽ không tuân lệnh ai trừ cha, vì vậy cha phải đi với nó vào bãi rào, nhưng nó chỉ là con voi chiến, nó không giúp trói voi. Vì vậy cha ngồi ung dung, đứng nhiệm vụ quản tượng; không phải thợ săn quèn mà là quản tượng, một người có hươu bông sau khi về hưu. Dòng họ Toomai Voi có phải sinh ra là để bị voi giày dưới đất ở bãi rào không? Đồ hư! Đồ xấu! Đồ con trai vô

dụng! Đi tắm cho Kala Nag đi, săn sóc hai tai nó, xem có gai trong bàn chân nó không, nếu không Petersen Sahib chắc chắn sẽ bắt con rồi biến con thành một tên thợ săn man rợ, một đứa theo dấu chân voi, một đứa thô lỗ rùng rú. *Hừ! Xấu hổ! Đi đi!*”

Toomai Nhỏ bỏ đi không nói một lời, nhưng trong khi xem xét chân voi nó kể cho Kala Nag mọi nỗi buồn phiền của nó. Toomai Nhỏ vừa nói vừa lật vành tai khổng lồ bên phải của Kala Nag. “Chả biết thế nào. Họ đã kể tên tao cho Petersen Sahib, có lẽ... có lẽ... có lẽ... ai mà biết? Ê! Tao nhỏ được cọng gai lớn nè!”

Vài ngày sau họ dạy đàn voi vào hàng ngũ, tập cho các con voi rừng mới bị bắt đi lên đi xuống giữa hai con voi đã thuần, để chúng khỏi gây rắc rối quá trên đường xuống đồng bằng, và kiểm kê xem có bao nhiêu chân, dây thừng và các thứ đã mòn hay mất trong rừng.

Petersen Sahib cười con voi cái Pudmini thông minh của ông tới. Ông đã trả công các trại khác trong vùng đồi, vì mùa săn bắt đã kết thúc. Một viên thư ký bản xứ ngồi ở bàn dưới gốc cây trả lương cho các ông cười voi. Từng người nhận tiền rồi trở lại với con voi của mình, và nhập vào hàng đang đứng sẵn chờ khởi hành. Thợ bắt, thợ săn và thợ lừa, những người tại bãi rào sống trong rừng năm này qua năm khác, ngồi trên lưng đàn voi thuộc về lực lượng biên chế của Petersen Sahib, hoặc dựa lưng vào gốc cây với khẩu súng vắt ngang cánh tay, trêu chọc bọn cười voi sắp ra đi, và cười ngặt nghẽo khi những con voi mới bắt bỏ hàng ngũ chạy lung tung.

Toomai Lớn tiến tới viên thư ký, Toomai Nhỏ phía sau ông, và Machua Appa, trưởng đội tìm dấu, nói nhỏ với một người bạn: “Ít nhất có một chút chất voi ra hồn ở kia kìa. Đáng tiếc là phải để con gà rừng nhỏ đó thay lông ở đồng bằng.”

Ồ, Petersen Sahib có tai thính lắm, người ta phải có đôi tai như thế mới nghe được loài thú im lặng nhất trong mọi loài sinh vật - voi rừng. Từ chỗ đang nằm dài trên lưng Pudmini, ông quay qua nói: “Cái gì vậy? Tôi chưa hề biết một ông đồng bằng cười voi nào đủ lanh lợi để trói ngay cả một con voi chết.”

“Không phải ông nào mà là một thằng nhỏ. Trong đợt lừa vừa rồi nó vô bãi rào, ném dây thừng cho Barmao, cái anh đằng kia kìa, lúc chúng tôi đang cố tách con voi có nhọt trên vai ra khỏi mẹ nó.”

Machua Appa chỉ Toomai Nhỏ, Petersen Sahib bèn nhìn, và Toomai Nhỏ cúi đầu chào sát đất.

Petersen Sahib nói: “Nó ném sợi thừng à? Nó nhỏ hơn cả cây đinh ghim mà. Nè nhóc, mày tên gì?”

Toomai Nhỏ sợ quá không nói nên lời, nhưng Kala Nag đang ở đằng sau nó, và Toomai lấy tay ra hiệu. Con voi dùng vòi quất nó, nhắc nó lên ngang trán Pudmini, trước mặt Petersen Sahib vĩ đại. Khi ấy Toomai Nhỏ lấy tay che mặt, vì nó chỉ là đứa con nít, cho nên ngoài chuyện voi ra thì nó cũng rụt rè như mọi đứa trẻ.

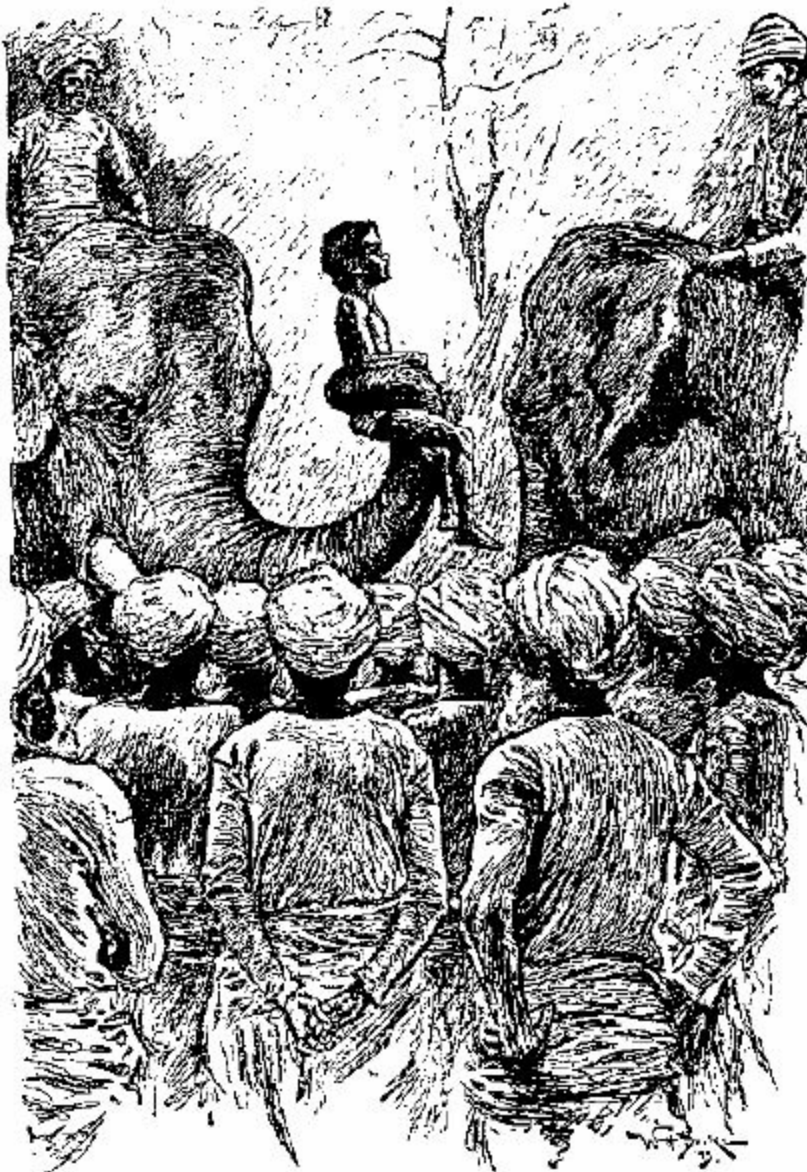
Petersen Sahib nói, mỉm cười sau bộ ria mép: “Ô hô! Tại sao mày dạy voi của mày cái mẹo vặt *đó*? Để giúp mày lấy trộm bắp non phơi khô trên mái nhà phải không?”

Toomai Nhỏ nói: “Không phải bắt non, thưa Đấng bảo vệ kẻ nghèo, mà là dừa,” và cả bọn người lớn đang ngồi quanh cười âm lên. Phần lớn họ đều dạy voi của họ mẹo vặt đó khi họ còn nhỏ. Toomai Nhỏ đang lơ lửng hai mét rưỡi trên không, nó tha thiết ước gì đó là hai mét rưỡi dưới mặt đất.

Toomai Lớn cau có nói: “Nó là Toomai, con trai tôi, thưa Sahib. Nó hư lắm, rất cuộc rồi nó sẽ vào tù thôi, thưa Sahib.”

Petersen Sahib nói: “Chuyện đó tôi còn ngờ. Một đứa con trai ở tuổi nó mà dám đối mặt với cả bãi rào thì lớn lên sẽ không vào tù đâu. Đây, nhóc tì, đây là bốn *anna* để mua kẹo, vì dưới bộ tóc lớn bồm xồm kia mày có cái đầu, dù nhỏ. Khi tới lúc mày cũng có thể trở thành thợ săn.” Toomai Lớn cau có hơn. Petersen Sahib nói tiếp: “Nhưng hãy nhớ bãi rào không phải là chỗ cho con nít chơi.”

Toomai Nhỏ há hốc miệng hỏi: “Cháu không bao giờ được đến đó sao, Sahib?”



Toomai Nhỏ nói: “Không phải bắt non, thưa Đấng bảo vệ kẻ nghèo, mà là dừa. ”

Petersen Sahib lại mỉm cười: “Ừ. Khi nào mày thấy voi múa đã thì mới đến lúc. Khi nào mày thấy voi múa thì tới ta, lúc đó ta sẽ cho mày vào tất cả bãi rào.”

Lại thêm một trận cười âm ỉ, vì đó là câu nói đùa cũ xưa của bọn bắt voi, nó có nghĩa là không bao giờ. Khuất trong rừng có các khu đất phẳng lớn quang đãng gọi là phòng múa của voi, nhưng người ta chỉ tình cờ tìm thấy những chỗ này, chứ chưa ai thấy voi múa bao giờ. Khi một người cười voi khoác lác về tài nghệ và lòng can đảm của hắn, những người cười voi khác thường nói: “Ông thấy voi múa hồi nào?”

Kala Nag đặt Toomai Nhỏ xuống, nó lại cúi chào sát đất rồi đi theo cha nó, và đưa đồng bạc bốn *anna* cho mẹ nó, bà đang cho em trai nó bú. Rồi họ cùng được đưa lên lưng Kala Nag, và đàn voi không ngừng khụt khịt, kêu the thé cuộn cuộn xuống đường đồi để về đồng bằng. Chuyến đi rất nhộn nhịp vì có đàn voi mới, chúng gây rắc rối ở mọi chỗ nước cạn, và cứ vài phút là người ta lại phải vỗ về hay đánh đòn.

Toomai Lớn hẳn học thúc Kala Nag, vì ông giận lắm, nhưng Toomai Nhỏ vui quá không nói nên lời. Petersen Sahib đã chú ý đến nó, và cho nó tiền, vì thế nó cảm thấy như anh binh nhì được gọi ra trước hàng quân và được chỉ huy trưởng khen ngợi.

Cuối cùng nó hỏi nhỏ mẹ nó: “Petersen Sahib nói múa voi nghĩa là gì?”

Toomai Lớn nghe được liền càu nhàu: “Nghĩa là con sẽ không bao giờ là một trong mấy đứa trâu núi săn thú đó. Ý ông ấy là *như vậy*. Ô, ông đằng trước ời, cái gì cản đường vậy?”

Một ông sắc tộc Assam cười voi, cách hai ba con phía trước, quay lại tức giận gọi: “Dem Kala Nag lên đánh con voi nhỏ của tôi cho nó biết nghe lời. Tại sao Petersen Sahib chọn ai không chọn lại đi chọn *tôi* xuống với đàn lừa ruộng lúa các ông chó? Toomai, đem con thú dữ của ông tới bên cạnh con voi của tôi, cho nó dùng ngà mà thúc. Thề với tất cả Thần Núi, đàn voi mới này bị ma ám rồi, hay là chúng đánh hơi được bạn chúng trong rừng.”

Kala Nag đánh vào sườn con voi mới làm cho nó phì phò thở hắt ra, trong khi Toomai Lớn nói: “Trong lần bắt gần đây nhất mình đã quét sạch voi hoang ở cả dãy đồi rồi. Tại ông cười nó bắt cần thôi. Tôi phải giữ trật tự cho cả đoàn à?”

Ông cười voi kia nói: “Nghe ông kìa! *Mình* đã quét sạch cả dãy đồi! Hô! Hô! Ông thông thái lắm, ông đồng bằng ời. Trừ những cái đầu đất chưa bao giờ thấy rừng, còn thì ai cũng biết là *bọn chúng* biết mùa lừa voi đã chấm dứt. Vì vậy tất cả voi rừng tôi nay sẽ... nhưng có gì tôi phải phí lời hay lẽ phải với một con rùa sông kia chó?”

Toomai Nhỏ gọi: “Chúng sẽ làm gì?”

“É, nhóc con. Mày đó hả? Ô, tao cho mày biết, vì mày có cái đầu tỉnh táo. Chúng sẽ múa, và tía mày đã quét *hết* voi trong *hết* các dãy đồi, vì vậy tối nay ông có nhiệm vụ phải buộc dây xích voi chặt gấp đôi.”

Toomai Lớn nói: “Nói năng cái gì vậy? Cha con chúng tôi chăn voi đã bốn chục năm nay, chúng tôi chưa hề nghe cái chuyện múa may vớ vẩn đó.”

“Ừ, nhưng dân đồng bằng sống trong chòi thì chỉ biết bốn vách chòi của mình thôi. Ôi dào, tối nay đừng xích mấy con voi, rồi hãy xem có chuyện gì. Còn chuyện bọn voi múa may, tôi đã

thấy cái chỗ... Ôi trời *bapree-bap* ơ! Sông Dihang có bao nhiêu khúc quanh vậy hả? Lại một chỗ nước cạn nữa, mình phải cho mấy con voi nhỏ bơi. Mấy người phía sau ngừng lại đi.”

Và cứ như thế, chuyện trò và cãi cọ và bì bõm qua các dòng sông, họ đi hết đoạn đường đầu tiên tới một chỗ gọi là trại tiếp nhận voi mới. Nhưng từ lâu trước khi họ đến đó thì họ đã đâm ra cáu kỉnh.

Khi ấy đàn voi bị xích hai chân sau vào những cây cọc lớn, voi mới còn bị buộc thêm dây thừng, rồi họ chắt đồng cỏ khô trước mặt chúng. Các ông quản tượng miền núi trở về với Petersen Sahib trong ánh chiều tà, dặn dân cưỡi voi đồng bằng tối hôm đó phải cẩn thận hơn, và khi dân cưỡi voi đồng bằng hỏi tại sao thì họ chỉ cười to.

Toomai Nhỏ lo bữa ăn tối cho Kala Nag, và khi đêm xuống, nó lang thang khắp trại tìm một cái trống cơm, vui sướng không nói nên lời. Khi tìm một đứa bé Ấn chan chứa nỗi niềm, nó không chạy quanh làm ồn theo kiểu bất thường. Nó ngồi xuống với một nỗi hoan lạc chỉ nó biết. Toomai Nhỏ đã được Petersen Sahib nói chuyện! Nếu nó không tìm thấy thứ nó muốn thì e rằng nó sẽ nổ tung ra mất. Nhưng người bán kẹo trong trại cho nó mượn cái trống cơm nhỏ - cái trống đánh bằng lòng bàn tay. Nó khoanh chân ngồi xuống trước Kala Nag khi tinh tú bắt đầu xuất hiện, chiếc trống cơm trong lòng nó, và nó vỗ, nó vỗ, nó vỗ, và càng nghĩ tới niềm vinh dự lớn mà nó đã được nhận, nó càng vỗ nhiều hơn, một mình giữa đồng cỏ cho voi ăn. Không giai điệu, không lời, nhưng tiếng vỗ làm nó hạnh phúc.

Thỉnh thoảng các con voi mới kéo căng dây thừng, rồi kêu the thé và gầm rống. Và nó nghe mẹ nó trong căn chòi của trại đang ru đứa em nhỏ của nó ngủ bằng bài ca xưa thật xưa về chuyện Thần Shiv, Mahadeo vĩ đại, có lần bảo cho muôn loài biết chúng nên ăn gì. Bài hát ru rất du dương, có đoạn đầu là:

*Ngày xa xưa Shiv ngồi bên ô cửa,
Gieo rắc mùa màng và thổi gió bay,
Chia thức ăn, công việc và phận số,
Cho từ ngai vua tới cổng ăn mày.
Đáng sáng tạo muôn loài - thần Shiva,
Mahadeo! Mahadeo! Đáng sáng tạo muôn loài
Cỏ khô cho trâu, bụi gai cho lạc đà,
Và tìm mẹ cho bé con yên giấc ngủ dài!*

Toomai Nhỏ hòa theo với tiếng tom-tom vui sướng ở cuối mỗi câu ca, đến khi nó cảm thấy buồn ngủ rồi duỗi dài trên đồng cỏ khô bên cạnh Kala Nag. Rốt cuộc đàn voi bắt đầu lần lượt nằm xuống theo thói quen của chúng, đến khi chỉ còn Kala Nag ở bên phải hàng là còn đứng. Nó lắc lư chậm chậm, tai nó vênh ra phía trước lắng nghe gió đêm thổi rất nhẹ qua dãy đồi. Không gian chan hòa tiếng đêm, cộng hưởng lại thành một khối tĩnh mịch bao la - tiếng tre lách cách cọ xát vào nhau, tiếng sột soạt của loài sinh vật nào đó trong bụi cây, tiếng chim

ngái ngủ lao xao và oang oác (loài chim thức đêm nhiều hơn chúng ta nghĩ), và tiếng nước đổ xa xăm. Toomai Nhỏ ngủ một giấc, rồi nó thức dậy dưới ánh trăng rực rỡ, còn Kala Nag vẫn đứng vênh tai. Toomai Nhỏ xoay mình sột soạt trong đồng cỏ, nhìn vòng lưng voi to lớn che nửa bầu trời sao. Và khi nó nhìn, nó nghe tiếng “tu-tu” của một con voi rừng từ rất xa, như một lỗ kim xuyên thủng bầu tĩnh mịch.

Tất cả voi trong hàng nhô lên như thể chúng bị bắn, cuối cùng tiếng ục ịch của chúng đánh thức các quần tượng ngái ngủ. Họ đi ra dùng những chiếc vỏ lớn đóng cọc trói xuống, siết lại sợi thừng này, buộc lại nút kia, đến khi tất cả yên tĩnh. Một con voi mới đã nhả gần hết cây cọc trói nó, khiến Toomai Lớn phải tháo xích chân Kala Nag rồi xiềng chân trước chân sau con voi đó vào nhau, nhưng chỉ luồn một vòng dây gai quanh chân Kala Nag và bảo nó hãy nhớ rằng nó bị buộc chặt. Ông biết trước kia ông cùng cha ông và ông nội ông cũng đã làm y như vậy hàng trăm lần. Kala Nag không tỏ ý nghe lệnh bằng tiếng kêu ục ục như nó vẫn làm. Nó đứng yên, nhìn qua ánh trăng, đầu nó hơi ngẩng, tai nó xòe ra như cái quạt hướng tới các khe lớn của vùng núi Garo.

Toomai Lớn dặn Toomai Nhỏ: “Nếu cả đêm nó thao thức bồn chồn thì trông chừng nó,” rồi ông vào chòi ngủ. Toomai Nhỏ cũng sắp thiếp ngủ thì chợt nghe sợi dây xơ dừa đứt nghe “phụt” một tiếng nhỏ, và Kala Nag lặn ra khỏi hàng cọc, chậm và im như cụm mây lặn ra khỏi miệng thung lũng. Toomai Nhỏ chân trần chạy lạch bạch theo nó xuống đường dưới ánh trăng, vừa chạy vừa gọi thầm: “Kala Nag! Kala Nag! Đem tao theo, Kala Nag ơi!”. Con voi quay lại, không một tiếng động, sải ba bước tới thẳng bé dưới ánh trăng, hạ vòi xuống nâng nó lên cổ mình, và Toomai Nhỏ chỉ vừa kịp bám vững hai đầu gối thì Kala Nag đã lén vào rừng.

Trong hàng voi có tiếng rống thịnh nộ, rồi tĩnh mịch phủ trùm lên vạn vật, và Kala Nag bắt đầu di chuyển. Đôi khi một bụi cỏ cao quệt vào hông nó như sóng vỗ mạn thuyền, đôi khi một lùm cây ớt rừng cào lưng nó, hay một cây tre kéo kẹt đựng vai nó. Nhưng ngoài những lúc ấy nó di chuyển tuyệt đối không gây tiếng động, lướt qua rừng rậm Garo như thể nó là khói. Nó đi lên đồi, và mặc dù Toomai Nhỏ có nhìn các chòm sao qua khe hở vòm cây, nó vẫn không xác định được con voi đang đi hướng nào.

Rồi Kala Nag lên tới đầu dốc và ngừng lại một phút, Toomai Nhỏ thấy hàng dặm hàng dặm ngọn cây rậm rạp lốm đốm lay động dưới ánh trăng, và sương mù xanh lơ trên dòng sông dưới lũng sâu. Toomai chồm tới nhìn, nó cảm thấy rừng thức dậy bên dưới nó - thức dậy, sinh động và tấp nập. Một con dơi nâu lớn thuộc loài ăn trái cây phớt qua tai nó, lông nhím sột soạt trong bụi rậm, và trong bóng đêm giữa các thân cây nó nghe tiếng gấu heo vừa gắng sức đào đất ẩm ướt vừa ngửi khụt khịt.

Rồi cành cây khép lại trên đầu nó lần nữa, Kala Nag bắt đầu xuống thung lũng - lần này không im lặng, mà như khẩu đại bác lồng lên đổ xuống bờ dốc - một hơi. Bốn chân đồ sộ cử động đều đặn như pít-tông, mỗi sải hai mét rưỡi, và làn da nhăn ở khuỷu chân kêu sột soạt. Bụi cây thấp hai bên nó rách toạc ra nghe như tiếng xé vải bạt, cành non mà vai nó gạt qua hai bên bật ngược lại đánh lên sườn nó, và những chùm lớn cây leo xoắn xuýt lủng lẳng trên cặp ngà khi nó lắc đầu qua lại để xẻ lối. Lúc ấy Toomai Nhỏ nằm sát xuống cái cổ lớn nếu không nhánh cây bật lại sẽ hất nó xuống đất, và nó ước gì con voi lại trở về hàng ngũ.

Cỏ bắt đầu nhào nhoẹt, chân Kala Nag bì bõm lép nhép mỗi lần đặt xuống, và sương đêm ở đáy thung lũng làm Toomai Nhỏ buốt lạnh. Có tiếng lồm bồm và bì bạch, tiếng nước cuốn nhanh, và Kala Nag sải bước qua lòng sông, dò dẫm từng bước. Ngoài tiếng nước xoáy quanh chân voi, Toomai Nhỏ còn nghe nhiều tiếng bì bõm và tiếng rống từ cả hai phía đầu lẫn cuối dòng - tiếng khụt khịt lớn và tiếng phì phì thịnh nộ, và sương mù quanh nó dường như đầy những bóng hình lắc lư cuộn cuộn.

“A!” nó kêu lên nho nhỏ, răng nó lập cập. “Tôi nay dân voi kéo nhau ra. Vậy đây là mùa đây!”

Kala Nag bì bõm lội ra khỏi dòng nước, phun cho sạch vòi, rồi lại bắt đầu leo lên, nhưng lần này nó không đi một mình, và nó không phải xẻ lối. Đường đi đã có, rộng hai mét trước mặt nó, nơi cỏ rừng bị đạp xuống đang cố tự hồi phục mà đứng lên lại. Chắc hẳn nhiều con voi đã đi lối ấy chỉ vài phút trước. Toomai Nhỏ ngoái lại, phía sau nó một con voi rừng to lớn có cặp mắt hí sáng rực như than hồng vừa nhô mình lên khỏi dòng sông mờ sương. Rồi cây cối khép lại lần nữa, và chúng tiếp tục đi lên, vừa rống vừa xô đẩy, và tiếng cành cây gãy tứ phía.

Cuối cùng Kala Nag đứng yên giữa hai thân cây ở tận đỉnh đồi. Hai cây này cùng trên một vòng cây mọc quanh một bãi đất trống hình dáng méo mó rộng độ ba bốn mẫu Anh⁽²⁾. Toomai Nhỏ thấy đất trong bãi trống ấy đã bị đạp cả xuống chặt như nền gạch. Vài cây mọc giữa khoảng trống ấy, nhưng vỏ cây đã bị chà mất, lớp gỗ trắng bên dưới vỏ sáng chói và bóng loáng dưới những mảng ánh trăng. Cây leo lơ lửng trên cành cao, các chùm hoa leo, các cụm lớn đầy phấn trắng trông như cây bìm bìm, 2 thông xuống ngủ say. Nhưng trong bãi trống không còn một lá cỏ - không còn gì ngoại trừ đất nện. Ánh trăng soi vạt vật xám lạnh, ngoại trừ nơi voi đứng, bóng của chúng đen như mực. Toomai Nhỏ nhìn, nín thở, mắt nó trợn trừng, và trong khi nó nhìn, càng lúc càng nhiều voi từ giữa các thân cây lắc lư tiến vào bãi đất trống. Toomai Nhỏ chỉ đếm được tới mười, và nó đếm đi đếm lại trên các ngón tay đến khi nó không nhớ bao nhiêu số mười, và đầu nó khởi sự quay cuồng. Nó nghe tiếng chúng đạp lên bụi cây bên ngoài khu đất trống để tiến lên sườn đồi, nhưng ngay khi bước vào vòng cây chúng liền di chuyển như những bóng ma.

Có những con voi đực hoang với cặp ngà trắng, các nếp nhăn trên cổ và kẽ tai chúng đầy những lá, hạt và cành rụng; những con voi cái mập, chậm chân, với lũ con nhỏ màu hồng sẫm hiếu động, cao chỉ hơn một thước chạy dưới bụng mẹ; những con voi trẻ rất hãnh diện với cặp ngà mới nhú; những con voi cái già cao lêu nghêu, khẳng khiu, mặt hốc hác, khắc khoải, vòi như vỏ cây sần sùi; những con voi đực già hung dữ, sọc dài từ vai tới hông vì các lần khứa và vết rách lớn từ những trận đánh nhau trong quá khứ, và đất đóng cứng từ những lần tắm bùn đơn độc rơi lả tả từng mảng khỏi vai chúng; và có một con gãy một ngà với những dấu xước dài, vết cào khùng khiếp của móng cạp bên hông nó. Chúng đứng chụm đầu, hoặc bước tới lui từng cặp trên bãi đất, hoặc lắc lư đong đưa một mình - hằng hà sa số voi.

Toomai biết miễn là nó nằm im trên cổ Kala Nag thì sẽ không có gì xảy ra với nó, vì ngay cả khi hơi hả chen lẫn trong lúc dồn voi ở bãi rào, voi rừng cũng không vươn vòi lên lôi một người ra khỏi cổ con voi đã thuần. Và tối hôm ấy đàn voi này không nghĩ đến người. Có một

lần chúng giật mình vênh tai ra phía trước khi nghe tiếng sắt buộc chân leng keng trong rừng, nhưng đó là Pudmini, con voi cưng của Petersen Sahib, dây xích của nó bị đứt ngang, nó đang khụt khịt càu nhàu leo lên sườn đồi. Nó hẳn đã phá gãy cọc và đến thẳng từ trại của Petersen Sahib. Rồi Toomai Nhỏ thấy một con voi khác, nó không biết con này, có vết thương hằn sâu trên lưng và ngực. Chắc hẳn nó cũng đã trốn khỏi một trại nào đó trong vùng đồi quanh đây.

Cuối cùng không còn tiếng voi đi trong rừng nữa, Kala Nag lắc lư tiến ra khỏi chỗ của nó giữa hai cây, đi vào giữa đàn, vừa khò khè vừa ùng ục, rồi cả đàn voi bắt đầu nói tiếng của chúng, và đi vòng quanh.

Vẫn nằm rạp, Toomai Nhỏ nhìn xuống hàng hà sa số tấm lưng rộng, những vành tai phe phẩy, những cái vòi vung vẩy, những con mắt nhỏ tròn tròn. Nó nghe tiếng ngà lách cách khi vô tình va chạm, tiếng vòi quần nhau sột soạt khô khan, tiếng cọ xát của những cái sườn và vai đồ sộ trong đám đông, tiếng *xít-xít* và tiếng tách tách không ngọt của những cái đuôi lớn. Rồi mây che khuất vầng trăng, và nó ngồi trong tối đen, nhưng tiếng xô đẩy, tiếng chen lấn, tiếng ục ục đều đều, lặng lẽ vẫn tiếp tục. Nó biết khắp xung quanh Kala Nag có đàn voi, và không có cách nào lúi Kala Nag ra khỏi cuộc hội này. Vì thế nó cắn răng run rẩy. Trong bãi rào ít nhất có ánh đuốc và tiếng la hét, nhưng ở đây nó hoàn toàn một mình trong bóng tối, và một lần một cái vòi giơ lên đung đầu gối nó.

Rồi một con voi rống lên, và tất cả rống theo trong năm hay mười giây kinh hoàng. Sương trên cây rơi xuống lộp độp như mưa rơi trên những tấm lưng vô hình, rồi tiếng ầm ầm trầm đục bắt đầu, không rất lớn như lần đầu, Toomai Nhỏ không thể nói đó là gì, nhưng càng lúc càng lớn, và Kala Nag giơ một chân trước lên rồi chân kia, rồi hạ hai chân xuống - một-hai, một-hai, đều đặn như nện búa máy. Đàn voi bây giờ cùng giậm chân như tiếng trống trận đập ở miệng hang. Sương trên cây rơi xuống đến khi không còn hạt nào, và tiếng ầm ầm tiếp diễn, mặt đất chao đảo và run rẩy, và Toomai Nhỏ lấy hai tay che tai để ngăn tiếng ồn. Nhưng tiếng chói tai inh ỏi xuyên qua nó - tiếng giậm của hàng trăm bàn chân nặng nề trên đất thô. Một đôi lần nó cảm thấy Kala Nag và cả đàn sải tới vài bước, và tiếng nện đổi thành tiếng những quả xanh mọng bị nghiền giập nát, nhưng trong một hay hai phút tiếng chân ầm ầm trên đất cứng lại bắt đầu. Một thân cây kéo kẹt rên rỉ đầu đó gần nó. Nó thò tay ra sờ vỏ cây, nhưng Kala Nag vẫn giậm chân tiến tới, và nó không thể nói nó đang ở đâu trong bãi đất trống. Đàn voi không nói, trừ một lần, khi hai ba con voi nhỏ the thé với nhau. Khi ấy nó nghe một tiếng thịch và tiếng xào xạc, rồi tiếng ầm ầm lại tiếp tục. Sự việc chắc hẳn kéo dài hai giờ đồng hồ, và Toomai Nhỏ đau nhức khắp gân cốt, nhưng nhờ hương đêm nó biết rằng bình minh sắp đến.

Ngày ló dạng thành một phiến vàng nhạt sau dãy đồi xanh, tiếng ầm ầm ngưng cùng với tia nắng đầu tiên, như thể ánh sáng là mệnh lệnh. Trước khi Toomai Nhỏ kịp hết tiếng ù trong đầu, thậm chí trước khi nó đổi thế nằm, nó đã không còn thấy con voi nào, trừ Kala Nag, Pudmini và con voi có vết thương hằn sâu, và không có một dấu hiệu hay tiếng sột soạt hay thì thảo nào dưới các triền đồi cho biết các con khác đi đâu. Toomai Nhỏ cứ nhìn đăm đăm. Bãi đất trống, như nó nhớ, đã rộng ra trong đêm. Ở giữa có nhiều cây hơn, nhưng bụi cây và cỏ rừng xung quanh đã lùi lại. Toomai Nhỏ nhìn đăm đăm một lần nữa. Bây giờ nó hiểu tiếng giậm chân. Đàn voi đã giậm rộng ra - giậm cho cỏ dày và cọng cây mọng nước thành bã, bã thành mảnh vụn, mảnh vụn thành sợi nhỏ, và sợi thành đất cứng.

“Ôi chà!” Toomai Nhỏ thốt lên, mắt nó nặng trĩu. “Kala Nag, trời ơi, mình theo Pudmini về trại của Petersen Sahib đi, nếu không tao sẽ ngã khỏi cổ mày mất.”

Con voi thứ ba nhìn chúng đi khuất, khụt khịt, xoay mình, rồi đi theo lối nó. Nó có thể thuộc về đội voi của một tiểu vương bản xứ nào đó, cách xa năm mươi hay sáu mươi hay một trăm dặm.

Hai giờ sau, khi Petersen Sahib đang ăn điểm tâm sớm, đàn voi của ông bắt đầu rống, chúng đã bị xích gấp đôi tối hôm ấy, và Pudmini lăm lem tới vai, cùng Kala Nag, chân nhức nhối, lê lét vào trại. Mặt Toomai Nhỏ xám quất, tóc nó đầy lá và đầm sương, nhưng nó cố chào Petersen Sahib, rồi yếu ớt kêu: “Múa... múa voi! Con đã thấy, và... con chết!”. Khi Kala Nag ngồi xuống, nó chết ngất trượt khỏi cổ voi.

Nhưng vì trẻ con bản xứ không có nỗi sợ nào đáng kể, nên chỉ hai giờ sau nó đã rất mãn nguyện nằm trên vồng của Petersen Sahib, gối đầu lên bộ áo sấn của Petersen Sahib, và trong bụng có một ly sữa ấm, một chút rượu, với một chút kỷ niệm. Trong khi các thợ săn già rậm râu, sứt sẹo của rừng ngồi xúm xít ba vòng phía trước, nhìn nó như thể nó là ma, nó kể câu chuyện của nó bằng những câu ngắn, như một đứa trẻ con, rồi kết luận:

“Nào, nếu con nói láo một chữ thì các bác cử người đi coi sẽ thấy đàn voi đã giẫm cho phòng múa của chúng rộng ra, và họ sẽ thấy mười rồi mười, rồi nhiều lần mười dấu chân dẫn tới phòng múa đó. Chúng dùng chân mở rộng chỗ ra. Con thấy. Kala Nag đưa con đi, con thấy. Chà, Kala Nag cũng mở chân lăm đó!”

Toomai Nhỏ nằm ngủ cả buổi chiều đến lúc trời nhá nhem. Trong khi nó ngủ, Petersen Sahib và Machua Appa theo dấu hai con voi suốt mười lăm dặm băng qua dãy đồi. Petersen Sahib đã có mười tám năm bắt voi, song từ trước đến nay ông chỉ một lần tìm thấy chỗ múa như thế. Machua Appa không cần nhìn kỹ bãi đất trống, hay chẳng cần gãi ngón chân lên mặt đất nện cứng cũng đủ biết chuyện gì đã xảy ra ở đó.

Ông nói: “Thằng nhỏ nói sự thật. Mọi thứ này xảy ra tối hôm qua, tôi đếm được bảy mươi dấu vết băng qua sông. Nhìn kia, Sahib, sợi xích chân Pudmini cắt vỏ cây đó kia! Ủ, nó cũng ở đây.”

Họ nhìn nhau, rồi nhìn lên nhìn xuống, và họ kinh ngạc. Vì cách thức của loài voi là ngoài tầm hiểu biết của bất kỳ ai, da đen hay da trắng.

Machua Appa nói: “Bốn mươi lăm năm nay tôi theo chúa của tôi, loài voi, nhưng tôi chưa bao giờ nghe có đứa nhỏ nào thấy điều thằng nhỏ này đã thấy. Thề với tất cả Thần Núi, thật là... chúng ta còn nói được gì?” rồi ông lắc đầu.

Vào khoảng giờ ăn tối thì họ về đến trại. Petersen Sahib ăn một mình trong lều, nhưng ông ra lệnh cả trại ngả hai con cừu và một số gà vịt, cũng như tăng gấp đôi khẩu phần bột mì, gạo và muối, vì ông biết sẽ có tiệc.

Toomai Lớn đã chạy vội từ trại ở đồng bằng tới tìm con trai và voi của ông. Bây giờ ông đã tìm thấy chúng, ông nhìn chúng như thể ông sợ cả hai. Bữa tiệc bên lửa trại sáng rực trước dãy voi buộc vào cọc, và Toomai Nhỏ là anh hùng của tất cả. Những ông da nâu to lớn bắt

voi, những ông theo dấu, những ông lừa voi, những ông buộc thừng, và những người biết mọi bí quyết thuần phục các con voi hoang dã nhất, tất cả lần lượt chuyển nó từ người này qua người kia, và họ dùng máu ức của con gà trống rừng mới giết điểm dấu lên trán nó, để cho thấy rằng nó là Dân Rừng, đã được khai tâm và được đến mọi khu rừng.

Cuối cùng, khi lửa tàn, ánh cùi đỏ khiến đàn voi trông như cũng đắm trong máu, Machua Appa, đầu lĩnh của tất cả quần tượng ở tất cả bãi rào - Machua Appa, cánh tay mặt của Petersen Sahib, một người suốt bốn mươi năm nay chưa bao giờ thấy một con đường làm sẵn: Machua Appa, con người vĩ đại đến nỗi không có cái tên nào khác hơn là Machua Appa - đứng bật dậy, nâng bổng Toomai Nhỏ lên trên đầu, hét lớn: “Nghe đây, các anh em. Cũng hãy nghe đây, các chúa tể của ta trong hàng ngũ ngoài đó, vì ta, Machua Appa, đang nói! Thằng bé này sẽ không được gọi là Toomai Nhỏ nữa, mà là Toomai Voi, như ông cố của nó được gọi trước kia. Điều người ta chưa bao giờ thấy thì nó đã thấy suốt đêm dài, và ân sủng của dân voi và của Thần Rừng ở cùng nó. Nó sẽ trở thành người theo dấu giỏi. Nó sẽ giỏi hơn ta, ngay cả ta, Machua Appa! Nó sẽ theo vết mới, vết cũ, và vết bị nhòa, bằng con mắt sáng! Nó sẽ không bị hại ở bãi rào khi nó chạy dưới bụng voi để buộc thừng các con voi rừng. Và nếu nó trượt ngã trước chân của con voi đực đang lao tới, thì con voi đực đó sẽ biết nó là ai và sẽ không nghiền nát nó. *Aihai!* các chúa tể trong dây xích của ta,” ông quay lên hàng cọc, “đây là đứa nhỏ đã thấy điệu múa của các ngài trong chốn bí mật của các ngài - cảnh chưa người nào thấy! Hãy vinh danh nó, hỡi các chúa tể của ta! *Salaam karo*, hỡi các con. Hãy chào Toomai Voi! Gunga Pershad, *ahaa!* Hira Guj, Birchi Guj, Kuttar Guj⁽³⁾, *ahaa!* Pudmini - người đã thấy nó ở buổi múa, và người nữa, Kala Nag, con voi yêu quý nhất của ta! *Ahaa!* Nào, tất cả! Cùng chúc mừng Toomai Voi. *Barrao!*”

Sau tiếng reo hoang dã cuối cùng ấy cả hàng voi tung cao vòi đến khi đầu vòi đụng trán, và rống lên lời chào cung kính nhất - tròng rống inh ỏi chỉ có Phó vương Ấn Độ⁽⁴⁾ mới được nghe, tiếng chào *salaamut* của bãi rào.

Nhưng tất cả là cho Toomai Nhỏ, nó đã thấy điều trước kia chưa người nào thấy - một mình nó với điệu múa của loài voi vào ban đêm ở giữa vùng đồi Garo!

Shiv và châu chấu

(BÀI HÁT RU CON CỦA MẸ TOOMAI)

Ngày xa xưa Shiv ngồi bên ô cửa,
Gieo rắc mùa màng và thổi gió bay,
Chia thức ăn, công việc, và phận số,
Cho từ ngai vua tới cổng ăn mày.

Đấng sáng tạo muôn loài - thần Shiva,

Mahadeo! Mahadeo! Đấng sáng tạo muôn loài

Cỏ khô cho trâu, và bụi gai cho lạc đà,

Và tìm mẹ cho bé con yên giấc ngủ dài!

Cho kẻ giàu lúa mì, kẻ nghèo hạt kê,
Cho thánh nhân đi khát thực bánh vụn;
Cho cọp con mồi, cho điều xác chết,
Cho sói đêm tinh ranh thịt xương sụn.
Vớì ngài chẳng ai cao đâu, chẳng ai thấp hết
Ngồi bên cạnh ngài và nhìn họ đến rồi đi,
Parbati định lừa chồng, biến Shiv thành hề
Bà giấu trong ngực con châu chấu nhỏ tí ti.

Parbati lừa ngài, thần Shiva.

Mahadeo! Mahadeo! Quay lại nhìn.

Lạc đà lênh khênh, trâu bò không nhẹ,

Nhưng Đứa Nhỏ Nhất là bé con của mẹ!

Parbati cười hỏi sau khi phát chán,
“Ông ơi, triệu cái miệng, miệng nào chưa ăn?”
Shiv cười trả lời, “Tất cả đã có phần,
Kể cả đứa nhỏ dưới ngực bà đắp chăn.”
Parbati, kẻ cắp, lòi trong ngực ra,
Thấy Đứa Nhỏ Nhất đang gặm lá non!
Thấy và sợ và lo, bèn cầu xin Shiva,
Đấng đã cho mọi sinh vật thức ăn ngon.

Đấng sáng tạo muôn loài - thần Shiva,

Mahadeo! Mahadeo! Đấng sáng tạo muôn loài

Cỏ khô cho trâu, và bụi gai cho lạc đà,

Và tìm mẹ cho bé con yên giấc ngủ dài!

Bầy tôi của Nữ hoàng

Bạn có thể giải bằng phân số hay giải bằng phương trình,

Nhưng cách của Giông-giống không phải là cách của Tìra-tựa.

Bạn có thể vắn, bạn có thể vẹo, bạn có thể cào,

Nhưng cách của Na-ná không phải là cách của Hao-hao!

Trời mưa tầm tã suốt một tháng - mưa trên doanh trại của ba chục ngàn người cùng hàng ngàn lạc đà, voi, ngựa, bò thiến và la, tất cả tập trung lại một chỗ gọi là Rawal Pindi, để Phó Vương Ấn Độ duyệt binh. Ông đang đón tiếp Amir xứ Afghanistan - một ông vua dữ dằn của một xứ rất dữ dằn. Amir đem theo một đoàn cận vệ tám trăm người và ngựa, họ cả đời chưa bao giờ thấy một trại binh hay một đầu máy xe lửa - họ là những người hoang dã và những con ngựa hoang dã từ một nơi xa xôi nào đó tận Trung Á. Mỗi đêm bầy ngựa này bảo đảm sẽ giật đứt dây buộc gót chân rồi chạy tán loạn khắp trại giẫm trên bùn trong bóng tối, hay các con lạc đà sẽ thoát ra mà chạy loanh quanh vấp phải dây lều té lăn kềnh, và ta có thể hình dung những người đang cố dỗ giấc ngủ sẽ hài lòng ra sao. Lều của tôi nằm xa dây lạc đà nên tôi cứ nghĩ mình an toàn. Nhưng một đêm kia một ông thò đầu vào hét lớn: “Ra nhanh! Chúng sắp đến! Lều tôi tiêu tùng rồi!”

Tôi biết “chúng” là ai, vì thế tôi xỏ đôi ủng, khoác tấm che mưa rồi hối hả lội ra bùn. Bé Vixen, con chó săn chồn của tôi, ra phía bên kia lều. Khi ấy có tiếng ầm ầm, tiếng phì phì và tiếng ùng ục, tôi thấy lều sụm xuống vì gãy cọc, và bắt đầu múa như con ma điên. Một con lạc đà lớ ngớ vô lều, và tuy ướt nhẹp và tức lộn ruột nhưng tôi không thể nhin cười. Rồi tôi bỏ chạy, vì tôi không biết bao nhiêu lạc đà có thể xông ra. Chẳng mấy chốc, vừa cày lê lét trong bùn tôi không còn thấy doanh trại nữa.

Cuối cùng tôi vấp ngã vào cây càng kéo súng, vì thế tôi biết mình đang ở đâu đó gần dây pháo binh nơi cất đại bác về ban đêm. Vì không muốn cày lê lét trong mưa phùn và bóng tối nữa, tôi đặt tấm che mưa lên trên nòng một khẩu súng, dựng chỗ trú tạm bằng hai ba cây thông nòng mà tôi tìm thấy được, rồi nằm dọc theo cây càng kéo một khẩu súng khác, tự hỏi Vixen đã chạy đi đâu và tôi đang ở đâu.

Lúc sắp sửa ngủ tôi nghe tiếng dây cương leng keng và tiếng hậm hực, rồi một con la đi ngang lắc lắc cặp tai ướt. Nó thuộc đội súng cối, vì tôi nghe tiếng lách cách của dây đai, của khoen và xích và đủ thứ trên yên của nó. Súng cối là khẩu pháo nhỏ gọn, gồm hai mảnh vắn lại với nhau khi cần dùng. Súng được đem lên núi, bất kỳ chỗ nào con la có thể tìm được đường, và rất hữu dụng trong chiến trận ở vùng núi.

Phía sau con la là con lạc đà, bàn chân to mềm của nó lép nhép trượt trong bùn, cổ nó gục gặc như gà mái đẻ đi lạc. May mắn thay, nhờ học dân bản xứ, tôi biết khá đủ tiếng thú vật - dĩ nhiên không phải tiếng thú rừng, mà là tiếng thú trong doanh trại - để biết nó đang nói gì. Nó hẳn là con lạc đà chui vào lều tôi, vì nó gọi con la: “Tôi phải làm gì? Tôi phải làm gì? Tôi đã

đánh nhau với một vật trắng vùng vẫy, nó lấy gậy đánh vô cổ tôi.” (Đó là cây cọc lều bị gãy của tôi, và tôi rất hân hạnh được biết chuyện này). “Mình chạy tiếp chứ?”

Con la nói: “Ồ, mày đó à, mày với tụi bạn mày làm rối loạn doanh trại đó hả? Được rồi. Sáng mai tụi mày sẽ ăn đòn vì vụ này, nhưng ngay bây giờ tao cũng nên tính sổ với mày.”

Tôi nghe tiếng dây cương leng keng khi con la lùi lại đá con lạc đà hai cú vào sườn kêu vang như trống. Nó nói: “Lần khác mày sẽ biết là đừng chạy xuyên qua khẩu đội la vào ban đêm mà hét ‘Trộm, cháy!’ Ngồi xuống, giữ yên cái cổ ngó ngắn của mày.”

Con lạc đà gập đôi người lại kiêu lạc đà, như cây thước hai cẳng, rồi ngồi xuống rên rỉ. Trong bóng tối có tiếng móng đều đều, và một con ngựa to lớn của kỵ binh đi nước kiệu đến, nhịp nhàng như thể nó đang diễn binh, nhảy qua một cẳng kéo súng rồi đáp xuống gần con la.

Nó xì mũi nói: “Nhục nhã. Tụi lạc đà lại qua dãy bên tao làm ồn - lần thứ ba trong tuần này rồi. Đến ngủ cũng không được ngủ thì làm sao mà một con ngựa như tao giữ sức khỏe được chứ? Ai đây?”

Con la nói: “Tao là con la chở bệ súng của khẩu số hai trong Đội Súng cối Số một, còn đứa kia là một trong mấy đứa bạn của mày. Nó cũng đánh thức cả tao nữa. Mày là ai?”

“Số Mười lăm, Đội E, Ngọn giáo thứ chín, ngựa của Dick Cunliffe. Tránh qua một chút coi, đằng ấy.”

Con la nói: “Ồ, xin lỗi. Tôi quá thấy không rõ. Bọn lạc đà này tởm bỏ xừ đi có đúng không nào? Tao bỏ hàng ngũ để có chút bình an và yên tĩnh ở đây.”

Lạc đà khúm núm: “Trời ơi, ban đêm bọn tôi gặp ác mộng, bọn tôi sợ quá. Tôi chỉ là lạc đà khuôn vác của Trung đoàn bộ binh bản xứ số 39, tôi không gan dạ như các ông, trời ơi.”

Con la nói: “Vậy thì hơi ơ, sao mày không ở lại khiêng đồ cho Trung đoàn bộ binh bản xứ số 39 mà cứ chạy khắp trại?”

Lạc đà nói: “Ác mộng dễ sợ lắm. Tôi xin lỗi. Nghe kìa! Cái gì đó? Mình có nên chạy nữa không?”

Con la nói: “Ngồi xuống, nếu không mày sẽ vướng mấy khẩu súng mà gãy bộ giò cây sậy của mày liền.” Nó vênh một tai lắng nghe, rồi nói: “Bò thiên! Bò thiên kéo súng. Tao thề là mày với các bạn mày đã đánh thức không sót một ai trong trại. Phải kinh động lắm thì mới dựng dậy nổi một con bò thiên kéo súng.”

Tôi nghe tiếng dây xích kéo lê trên mặt đất, rồi hai con bò đực trắng đồ sộ làm lì cùng đeo một bộ ách sánh vai bước đến - chúng là bò kéo đại bác phá thành khi voi không chịu tới gần trận địa pháo hơn nữa. Và rồi một con la chở súng cối khác suýt đạp lên dây xích, nó gọi loạn xạ tìm “Billy.”

Con la già nói với ngựa kỵ binh: “Đó là một đứa mới tuyển của tụi tao. Nó gọi tao đó. Đây, nhóc tì, đừng réo nữa. Bóng tối chưa bao giờ hại ai mà.”

Cặp bò kéo súng cùng nằm xuống và bắt đầu nhai lại, nhưng con la trề rúc sát vào Billy.

Nó nói: “Nhiều thứ! Nhiều thứ dễ sợ, kinh khủng, Billy! Họ tới đây mình giữa lúc mình

ngủ. Ông nghĩ họ có giết mình hông?”

Billy nói: “Tao rất muốn cho mày cái đá nhớ đời. Hình ảnh con la thứ mười bốn được huấn luyện như mày làm mất thể diện pháo đội ta trước mặt ông lịch lãm này!”

Ngựa kỵ binh nói: “Từ từ, từ từ! Lúc đầu ai cũng như vậy. Lần đầu tiên tao gặp người, hồi đó tao ba tuổi, đang ở Úc, tao chạy cả nửa ngày, nếu lần đó tao gặp lạc đà thì chắc tao vẫn còn chạy.”

Hầu hết bảy ngựa kỵ binh Anh của chúng tôi được đưa từ Úc tới Ấn Độ, và được lính kỵ binh tự thuần hóa.

Billy nói: “Đúng vậy. Đừng run nữa, nhóc tì. Lần đầu tiên họ buộc đầy đủ yên cương với dây xích trên lưng tao, tao chống đít đá văng hết. Hồi đó tao chưa biết đá đúng kỹ thuật, nhưng pháo đội nói họ chưa bao giờ thấy cú nào như vậy.”

Con la trẻ nói: “Nhưng cái này không phải dây cương hay cái gì leng keng. Ông cũng biết bây giờ tui phớt lờ thứ đó rồi, Billy. Nó là Vật như cây cối, nó đổ tùm lum xuống hàng ngũ rồi sủi bong bóng, rồi dây tròng đầu của tui đứt, rồi tui không tìm thấy cái ông dắt tui, rồi tui không tìm thấy ông, Billy, vì vậy tui bỏ chạy với... với quý vị lịch lãm này.”

Billy nói: “Hừm! Khi tao nghe bọn lạc đà xổng dây, tao tự ý bỏ đi, êm re. Khi một con la chở súng cối gọi mấy con bò kéo súng là quý vị lịch lãm thì nó ắt phải run lắm rồi. Anh bạn nào ngoài đó vậy?”

Hai con bò kéo súng nhôm nhồm nhai lại, và cùng trả lời: “Ách thứ bảy của khẩu thứ nhất trong Pháo đội Đại bác. Tụi tao đang ngủ thì lạc đà tới, nhưng khi bị đập thì tụi tao đứng dậy bỏ đi. Thà nằm yên trong bùn còn hơn là bị quấy rầy trên nệm êm. Tụi tao nói với đứa bạn này của mày là chẳng có gì mà sợ, nhưng nó biết nhiều quá tới nỗi nó nghĩ lung tung. Ôi cha!”

Họ tiếp tục nhai.

Billy nói: “Sợ thì nghĩ ngợi lung tung. Mày bị bò kéo súng họ cười cho. Tao hy vọng mày khoái chí, nhóc tì.”

Rằng con la trẻ đập lách cách, tôi nghe nó nói loáng thoáng là nó không sợ bất kỳ con bò thiên già cơ bắp lực lưỡng nào trên thế giới, nhưng hai con bò chỉ cạ sừng nhau rồi tiếp tục nhai.

Ngựa kỵ binh nói: “Nào, đừng tức giận *sau khi* mày sợ. Như vậy là hèn nhất thậm tệ nhất. *Tao* nghĩ bất cứ ai nhìn thấy những thứ họ không hiểu là gì vào ban đêm mà hoảng sợ thì đều có thể tha thứ được hết. Tụi tao đã bút cọc nhiều lần, bốn trăm năm chục đứa tụi tao, chỉ vì một đứa mới tuyển kể chuyện rần rít ở quê Úc, cho đến khi tụi tao thấy mấy đầu dây cương lòng thòng mà cũng sợ muốn chết.”

Billy nói: “Trong trại chuyện đó xảy ra hoài. Chính tao cũng không khỏi có lúc chạy tán loạn, cho vui, khi tao đã một hai ngày không ra ngoài. Nhưng mày làm gì trong quân ngũ?”

Ngựa kỵ binh nói: “Ồ, đó lại là chuyện khác. Dick Cunliffe ngồi trên lưng tao, thúc đầu gối vô tao, và tao chỉ phải ngó kỹ chỗ mình đặt chân, giữ cho chân sau của tao luôn ở dưới

thân mình, và hiểu sợi dây cương.”

Con la trẻ hỏi: “Hiểu sợi dây cương là cái gì?”

Ngựa kỵ binh khịt mũi: “Chuột túi Miệt Dưới ơi⁽¹⁾, mày nói là mày không được học để hiểu sợi dây cương trong công việc của mày sao hả? Mày làm được cái gì, nếu mày không xoay mình liên khi dây cương ép vô cổ mày? Mạng sống của người điều khiển mày tùy thuộc vô đó, và tất nhiên cả mạng sống của mày nữa. Ngay khi cảm thấy sợi dây cương ép vào cổ mày là mày phải xoay mình trên cẳng sau liền. Nếu không có chỗ để xoay thì chồm lên một chút rồi xoay mình trên cẳng sau. Hiểu sợi dây cương là như vậy.”

Billy lãnh đạm nói: “Tụi tao không được học kiểu đó. Tụi tao học biết nghe lời người đứng trước đầu tụi tao: bước ra khi ổng nói bước ra, bước vô khi ổng nói bước vô. Tao đoán là cũng giống nhau thôi. Ê, ngoài ba cái chuyện làm kiểng với chồm lên ấy, nó chắc không tốt cho khuỷu chân sau của mày, thì thực ra mày *làm* cái gì?”

Ngựa kỵ binh nói: “Còn tùy. Nói chung là tao phải chạy vô giữa một đám người rậm râu hò hét cầm dao - mấy con dao dài sáng loáng, tẹ hơn dao của ông gọt móng - và tao phải coi chừng ủng của Dick sao cho nó chỉ vừa chạm ủng của ông bên cạnh mà không lấn nó. Nếu tao có thể thấy ngọn giáo của Dick bên phải con mắt phải tao thì tao biết là tao an toàn. Tao không nên lo cho cái gã hay con ngựa đánh nhau với Dick và tao khi tụi tao đang hỏi hả.”

Con la trẻ hỏi: “Dao kiếm có làm mình bị thương không?”

“Ồ, một lần tao bị chém ngang ngực, nhưng không phải lỗi của Dick...”

Con la trẻ nói: “Nếu bị thương thì tui rất muốn biết coi là lỗi của ai!”

Ngựa kỵ binh nói: “Mày phải biết. Nếu mày không tin người cưỡi mày thì mày rất có thể bỏ chạy lập tức. Một số ngựa tụi tao bỏ chạy, tao không trách tụi nó. Như tao vừa nói, không phải lỗi của Dick. Gã đó nằm trên mặt đất, tao vươn tới để khỏi đập lên hấn, thế là hấn chém lên trúng tao. Lần sau nếu tao phải phóng qua một người đang nằm thì tao sẽ đập hấn, đập thật mạnh.”

Billy nói: “Hừm! Nghe thiệt là đại dột. Dao kiếm lúc nào cũng là thứ dơ bẩn. Việc làm thích hợp là leo lên núi với bộ yên cương thật thẳng bằng, bám riết bốn cẳng và cả lỗ tai nữa, rồi bò rồi trườn rồi luồn lách, tới khi mày lên cao hơn mọi người ba chục thước, trên cái gờ chỉ vừa đủ chỗ cho bốn móng của mày thôi. Rồi mày đứng yên im lặng - đừng bao giờ yêu cầu người ta ôm đầu mày, nhóc tì - im lặng trong khi họ ráp súng lại, rồi thì mày ngắm cái cảnh mấy viên đạn nhỏ lớp lớp rớt xuống ngọn cây tuốt dưới kia.”

Ngựa kỵ binh hỏi: “Mày không bao giờ bị trượt chân à?”

Billy nói: “Họ nói khi con la trượt chân thì mày có thể xẻ tai gà. Thịnh thoảng *có lẽ* một bộ yên buộc không đúng sẽ làm la bị ngã, nhưng rất ít khi. Ước gì tao có thể cho mày thấy công việc của tao. Tuyệt vời. Chà, phải mất ba năm trời tao mới hiểu người ta muốn làm chuyện gì. Cái bí quyết của việc này là đừng bao giờ lộ mình ra trên nền trời, vì nếu lộ ra thì mày có thể bị bắn. Nhớ đó, nhóc tì. Luôn luôn núp hết sức kỹ, ngay cả nếu mày phải đi thêm một dặm. Khi nào cần leo trèo kiểu đó thì chính tao dẫn dắt pháo đội.”

Ngựa kỵ binh trầm ngâm suy nghĩ và nói: “Bị bắn mà không có cơ hội xông tới kẻ đang bắn! Cái đó tao không chịu được. Tao muốn tấn công - cùng với Dick.”

“Ồ không, không được đâu. Mà biết là ngay khi súng vào vị trí thì chuyện nạp đạn *họ* sẽ lo hết. Như vậy là khoa học và gọn gàng. Còn dao kiếm thì - *hừ!*”

Lạc đà khuôn vác cứ gật gật gù gù từ nãy giờ, nồn nóng muốn xen vào. Rồi tôi nghe nó nói, nó hăng giọng, vẻ lo lắng:

“Tôi... tôi... tôi đã có lần đánh nhau sơ sơ, nhưng không giống kiểu leo trèo hay chạy đó.”

Billy nói: “Không giống. Bây giờ mà nhắc tao mới nói, coi bộ mà hông có tạng leo hay chạy... nhiều. Ôi dào, mà làm thế nào hả Đụn Cỏ mọc?”

Lạc đà nói: “Làm đúng cách. Tụi tôi cùng ngồi xuống...”

Ngựa kỵ binh thì thầm: “Ồ, dây buộc đuôi với đai ngực ới⁽²⁾! Ngồi xuống hả!”

Lạc đà nói tiếp: “Tụi tôi ngồi xuống, một trăm đũa, thành hình vuông lớn, rồi người ta chắt đồng *kajawah* [thúng], hành lý và yên cương của tụi tôi bên ngoài hình vuông, rồi họ bắn qua lưng tụi tôi, người ta bắn, trên bốn phía của hình vuông.”

Ngựa kỵ binh nói: “Người loại nào? Bất kỳ người nào ở đó hả? Trong trường cưới ngựa họ dạy tụi tao nằm xuống để chủ tụi tao bắn qua tụi tao, nhưng Dick Cunliffe là người duy nhất tao tin tưởng để làm chuyện đó. Nó làm ngựa ngứa đai yên của tao, ngoài ra đầu tao cúi sát mặt đất làm tao không thấy được gì.”

Lạc đà nói: “Ai bắn qua mình thì có hề hấn gì? Bên cạnh có nhiều người với nhiều lạc đà khác lắm, và khói thì nhiều lắm. Khi đó tôi không sợ. Tôi cứ ngồi yên chờ.”

Billy nói: “Vậy mà ban đêm tụi mày gặp ác mộng rồi quậy cả doanh trại. Ôi dào dào! Trước khi tao nằm xuống, đừng nói là ngồi, để cho một người bắn qua tao, thì gót chân tao đã phải nói chuyện với đầu hấn rồi. Mà có bao giờ nghe cái gì dễ sợ như vậy chưa?”

Im lặng một lúc lâu, rồi một trong hai con bò kéo súng góc cái đầu bự lên nói: “Thiệt là hết sức đại dột. Chỉ có một cách chiến đấu thôi.”

Billy nói: “Ồ, nói đi. *Làm ơn* đừng để ý tới tôi. Tôi đoán hai ông bạn đứng trên đuôi để chiến đấu, đúng không?”

Hai con bò cùng nói (chắc chúng sinh đôi): “Chỉ có một cách. Đó là cách này. Buộc hết hai chục cái ách của tụi tao vô khẩu đại bác ngay sau khi Hai Đuôi rống.” (“Hai Đuôi” là tiếng lóng trong trại để chỉ con voi)

Con la trẻ hỏi: “Hai Đuôi rống để làm gì?”

“Để cho biết là nó sẽ không đến gần thêm cái chỗ có khói phía bên kia nữa. Hai Đuôi là tên hèn nhát khổng lồ. Khi đó tụi tao cùng kéo cây đại bác - *Heya-Hullah! Heeyah! Hullah!* Ai chớ *tụi tao* thì không leo như mèo hay chạy như nhé. Tụi tao băng qua đất bằng, hai chục ách bò, đến khi tụi tao lại được cỡi ách, rồi tụi tao ăn cỏ trong lúc mấy cây đại bác nói chuyện với một thị trấn nào đó có tường bằng bùn ở bên kia cánh đồng, rồi tường đổ từng

mảng, và bụi bốc lên giống như khi trâu bò lũ lượt về chuồng.”

Con la trẻ hỏi: “Ồ! Vậy mà mấy ông chọn lúc đó để ăn hả?”

“Lúc đó hay bất kỳ lúc nào. Ăn lúc nào cũng tốt. Tụi tao ăn đến khi tụi tao lại đeo ách rồi kéo cây súng ngược về chỗ Hai Đuôi đang đợi. Đôi khi đại bác trong thành trả lời, một số đũa trong bọn tao chết, khi đó đám còn lại càng có nhiều cở hơn. Số phận mà. Số phận thôi mà. Dù vậy, Hai Đuôi là tên hèn nhất khổng lồ. Đó là cách chiến đấu đúng. Tụi tao là anh em quê ở Hapur. Cha tụi tao là bò thiêng của thần Shiva. Tụi tao nói xong rồi.”

Ngựa kỵ binh nói: “Ồi dào, tối nay chắc hẳn tao học được vài điều. Quý vị đội súng cối có cảm thấy muốn ăn khi quý vị bị đại bác bắn và Hai Đuôi ở phía sau quý vị hay không?”

Billy nói: “Cũng muốn bằng cớ tụi tao muốn ngồi xuống để người ta bò lên trên tụi tao, hay chạy thẳng vô đám mây người cầm dao. Tao chưa bao giờ nghe mấy chuyện như vậy. Một gờ núi, một kiện hành lý buộc thẳng bằng, một người dắt đáng tin để mày tự chọn lối đi của mày, được vậy thì tao là con la của mày. Nhưng khác như vậy hả, không!”. Nó giậm chân một cái.

Ngựa kỵ binh nói: “Dĩ nhiên, chẳng ai được tạo ra cùng một kiểu, tao có thể thấy khá rõ là gia đình mày, bên họ nội, sẽ không hiểu rất nhiều thứ.”

Billy tức giận nói: “Đừng bao giờ nhắc tới gia đình tao bên họ nội,” vì mọi con la đều ghét bị nhắc tới cha nó là một con lừa. “Cha tao là một ông quý phái miền Nam⁽³⁾, ông có thể quật ngã rồi cắn rồi đá bầm dập bất cứ con ngựa nào ông gặp. Nhớ đó, đồ Brumby nâu to xác!”

Brumby nghĩa là ngựa hoang vô giáo dục. Thử tưởng tượng xem một con ngựa nòi có cảm nghĩ gì khi nghe một con ngựa cu li kéo xe gọi nó là “đồ lộn giống”, rồi thì bạn có thể hình dung con ngựa Úc cảm thấy thế nào. Tôi thấy trông trắng mắt nó lấp lánh trong bóng đêm.

Nó nghiêng răng nói: “Coi nè, đồ dòng dõi lừa nhập cảng từ Malaga, tao cho mày biết dòng dõi bên mẹ tao là Carbine, thắng giải Melbourne⁽⁴⁾, và ở đất quê tao tụi tao không quen bị chà đạp bởi bất kỳ con la miệng kết đầu lợn nào trong đội bắn ông xì đồng con nít. Mày sẵn sàng chưa?”

Billy the thé: “Mày chồm lên đi!” Chúng chồm lên đối diện nhau, và tôi trông đợi một trận đánh dữ dội. Nhưng rồi một giọng ừng ực, rồn rảng từ bóng tối phía bên phải gọi: “Ê các con, tụi mày đánh nhau vì cái gì đó? Im đi.”

Cả hai con thú dụi xuống với một tiếng khịt cằm phần, vì cả ngựa lẫn la nghe tiếng voi đều không chịu nổi.

Ngựa kỵ binh nói: “Hai Đuôi đó! Tao chịu không nổi nó. Mỗi phía một đuôi là không công bằng!”

Billy nói hòa với ngựa kỵ binh cho có bạn: “Tao cũng nghĩ y như vậy. Mình rất giống nhau ở một số điểm.”

Ngựa kỵ binh nói: “Tao chắc mình cùng thừa hưởng từ bên mẹ. Không đáng cãi nhau.

Chào Hai Đuôi, mày bị trói hả?”

Hai Đuôi nói, phì cười ra đầu vòi: “Ừ. Ban đêm tao bị trói vô cọc. Tao đã nghe chuyện tụi mày vừa nói. Nhưng đừng sợ. Tao không qua bên đó đâu.”

Cặp bò thiên và con lạc đà nói, thấp giọng: “Sợ Hai Đuôi hả, chuyện tào lao!” Rồi cặp bò nói tiếp: “Tụi tao tiếc là mày đã nghe, nhưng sự thực là vậy. Hai Đuôi nè, tại sao mày sợ mấy cây súng khi nó nổ?”

Hai Đuôi nói: “Ồ,” nó gãi một chân sau lên chân kia, y như đứa nhỏ đang ngâm thơ, “Tao không chắc tụi mày có hiểu không.”

Cặp bò nói: “Tụi tao không hiểu, nhưng tụi tao phải kéo súng.”

“Tao biết, tao biết tụi mày can đảm hơn tụi mày nghĩ nhiều. Nhưng với tao thì khác. Ông đại úy pháo đội của tao bữa nọ gọi tao là Da Dày Lỗi Thời.”

Billy nói: “Tao đoán đó là một kiểu chiến đấu khác hả?” Nó đã lấy lại tinh thần.

“Dĩ nhiên *tụi mày* không hiểu, nhưng tao hiểu. Nó nghĩa là lỗ cà lỗ cõ, mà tao thì đúng như vậy. Tao có thể thấy trong đầu tao chuyện gì sẽ xảy ra khi một viên đạn nổ, còn trâu bò tụi mày không thấy.”

Ngựa kỵ binh nói: “Tao thấy. Ít nhất thấy chút đỉnh. Tao cố không nghĩ tới nó.”

“Tao có thể thấy nhiều hơn mày, và tao *có* nghĩ tới nó. Tao biết tao có nhiều thứ để lo, và tao biết là không ai biết cách chữa cho tao khi tao ốm đau. Điều họ làm chỉ là ngưng trả lương cái ông cưỡi tao cho đến khi tao khỏe, và ông cưỡi tao thì tao không thể tin được.”

Ngựa kỵ binh nói: “À ra vậy! Tao có thể tin Dick.”

“Mày có đặt cả trung đoàn Dick lên lưng tao cũng không làm tao cảm thấy yên tâm hơn. Tao biết vừa đủ để không yên tâm, và không đủ để dù vậy vẫn cứ tiếp tục.”

Hai con bò nói: “Tụi tao không hiểu.”

“Tao biết tụi mày không hiểu. Tao không nói với tụi mày. Tụi mày không biết máu là gì.”

Hai con bò nói: “Tụi tao biết. Nó là cái thứ màu đỏ ngấm xuống đất và có mùi hôi.”

Ngựa kỵ binh đá một cái, nhảy một cái và khịt mũi một cái.

Nó nói: “Đừng nói tới nó. Chỉ cần nghĩ tới là tao có thể ngủ thấy nó. Nó làm tao muốn chạy - khi tao không có Dick trên lưng.”

Lạc đà và cặp bò nói: “Nhưng ở đây không có máu. Tại sao mày ngu vậy?”

Billy nói: “Nó là cái thứ rất gớm. Tao không muốn chạy, nhưng tao không muốn nói tới nó.”

“Mày biết đó!” Hai Đuôi vừa nói vừa vẩy đuôi giải thích.

Cặp bò nói: “Nhất định rồi. Ừ, tụi tao đã ở đây cả đêm mà.”

Hai Đuôi giậm chân đến khi vòng sắt đeo chân kêu leng keng. “Ồ, tao không nói với *tụi mày*. Tụi mày không thấy được trong đầu tụi mày.”

Cặp bò nói: “Nè nè. Tụi tao thấy bằng bốn con mắt của tụi tao. Tụi tao thấy thẳng trước mặt.”

“Nếu tao có thể làm *như vậy* rồi thôi thì mày khỏi cần kéo đại bác nữa. Nếu tao mà như ông đại úy của tao - ông có thể thấy nhiều thứ trong đầu ông trước khi bắn, và ông rung toàn thân, nhưng ông biết quá nhiều nên không thể bỏ chạy - nếu tao như ông thì tao có thể kéo súng. Nhưng nếu tao thông thái cỡ đó thì tao sẽ không bao giờ ở đây. Tao sẽ là vua trong rừng, như hồi xưa, ngủ nửa ngày rồi tắm khi nào tao thích. Cả tháng nay rồi tao có được tắm đàng hoàng lần nào đâu.”

Billy nói: “Hay lắm lắm. Nhưng kẻ lể dài dòng cũng không làm sự việc rõ hơn chút nào.”

Ngựa kỵ binh nói: “*Hsh!* Tao nghĩ tao hiểu Hai Đuôi nói gì.”

Hai Đuôi tức giận nói: “Một phút nữa tụi mày sẽ hiểu hơn. Bây giờ tụi mày thử giải thích cho tao tại sao tụi mày không thích *như vậy!*”

Nó bắt đầu lấy hết sức rống đầy thịnh nộ.

Billy và ngựa kỵ binh cùng nói: “Ngừng lại!”. Tôi có thể nghe chúng giậm chân và rùng mình. Tiếng voi rống luôn luôn khó chịu, nhất là vào một đêm tối trời.

Hai Đuôi nói: “Tao không ngừng. Tụi mày giải thích giùm đi, làm ơn đi mà? *Hhrrmph! Rrrrt! Rrrmph! Rrrhha!*” Rồi nó thỉnh thoảng ngưng bật. Khi ấy tôi nghe tiếng ư ử nhỏ trong bóng tối, thế là tôi biết rằng rốt cuộc Vixen đã tìm thấy tôi. Nó biết rõ như tôi rằng nếu có điều gì trên thế gian làm voi sợ nhất thì đó là sợ một con chó nhỏ sủa. Vì thế nó hay ngừng lại để bắt nạt Hai Đuôi ở chỗ cọc trời, cứ ăng ăng sủa quanh bàn chân voi không lờ. Hai Đuôi cựa quậy kêu the thé: “Cút đi, đồ chó con! Đừng hít hà cổ chân tao, nếu không tao đá mày đó. Cún giỏi, cún đẹp ời, nào! Về nhà đi, đồ oắt con ăng ăng kia! Ồ, tại sao không ai bắt nó đi vậy? Nó sắp cắn tôi bây giờ.”

Billy nói với ngựa kỵ binh: “Hình như tao thấy ông bạn Hai Đuôi của mình sợ đủ thứ. Ôi dào, nếu mỗi lần đá một con chó vắng khỏi bãi diễn binh mà tao được một bữa ăn no thì tao sẽ mập gần bằng Hai Đuôi.”

Tôi huyết sáo, và Vixen lăm lăm đầy bùn chạy tới liếm mũi tôi, rồi kể cho tôi câu chuyện dài về chuyện nó đi tìm tôi khắp trại. Tôi chưa hề cho nó biết tôi hiểu tiếng thú vật, nếu không nó sẽ tự tung tự tác đủ kiểu. Vì thế tôi cho nó vào trong ngực áo khoác tôi đang mặc, và Hai Đuôi cựa quậy, giậm chân, càu nhàu một mình.

Nó nói: “Lạ! Lạ lắm! Di truyền trong gia đình tao. Cái đứa oắt con khó chịu đó đi đâu rồi vậy hả?”

Tôi nghe nó dùng vòi sờ soạng xung quanh.

Nó xì mũi nói tiếp: “Tụi mình hình như đều bị ảnh hưởng theo nhiều kiểu khác nhau. Bây giờ tôi tin là quý vị đã hết hoảng khi tôi rống.”

Ngựa kỵ binh nói: “Không hẳn là hết hoảng, nhưng nó làm tao cảm thấy như trên lưng tao thay vì có cái yên thì có mấy con ong bắp cày. Đừng làm vậy nữa.”

“Tao sợ một con chó nhỏ, còn lạc đà đây sợ ác mộng trong đêm.”

Ngựa kỵ binh nói: “Rất may cho tụi mình là mình không phải chiến đấu cùng một kiêu.”

Con la trẻ nói, nó lặng im đã lâu: “Điều tôi muốn biết... điều *tôi* muốn biết là tại sao mình phải chiến đấu.”

Ngựa kỵ binh nói, với một tiếng khịt mũi khinh bỉ: “Vì người ta bảo mình.”

Con la Billy nói: “Lệnh,” rồi tát hai hàm răng vào nhau.

Lạc đà nói với giọng ùng ục: “*Hukm hai!* [Lệnh!]” và Hai Đuôi với cặp bò lặp lại: “*Hukm hai!*”

Con la tân binh nói: “Ừ, nhưng ai ra lệnh?”

“Người đi trước đầu mày - hay ngồi trên lưng mày - hay nắm dây mũi - hay vịn đuôi mày,” Billy, ngựa kỵ binh, lạc đà và cặp bò lần lượt nói.

“Nhưng ai ra lệnh cho họ?”

Billy nói: “Ê nhóc tì, mày muốn biết quá nhiều đó, và đó là một cách để bị đá. Điều mày phải làm là tuân lệnh người đứng ở đầu mày và đừng hỏi.”

Hai Đuôi nói: “Nó nói rất đúng. Tao không thể luôn luôn tuân lệnh, vì tao lỡ cả lỡ cỡ. Nhưng Billy đúng. Tuân lệnh người kế bên mày, nếu không mày sẽ ngưng cả pháo đội, chưa kể còn bị đánh.”

Cặp bò kéo pháo đứng lên toan đi. Chúng nói: “Trời sắp sáng. Tụi tao về hàng của tụi tao đây. Đúng là tụi tao chỉ thấy bằng mắt, và tụi tao không thông minh lắm. Nhưng dù sao, tối nay chỉ có tụi tao là không sợ. Chào quý vị can đảm.”

Không ai đáp lời, và ngựa kỵ binh nói để đổi câu chuyện: “Con chó nhỏ đó đâu? Có con chó nghĩa là gần đây có người.”

Vixen ăng ăng: “Tao đây, dưới còng kéo đại bác với chủ tao. Ê, đồ thú lạc đà to xác ngớ ngẩn, tụi mày làm đổ lều tao. Chủ tao giận lắm.”

Cặp bò nói: “*Phi!* Ông chắc là da trắng?”

Vixen nói: “Dĩ nhiên. Bộ tụi mày nghĩ tao được tên da đen cười bò thiến săn sóc hả?”

Cặp bò nói: “*Huah! Ouach! Ugh!* Mình trôn lẹ đi.”

Chúng lao tới trong bùn, và xoay xở thế nào mà vướng ách vào cây cột của chiếc xe chở đạn.

Billy bình thản nói: “Giờ tụi mày kẹt rồi. Đừng vùng vẫy. Tụi mày kẹt tới sáng đó. Chuyện quái gì vậy?”

Hai con bò khịt khịt phì phì một hơi dài kiểu trâu bò Ấn, rồi đẩy rồi lấn rồi xoay rồi đạp rồi trượt rồi suýt ngã xuống bùn, càu nhàu dữ dội.

Ngựa kỵ binh nói: “Tụi mày sẽ gây cổ tức thì. Người da trắng thì đã sao? Tao sống với họ nè.”

Con bò đứng gần nói: “Họ-ăn-thịt-tụi-tao! Kéo!”. Bộ ách gây rắc một cái, và chúng ì ạch cùng nhau đi.

Trước kia tôi chưa hề biết cái gì làm trâu bò Ấn Độ sợ người Anh đến thế. Chúng tôi ăn thịt bò - một món không người bản xứ cười bò nào đựng tới - và dĩ nhiên trâu bò không thích chuyện ấy.

Billy nói: “Cầu cho tao bị quất bằng sợi dây buộc đệm của chính tao! Ai mà nghĩ nổi hai thằng đầu bò lớn xác như tụi nó lại mất trí chứ?”

Ngựa kỵ binh nói: “Đừng bận tâm. Tao đi nhìn coi cái ông này một cái. Tao biết, hầu hết người da trắng có đồ đựng trong túi họ.”

“Vây thì tao chào mày. Tao hông thể nói là tao thích họ lắm. Vả lại, dân da trắng mà không có chỗ nào để ngủ thì rất có thể là bọn ăn trộm, mà tao thì có nhiều tài sản nhà nước trên lưng. Đi nào, nhóc tì, mình về lại hàng ngũ. Chào mày, Miệt Dưới! Tao chắc ngày mai gặp mày lúc diễn hành. Chào mày, Đụn Cỏ mốc! Có kiểm soát cảm xúc của mày nghe chưa? Chào mày, Hai Đuôi! Nếu mai mày đi ngang tụi tao trong bãi đất thì đừng rống. Nó làm tụi tao rối loạn đội hình.”

Con la Billy lộp cộp bỏ đi với vẻ nghênh ngang của một kẻ từng xông pha chiến trận. Trong khi đó, đầu con ngựa kỵ binh sục vào ngực tôi, tôi cho nó miếng bánh quy, và Vixen, một con chó nhỏ tự phụ hạng nhất, khoác lác với nó về chuyện nó với tôi có vô số ngựa.

Vixen nói: “Ngày mai tao tới buổi diễn hành trong xe chó của tao. Khi đó mày ở đâu?”

Ngựa kỵ binh lịch sự nói: “Bên tay trái đội kỵ binh thứ hai. Tôi giữ nhịp cho toàn đội, thưa cô. Bây giờ tôi phải về với Dick. Đuôi tôi lấm đầy bùn, rồi ông ấy sẽ mất hai tiếng vát và để chải chuốt tôi cho kịp buổi diễn hành.”

Buổi diễn hành vĩ đại của toàn thể ba chục ngàn người diễn ra chiều hôm ấy, Vixen và tôi có chỗ tốt gần Phó vương và Amir xứ Afghanistan, ông đội cái nón đen cao to bằng len cừu Astrakhan có đính viên kim cương lớn ở giữa. Lúc đầu cuộc duyệt binh trời nắng. Các trung đoàn bộ binh diễn qua, hàng hàng lớp lớp chân bước đều nhịp, các khẩu súng đều tấp tểp, đến khi chúng tôi hoa mắt. Rồi tới đoàn kỵ binh, trong nhịp nước kiệu tuyệt đẹp của bài “Bonnie Dundee”, Vixen vênh tai nơi chỗ nó ngồi trên xe chó. Đội kỵ binh cầm giáo thứ hai vút qua, và con ngựa kỵ binh với cái đuôi như lụa bện, đầu áp vào ngực, một tai vênh phía trước một tai vênh phía sau, giữ nhịp cho cả đội, chân nó nhịp nhàng như nhạc valse. Rồi đại bác tiến qua, tôi thấy Hai Đuôi với hai con voi khác buộc yên cương thẳng hàng với khẩu súng phá thành nặng bốn tấn rưỡi, trong khi hai chục bộ ách bò bước phía sau. Cặp thứ bảy có bộ ách mới, chúng có vẻ mệt mỏi khó nhọc. Cuối cùng là súng cối, con la Billy ra dáng như thể nó chỉ huy cả đoàn quân, yên cương của nó được lau dầu và đánh bóng lấp lánh. Một mình tôi hoan hô con la Billy, nhưng nó không hề ngo ngoáy lại.

Mưa bắt đầu rơi lại, trong chốc lát trời mờ mịt sương không thấy đoàn quân đang làm gì. Họ đã làm thành nửa vòng lớn trên cánh đồng, và đang tản ra thành một hàng. Hàng quân càng lúc càng lớn cho đến khi dài hơn một cây số từ cánh này qua cánh kia - một bức tường dày đặc người, ngựa và súng. Rồi nó tiến thẳng tới Phó vương và Amir, và lúc gần đến nơi thì mặt đất bắt đầu rung chuyển, như boong tàu hơi nước khi máy chạy nhanh.

Nếu bạn không ở đó, bạn không thể hình dung tác động của đoàn quân đều đặn tràn tới này đối với khán giả là đáng sợ ra sao, ngay cả khi họ biết đó chỉ là duyệt binh. Tôi nhìn Amir. Cho đến lúc đó ông không tỏ một chút dấu hiệu ngạc nhiên hay thái độ gì, nhưng bây giờ mắt ông bắt đầu càng lúc càng mở to, và ông nắm dây cương trên cổ con ngựa của ông rồi ngoái nhìn phía sau. Trong khoảnh khắc hình như ông sắp rút gươm chém mở đường qua đám đàn ông đàn bà người Anh trên xe ngựa đằng sau. Khi ấy đoàn quân ngừng bật, đất đứng yên, cả hàng chào, và ba chục ban nhạc bắt đầu hòa tấu. Duyệt binh chấm dứt. Các đoàn quân về trại của họ dưới mưa, và một ban nhạc bộ binh tấu lên:

Thú đi thành từng cặp,

Hurrah!

Thú đi thành từng cặp,

Đội pháo voi và la,

Vào hết thuyền Noah

Tránh mưa!

Khi ấy tôi nghe một vị thủ lĩnh già gốc Trung Á, râu tóc dài hoa râm, ông đã tháp tùng theo Amir, hỏi han một viên sĩ quan bản xứ.

Ông ta nói: “Nào, làm thế nào mà lại tuyệt vời được như vậy hả?”

Viên sĩ quan trả lời: “Khi lệnh ban ra, họ tuân theo.”

Vị thủ lĩnh hỏi: “Nhưng thú vật cũng khôn như người à?”

“Chúng tuân lệnh cũng như người. La, ngựa, voi, hay bò, nó tuân lệnh người cưỡi nó, và người cưỡi tuân lệnh anh trung sĩ, trung sĩ tuân lệnh thiếu úy, thiếu úy tuân lệnh đại úy, đại úy tuân lệnh thiếu tá, thiếu tá tuân lệnh đại tá, đại tá tuân lệnh thiếu tướng chỉ huy ba trung đoàn, và thiếu tướng tuân lệnh đại tướng, đại tướng tuân lệnh Phó vương, Phó vương là bầy tôi của Nữ hoàng. Việc cứ như thế.”

Vị thủ lĩnh nói: “Phải chi Afghanistan cũng thế! Vì ở đó chúng tôi chỉ tuân theo ý riêng của mình.”

Viên sĩ quan bản xứ xoắn ria mép mà nói: “Vì lý do ấy, Amir của ông, người mà ông không tuân lệnh, phải đến đây nhận lệnh của Phó vương chúng tôi.”

Khúc quân hành của bầy thú doanh trại

VOI PHÁO ĐỘI

Chúng tôi phục vụ Alexander bằng sức Hercules,
Bằng đầu gối dẻo dai, bằng tinh khôn trên trán;
Chúng tôi cù cung tận tụy, không hề ngao ngán
Tránh đường - tránh cho đội voi ba thước
Của cỗ xe kéo cà nông bốn tấn rưỡi!

BÒ KÉO PHÁO

Bạn anh hùng đeo yên đai trôn đạn cà nông,
Họ biết về thuốc súng nên đâm ra đình công,
Khi đó chúng tôi tiến tới để kéo tiếp cà nông
Tránh đường - tránh cho hai chục bộ ách cuỡi
Của cỗ xe kéo cà nông bốn tấn rưỡi!

NGỰA KỶ BÌNH

Kỵ binh đánh giáo, kỵ binh nhẹ, kỵ binh nặng,
Hỡi vết nung trên vai ta, tấu lên điệu đều bước,
Khúc quân hành nước kiệu “Bonnie Dundee”
Dịu hơn kèn rửa chuông hay kèn uống nước!
Cho tôi ăn, dạy tôi chạy, chải lông cho tôi,
Cho tôi kỵ mã giỏi và bãi đất thật rộng,
Rồi đưa tôi vào đội hình mà xem thật đông
Ngựa chiến theo nhịp “Bonnie Dundee”!

LA SÚNG CỎI

Tôi và bạn đồng hành cùng nhau bò lên đồi,
Đường đá lăn nhưng chúng ta vẫn tiến không thôi.
Vì tôi có thể luồn lách, leo lên mọi thứ,
Vui trên núi cao, sức một hai cẳng còn dư!
Chúc trung sĩ may mắn, rồi để tôi chọn đường;
Xui xẻo cho kẻ nào không biết buộc yên cương;
Vì tôi có thể luồn lách, leo lên mọi thứ,
Vui trên núi cao, sức một hai cẳng còn dư!

LẠC ĐÀ QUÂN NHƯ

Chúng tôi không có điệu nhạc lạc đà

Để giúp chúng tôi hát theo tà tà,
Nhưng cổ chúng tôi là cây kèn lông
(*Rtt-ta-ta-ta!* là cây kèn lông!)
Và đây là hành khúc của chúng tôi:
Không! Không! Không! Không!
Hãy truyền qua hàng quân!
Kiện hàng của đũa nào rơi khỏi hông,
Ước gì đó là kiện của tôi!
Kiện hàng của đũa nào đổ xuống đường -
Hoan hô, ngừng lại làm om sòm!
Urrr! Yarrh! Grr! Arrh!

Dô ta!

TOÀN THỂ SÚC VẬT ĐỒNG CA

Chúng ta đều thuộc về trại binh,
Mỗi đũa phục vụ kiểu của mình;
Kiểu bộ ách và kiểu gây thúc,
Kiểu đệm túi và kiểu cương nút.
Hãy xem chúng ta qua cánh đồng,
Như dây buộc gót lại cong cong,
Tiến lên, lăn lộn, và nghiêng ngả,
Đến tận chiến trường tít xa xa!
Trong khi những người đi bên cạnh,
Bụi bặm, lạng lẽ, mắt nặng trĩu,
Hỏi tại sao chúng ta và họ
Hành quân cực nhọc ngày qua ngày.

*Chúng ta đều thuộc về trại binh,
Mỗi đũa phục vụ kiểu của mình;
Kiểu bộ ách và kiểu gây thúc,
Kiểu đệm túi và kiểu cương nút.*